

copy 2
Định viết 2/2/53

SOẠN - GIẢ :
THÍCH-ĐẠI-SÁN

汕 大 釋

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

事 紀 外 海

SỬ-LIỆU NƯỚC ĐẠI-VIỆT

THÈ-KỶ XVII

*

TOÀN BỘ : **6** QUYỂN

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

1963

ỦY - BAN PHIÊN - DỊCH SỬ - LIỆU VIỆT - NAM

ĐÃ XUẤT - BẢN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP I — TRIỀU GIA-LONG

Giá : 250đ00

AN - NAM CHÍ - LƯỢC

Soạn-giả : LÊ-TẮC

TOÀN BỘ : 10 QUYỂN

Giá : 350đ00

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP II — TRIỀU MINH-MẠNG

Giá : 250đ00

ĐANG IN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP III — TRIỀU THIỆU-TRỊ

Giao-dịch :

Ô. NGUYỄN-SANH-MAI

Số 4, đường Lê-Lợi — Huế

Giá : 50đ00

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ'

事 紀 外 海

SỬ-LIỆU NƯỚC ĐẠI-VIỆT

KHOẢNG THỀ-KỶ XVII

Soạn-giả :

THÍCH-ĐẠI-SÁN

汕 大 釋

DS556 .D3719 1963

Dashan [Thích Dai San],
17th/18th cent.

Hai ngoai ky su.
BC#2-2000-00000-0410

Toàn bộ : 6 QUYỂN

•

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

ỦY-BAN PHIÊN-DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

1963



Lời giới thiệu...

Đồng thời với việc nghiên-cứu các Châu-bản Triều Nguyễn và công bố những tập **Trích-yếu** về đời Gia-long, Minh-mạng, Thiệu-trị v.v..., Ủy-Ban Phiên-Dịch Sử-Liệu của Viện Đại-Học Huế vẫn tiếp tục phiên dịch các sử liệu giá trị. Ủy-ban đã cho xuất bản bộ **Annam chí-lược** của Lê-Tắc, và đã được Sử-giới cùng Học-giới hoan nghinh. Nay với bộ **Hải-ngoại kỷ-sự** của Đại-Sán Hán-Ông, Ủy-ban muốn công hiến độc giả một đoạn phim hiếm có về đời sống của người Việt-Nam ở vùng Thuận-hóa vào cuối thế-kỷ XVII do một vị lão-tăng Trung-quốc ghi lại. Vị lão tăng này, tức là Đại-Sán Hán-Ông, đã qua Thuận-hóa, thể theo lời mời của Chúa Nguyễn-phúc-Chân, ở tại chùa Thiên-lâm (An-cự, Thừa-thiên) và đã thuật lại, trong một bản văn do chính Chúa đề tựa, vừa cuộc hành trình đầy nguy hiểm của Đại-Sán từ Quảng-đông đến Thuận-hóa, với các việc Đại-Sán đã tai nghe mắt thấy trong thời lưu lại Nam-hà.

Đại-Sán đến đất Thần-kinh vào ngày 29 tháng giêng năm Ất-hợi (tức là ngày 13 tháng 3 năm 1695) và đến

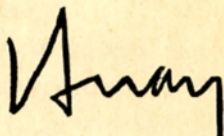
ngày 28 tháng 6 năm đó (tức là ngày 7 tháng 8) mới lìa Thiên-lâm để vào Hội-an về Quảng-đông. Tại Hội-an tàu bị trở gió và Đại-Sán bị đau ốm, nên phải hoãn cuộc hành trình. Đại-Sán ra Thuận-hóa lần nữa vào ngày 16 tháng 10 (tức là ngày 22 tháng 11). Lần này Đại-Sán trở ra Thuận-hóa lưu trú tại chùa Thiên-mụ, rồi vào cuối hạ tuần tháng 6 năm sau mới về Trung-Quốc.

Độc Hải ngoại kỳ-sự của Đại-Sán, chúng ta sẽ thấy được lòng sùng mộ Phật giáo của người thời bấy giờ, kể từ Chúa thượng đền thần dân. Chẳng những thế, chúng ta còn có một ý kiến rõ về đời sống của dân đen, về thuế má, về bệnh dịch. Một điều quý nữa, đó là Đại-Sán vén màn cho chúng ta thấy được đôi tí về trình độ trí thức của các bậc túc nho thời bấy giờ ở miền Nam. Nói chung, **Hải-ngoại kỳ-sự** là một sử liệu quý và đáng tin cậy. Mặc dầu Đại-Sán có vẻ tự phụ và, vì đó, tỏ ra quá nghiêm nhặt trong khi phê phán phong tục Nam-hà, nhưng các điều Đại-Sán ghi lại về văn hóa, xã hội, tôn giáo, đều là những sự kiện nghe thấy bởi tai mắt một người có tài quan sát.

Bộ Hải-ngoại kỳ-sự đã được Giáo-sư Trần-kinh-Hòa giới thiệu trong một bài khảo cứu bằng Hán-văn, chép rất công phu. Giáo-sư cho chúng tôi biết nhiều điều về bộ sách, cũng như về thân-thể và sự-nghiệp của Đại-Sán, nhờ đó chúng ta

càng hiểu rõ lời của Đại-Sán hơn. Chỉ một điều nên lưu ý, là Giáo-sư thường dùng tiếng Quảng-nam để chỉ địa-diểm của cuộc hành-trình được thuật lại. Thực ra, mục-đích của cuộc hành-trình đó không phải Quảng-nam, mà Thuận-hóa. Đáng lẽ phải nói Nam-hà thay vì Quảng-nam. Các học-giả Trung-quốc thời trước cũng có kẻ lầm Nam-hà với Quảng-nam như thế, vì họ dựa vào lời của các thương gia hay đi lại buôn bán ở Hội-an. Ngoài ghi nhận đó, bài khảo-cứu của Giáo-sư thật là giá trị và bổ ích.

Mong rằng bộ **Hải-Ngoại kỷ-sự** này cũng giúp đỡ nhiều cho sử-gia và học-giả như bộ **An-nam chí-lược**.



L.M. CAO-VĂN-LUẬN

Viện-trưởng Viện Đại-Học Huế, Việt-Nam

Mùa đông năm 1962

BÀI TỰA CỦA ĐẠI-VIỆT QUỐC - VƯƠNG NGUYỄN-PHÚC-CHÂU

BỒN-SƯ HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ TỰ

Nước Đại-Việt nhỏ nhoi, tựa núi day mặt ra biển, phá rừng bụi, đuổi hùm voi để định chỗ ở, trải nay đã 13 đời. Quả-nhơn ngu tối, tuổi trẻ nổi ngôi, chỉ e giềng mỗi nghiêng đổ, dễ thẹn cho người trước; hằng ngày cùng vài ba thần hạ, bàn luận đạo trị nước an dân; đã bao năm lo sắp đặt nội-trị, ngoại-an, nhưng chính lệnh vẫn chưa sửa sang, nhân dân vẫn chưa no ấm, ấy là tội lớn của quả-nhơn vậy.

Gần đây, xét đọc sách xưa, biết rằng đạo trị nước lấy « được người » làm cốt yếu. Nhà Tần được Bá-Lý-Hề ở nước Ngưu, nhà Tần được Đồ-Dư ở nước Nhung, được Phi-Bá, Công-Tôn-Chi ở nước Sở, đều lập nên nghiệp bá. Dùng được kẻ hiền thì nước trị, lẽ dĩ-nhiên từ xưa, nhưng quả-nhơn ngày nay, cảnh ngộ lại rất khó. Quả-nhơn không tiếc tước lộc, không hà tiện áo mũ cân đai, hầu hết thảo-dạ hiền tài đã vui lòng ra giúp. Ngặt vì nhơn tài xứ nầy, sinh nơi biên viễn, nghe thấy hẹp hòi, dùng làm chức nọ quan kia, may cũng làm tròn nhiệm-vụ; còn như cầu người đạo cao đức trọng, đủ tài kinh luân, lời nói việc làm, khá nêu sư-pháp cho muôn thuở, những bậc « đại-hữu-vi » như thế, trừ phi Trung-hoa, quê hương của Thánh-hiền Phật-tổ, ắt chẳng nơi nào có vậy. Theo lẽ, vờn kẻ hiền chẳng vượt ra ngoài quốc-cảnh, mà Trung-hoa Đại-Việt, nơi ở lại cách xa nhau; nếu chẳng phải kẻ có kiến thức siêu phàm, chẳng bị lưới đời ràng buộc, thì làm sao mời được. Than ôi, cầu được kẻ hiền đã khó, cầu được bậc thầy lại càng khó. Trường-thọ Bồn-sư Lão Hòa-Thượng, ta từ ngày đương ở sư-vị (đương làm thầy tử) đã nhiều năm ngưỡng mộ; Tiên-Vương (tức Nghĩa-vương) đưa thư rước mời hai lần không qua. Mùa

thu năm Giáp-Tuất, ta muốn thụ Bồ-tát-giới-pháp, nói chỉ Tiên-Vương sai người qua rước, may được Hòa-Thượng nhậm lời. Từ mùa xuân năm Ất-Hợi Hòa-Thượng qua đền nơi, lưu lại đền mùa hạ năm Bính-Tý, được gần gũi hôm sớm, cùng dưỡng chuyện trò; sau những lúc giảng luận thiền-kinh, còn chỉ vẽ luân thường cương kỷ từ việc lớn đến việc nhỏ, rạch đường chỉ nẻo, lời lẽ rõ ràng; khác nào dắt người từ trong chỗ tối tăm, đem ra nơi thanh-thiên bạch-nhật; giúp ích cho Quả-nhơn trong việc chính-trị nhiều biết chừng nào. Hòa-thượng trích lục một hai việc, chép ra thành sách, nhan đề Hải-ngoại kỷ-sự; lúc trở thuyền về nước đưa cho ta xem và khiến ta viết bài tựa. Tự xét học hành ít ỏi, dám đâu cầm bút viết văn; hoặc giả, vì sách chép việc nước ngoài, lạ lẫm tai mắt, sợ độc-giả nghĩ là hoang đường, nên muốn ta chứng-thực một đôi lời, hầu được phụ chép sau kiệt-tác của Đại-hiền vậy. Còn về phần Phật-pháp văn-chương, tài tình đạo đức, thấy ta khai hóa hơn 30 năm, viết sách hơn 20 loại, lưu hành đã lâu, đã có định giá, lời tán dương của ta, nào có tăng ích được gì đâu. Tuy nhiên, đại-thiên thế-giới, bụi tro hạt cát đều do biển Hương-thủy kết thành; trong những ngày Quả-nhơn cùng với Lão Hòa-Thượng ngao-du trong Hương-thủy Hoa-nghiêm, thì chẳng có gì phân biệt nội ngoại. Nay đã cùng nhau cách xa đại-hải, ở Quảng-đông mà chép việc Đại-Việt, thì gọi là Hải-ngoại Kỷ-sự cũng đúng lắm rồi.

Giáp-tý (tức Khương-hy năm thứ 35, 1696), bổ-nguyệt (tháng 5), Đại-Việt Quốc-vương Nguyễn-phúc-Châu, thọ Bồ-tát-giới-đệ-tử, Pháp danh Hưng-Long, Kính lễ viết tại Tỉnh-danh phương-trượng ở Tây-cung Giác-vương Nội-viện.

BÀI TỰA CỦA NGÔ-GIANG TỪ-HOÀN

Khoảng mùa xuân năm Giáp-tý, ta được nghỉ việc về phương nam, qua núi La-Phù (1) hái thuốc, nghỉ chân tại thành Ngũ-dương ; (2) lần đầu được gặp Thạch-công Hòa-thượng tại một khách-tọa, trong lúc nói chuyện, nghe lời nói thanh cao, khí tượng hùng vĩ, dồi dào tỏ ra sắc mặt ; nghĩ bụng chắc là một đệ-nhơn, vì một có gì muốn lánh mình trong cửa Phật vậy. Phút chốc mười lăm năm qua, trở lại Châu-giang lần thứ hai, nghe nói có vị Thiên-sur mới từ nước cổ An-nam Hải-ngoại trở về, Quốc-vương nước ấy thọ-giới làm đệ-tử, bồ-thí rất nhiều tiền bạc. Thiên-sur đem về xây cất Bửu-các ở phía tây Việt-tú-sơn, hiên lồng bóng nhật, nóc vút từng mây, tiếp liên điện-ngọc cung-châu, rực-rỡ Tung-khâu, Lan-nhã (nhà chùa), chẳng khác quỳnh lâu ngọc-vũ trong chốn động tiên vậy. Nhơn than rằng : Cặp-cô hóa-lạc (3), hiện lại nhơn gian, nhưng nếu Thiên-thân Bồ-tát chẳng ra đời, thì lấy ai diễn giảng « Tam-xa » (4) để gây mầm tốt Phật-giáo cho Chân-đán (5). Bèn chồng gây đền chùa, hỏi thăm cho biết. Người ra đón tiếp, chính là Thạch-Hòa-thượng ngày xưa ! Mừng mặt bắt tay, cùng nhau trò chuyện việc mười lăm

- 1) Núi ở phía đông huyện Tăng-thành, tỉnh Quảng-dông, Tương-truyền, Cát-Hồng đời Đông-Tần tu tiên đắc đạo ở đó.
- 2) Biệt xưng của thị-thành Quảng-châu, tỉnh Quảng-dăng, xưng tắt Dương-thành. Thời chiến-quốc Cao-Cổ làm tướng nước Sở, có 5 con dê ngâm bóng lúa đèn trước sân, cho nên tòa sân-sự Quảng-châu có vẽ 5 con dê ở trên rường nhà. Hoàn-vũ-ký chép rằng : ngày xưa có 5 người tiên cỡi 5 con dê đèn phủ Quảng-châu, nên nay gọi Quảng-châu làm Ngũ-Dương Thành.
- 3) Trưởng-già ở Xá-vệ-thành nước Ân-độ tên Cặp-Cô-Độc, vì tính từ thiên muồn châu cặp kẻ cô-độc, nên người ta gọi tên như thế. Cặp-cô-Độc mời Phật đến thuyết pháp, nhơn gọi tên vườn Cặp-cô-Độc.
- 4) Tiếng nói nhà Phật, tam xa gọi ngư-xa, lộc-xa và dương-xa để ví với Bồ-tát-thừa (đại-thừa), duyên-giác thừa (trung-thừa) và thanh-văn-thừa (tiểu-thừa).
- 5) Ngày xưa người Ân-độ gọi Trung-quốc làm Chân-đán.

năm qua, khác nào Thượng-Nguyên (6) Phu-nhơn gặp bà Ma-cô (7) nói chuyện Bồng-lai nước cạn vậy. Hòa-thượng nhơn lấy ra tập Hải-ngoại kỷ-sự và các tập khác đưa tôi xem. Văn chương lưu loát, như sấm vang chớp nhoáng, như núi chuyển biển reo, có lúc như cánh hồng bay vút từng mây, có lúc như gió bão reo vang rừng trúc ; thơ luật thì thanh tân uẩn súc, hùng hồn ly-kỳ, khiến người không còn chỗ nào có thể chỉ trích ; có lẽ nhờ đi ra Hải-ngoại, nghe thấy được thêm mở mang, nên văn khí ngày nay hùng bác khôi kỳ, so với ngày xưa còn hơn xa vậy. Ta già rồi, từ ngày lui về điền viên đến nay, tiểu tụy cô ngâm ; bao nhiêu thắng-tình cuồng-tử ngày xưa, tiêu tan hầu hết. Ve sầu khiêu gió, bỗng nghe loan phượng vang reo ; giọng tốt vẫn thanh, chỉ biết cúi đầu khen ngợi. Cho hay trong vũ-trụ những bậc Thiên-sư cao-sĩ, khác hẳn bọn tu hành khô khan ; văn chương của các ngài, so với bọn lưng lừa lựa chữ, (8) giọng văn như tiếng rê kêu sầu, khác nhau chẳng biết chừng nào mà nói.

-
- 6) Tên một tiên nữ. Hán-vũ-dê Nội-truyện : mừng 7 tháng 7 Nguyên-phong nguyên niên, Tây-Vương-Mẫu ngự xuống Hán-cung khiến mời Thượng-nguyên Phu-nhơn đến ăn yến. Phu-nhơn là mẹ của Tam-Thiên Chân-hoàng, thông lãnh thập phương Ngọc-nữ.
- 7) Tiên-nữ ngày xưa, tu đạo ở Cô-dư-Sơn. Thời Đông-Hán Tiên nhơn Vương-phương-Bình đến nhà Thái-Kinh, mời Ma-cô đến, Ma-cô bảo Phương-Bình rằng : (từ ngày ta được thừa tiếp đến nay, đã thấy Thượng-hải 3 lần biến làm tang điền ; vừa rồi ta đến chơi Bồng-lai, thấy nước cạn hơn ngày trước, có lẽ sắp biến thành lục địa chăng).
- 8) Thời Đường thi-sĩ Giả-Đạo ngồi trên lưng lừa nghĩ được câu thơ : « Điều túc tri trung thọ, tăng « Xao » nguyệt hạ môn », chữ « Xao » lại muốn đổi làm chữ « thôi », cân nhắc hai chữ, không biết chữ nào hay hơn, suy nghĩ sưng sốt, đến đổi đạo lính hầu quan Kinh-Doãn đi đến cũng không biết.

BÀI TỰA CỦA TÂN-LÃNG MAO-ĐOAN-SĨ

Lớn mà hóa gọi là « Thánh », thần mà sáng gọi là « Kỳ ». Những bậc anh-sĩ phi-thường trong thiên-hạ, tùy theo xứ-cảnh của mình mà tỏ ra kỳ ; hoặc kẻ anh-hùng áo vải, hoặc kẻ đạo-sĩ mào vàng, địa-vị khác nhau, việc làm khác nhau, nhưng hễ làm đến tột bậc thì đều gọi là « Kỳ » cả. Đương lúc việc chưa thành, danh chưa lập, mà việc làm lời nói khác lạ hơn đời, kẻ tục-tử dung-phu, đi theo dóm hành và dị-nghị ; đến lúc việc đã thành, danh đã lập, cũng còn có kẻ dị-nghị, cho là khác tục trái đời ; đó chẳng qua vì những kẻ không « Kỳ » lại muốn khoe lõe cái « Kỳ » của mình ; muốn khoe lõe cái « Kỳ » mà sự thực không « Kỳ », lại kinh ngạc cái « Kỳ » của người khác, rồi sinh lòng nghi-kỵ ; bởi thế làm dung-phu tục-tử dễ, mà làm kỳ-nhơn hơn đời thực khó lắm vậy. Hán-Ông Hòa-thượng mới sinh ra đã « Kỳ » rồi, tuổi trẻ xuất gia, học hết ngũ-minh (1) chư luận, thông hiểu lý số âm dương, châu du thiên-hạ, tiếng tăm đầy dẫy khắp trong ngoài ; đến lúc cõi gió vượt sóng đáp ứng lời mời của Đại-Việt Quốc-vương ; những nơi trải qua, nào là sơn-xuyên hình thế, phong-thổ tập tục, đều ghi chép rõ ràng ; cao đàm hùng luận, tỏ ra có kinh-luân đại tài ; để vịnh văn thơ, thấy đều thanh cao hoa lệ ; góp hết tinh vi tam giáo, làm nên kiệt-tác một nhà, thực là một kỳ-quan trong biển học vậy. Kỳ-nhơn mới có kỳ-văn, đã có kỳ-văn, ắt phải có kỳ sự ; Hòa-thượng tha cho Thần-long miễn chầu và sai khiến quỷ-thần ủng hộ, ấy là khai-đoan của kỳ-sự vậy ; cho đến việc sai gió khiến mưa, cảm thông trời đất, như Quảng-Minh Đại-sĩ thác mà vẫn sống, kẻ thức-giả cho đó là viên-thông diệu-khê (2), phưởng phất với tam-muội (3) chính-giác của Bửu-Chỉ, Đàm-Siêu, Phong-Can, Đổ-

-
- 1) Tây-vực-ký : Ngũ-minh đại-luận 1) Thanh-minh. 2) Càng-xảo-minh, 3) Y-phương-Minh, 4) Nhân-minh (luận-lý-học), 5) Nội-minh (Phật giáo lấy tam tạng 12 bộ làm Nội-minh).
2) Tiếng phạn : giác tuệ châu viên, thông nhập pháp tính gọi là « viên-thông ».
3) Tiếng phạn cũng gọi là « tam-ma-địa » tam muội nghĩa là thể tịch-tĩnh lìa khỏi các mối tà loạn.

Trùng (4) ; kẻ dốt nát thì cho đó là việc quái-dân rồi đua nhau chỉ trích dị-nghị om sòm. Nhưng biết đâu « đáy bát sinh rồng, trong miệng phóng ra hào-quang » (5), đời vẫn có sự kỳ lạ như thế ; khi chưa thấy đáy bát sinh rồng, trong miệng phóng ra hào-quang, chẳng nói làm gì ; đến lúc rồng đã sinh ra ở đáy bát, hào-quang đã phun ra từ trong miệng, đó là do pháp-lực cao cường, mới biến hóa được như vậy, thế mà còn cho là quái-dân, rồi ngạc-nhiên kinh dị, có phải vì không biết sự huyền-diệu của đạo viên-thông mà ra không. Tôn-Đẳng (6) có nói : « Lửa sinh ra tức có sáng, nhưng chẳng dùng sáng ». Nếu quả dùng sang, thì cái « kỳ » của Hòa-thượng, tức cái sáng của Hòa-thượng vậy. Hãy xem lúc Hòa-thượng đi thuyền vượt biển, sóng lặng gió yên, có chim thần dẫn đường, cá dữ xa lánh, ấy cũng do Hòa-thượng dùng sáng vậy ; nhưng người thường hốt hoảng, Hòa-thượng lại tự nhiên, thì Hòa-thượng quả đã dùng sáng chăng ? Nay thử đem tập Hải-ngoại Kỉ-sự ra bàn, tập sách ấy không có vẻ khô khan, cũng không có vẻ yêm bác, biểu dương trung hiền tiết nghĩa, đều những lời nói có bổ ích cho thế đạo nhơn tâm, chính đại quang minh, chẳng khác gì cái học nguồn gốc của đạo nho ta vậy. Bởi thế cảm hóa được người dị-quốc, khiến quy thuận với Thiên-triều ; lấy kỳ-cương Trung-hoa, biến đổi tập tục xù lạ ; đem vàng nước người, về xây dựng cảnh chùa bát hủ ; khoan thai đường hoàng, giữ lòng ngay thẳng ; đường đường chính chính, chẳng dối người cũng chẳng tùy người ; há chẳng phải dùng « Kỳ » mà chẳng lỗi với « Chánh », viên-thông mà chẳng quái dân hay sao. Ta vì thế phục sự « dụng kỳ », của Hòa-thượng thực thần minh khôn lường.

-
- 4) Tên các vị Cao-tăng. Bửu-chí, Cao-tăng đời Lục-triều, có phép linh, Tề-vũ-đề bắt giam vào ngục, sáng ngày đã thấy đi chơi ở chợ ; nhưng đến lúc kiểm tù lại vẫn thấy trong ngục. Phong-can, Cao-tăng đời nhà Đường, thường cỡi cọp ngậm khúc đạo-ca. Đỗ-Trùng Cao-tăng đời nhà Tần.
 - 5) Tân-đạo-Xức, Đường-Tăng, mỗi lúc tụng kinh trong miệng phóng ra hào quang.
 - 6) Người thời Tam-Quốc, thường đánh đàn độc-huyền đọc kinh dịch.

BÀI TỰA CỦA DŨNG-GIANG CỪU-TRIỆU-NGAO

Từ xưa các bậc danh nhơn, trong lúc ngao du sơn-thủy, thường hay vịnh cảnh để thơ ; hoặc bằng tuyệt-cú, hoặc bằng trường-thiên, tuy thể chế khác nhau, đều cốt để hình dung cái tốt đẹp của cảnh vật. Từ-Hậu (1) qua chơi Liễu-Châu, không làm thơ nhưng có làm ký-sự; Thiều-Lãng (2) đi vào Ba-Thục, không làm ký-sự nhưng lại có làm thơ ; hoặc ký hoặc thơ, đều là những bài tả chân tuyệt diệu. Ta đọc tập Hải-ngoại Kỳ-sự của Thạch Hòa-thượng mừng thầy sách gồm cả cái hay của hai nhà văn-hào nói trên, và chứa đựng rất nhiều lời lẽ kinh bang tề thế; sơn xuyên hình thắng, phong thổ tập tục, đều ghi chép tỷ-mỷ từng việc, có quy cũ rõ ràng ; chẳng phải luồng bày đặt phô trương, để khoe những lạ lùng của Ngoại-quốc vậy. Trong khoảng vài tháng, trải qua hai muôn dặm tuyết-vực, thù ứng phân phiến, vãng lai bận rộn, thế mà Thạch-công ung dung đàm tiếu, viết ra mấy ngàn vạn lời. Khí trùm biển cả, bút lay non cao, nếu chẳng phải sẵn có đại-tài văn-chương, làm sao lạnh lẽo thần diệu được như thế. Vả lại, ông đi đến đâu cũng tuyên dương đức-hóa của Thánh-thiên-Tử (Thanh-triều), khiến những nước chưa từng tiếp xúc Vương-đỉnh, cũng đều quy tâm hướng-hóa. Ông muốn lấy kỳ-cương Trung-Quốc, biến đổi tập tục viễn-phương, ấy tức là lòng « nhất-thị đồng nhơn », xem bốn biển như anh em, của thánh hiền vậy. Sách này lưu truyền vũ trụ, có thể bổ khuyết cho những điều mà các sách Sơn-kinh Hải-chí, Chức-phương-ký, Vương-hội-đồ chưa từng nói đến. Vì khiến tay kinh luân như Thạch-công được thử tài một phen, thì công nghiệp của những kẻ xưng bá Phù-dư (3),

1) Tên chữ của Liễu-tôn-Nguyên, văn sĩ đời nhà Đường.

2) Biệt hiệu của Đỗ-Phủ, thi-sĩ đời Đường.

3) Tên một nước ngày xưa, sau bị Cao-cú-Ly đánh dứt. Đời Đường, Tiệt-nhơn-Quý đi đánh Cao-ly, đánh hạ được nước Phù-Dư. Nay thuộc phía Nam tỉnh Liêu-Ninh.

mở đất Nhật-bản » (4), cũng chẳng thăm vào đâu vậy. Than ôi, Hòa-thượng đã già rồi ! ôm tài thông hiểu thiên nhơn, nuôi chí kinh bang tề thế, phất nguyện Bồ-tát, ấn dầu thiển-lâm, sau những lúc vui đạo tu hành, mượn văn chương để giải bày tâm chí, nhơn đó cũng có thể tưởng thầy khi khái trác lạc phi thường của Hòa-thượng vậy.

Khương-hy kỷ-mão mạnh-xuân (1699), Dũng-Giang Cừu-Triệu-Ngao để tại Đoan-châu lữ thứ.

4) Không thầy sử chép có tướng Trung-quốc nào mở cương vực đến Nhật-Bản

HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ

QUYỂN 1

MÙA xuân năm Giáp-tuất, (Khương-hy 33, 1694), ta tính đi lên phương bắc, vì có lệnh gọi của bề trên; tuyền lựa tôi tớ, sửa soạn hành lý, định đèn đầu tháng hai, ngày tốt, sẽ khởi hành. Kề phát đau bệnh dạ-dày. Nhơn nghĩ, hiện nay xây cất nhà ở, gác kinh, công tác đương bề bộn; biên tập bộ Đãng-đãi 100 quyển, hiệu-định chưa xong; hãy tạm lấy có đương đau, hoãn việc đi phương bắc. Thương lượng với các người đương-sự, nhờ kiểm lời từ chối. Được tạm nghỉ, bèn đóng cửa tạ khách, vui thú quyền kinh câu kệ, hoặc tưới hoa trồng cây; hôm sớm tiêu dao, hầu tránh phong trần phiền não. Bước qua ngày mừng 4 tháng 8, Tri-khách gõ cửa báo có sứ-nhơn nước Đại-Việt đến. Mời vào ra mắt, sứ-nhơn người tỉnh Môn (Phúc-kiến), tay nâng phong thư giấy vàng, rất kính cẩn lạy dâng lễ vật, các thứ vàng-nam, sông-hoa (hoa-đăng, thứ mây song có hoa), lụa vàng, kỳ-nam; đoạn quỳ gồi thưa rằng: «Đại-Việt Quốc-Vương ngưỡng mộ Lão Hòa-Thượng đã lâu năm, ngày nay đột hương xa lạy, dâng phong thư trước tòa Sư-tử, cúi cầu Đạo-Giá lai lâm; nếu được nhậm lời, là phước lớn cho hạ-quốc vậy ». Hưng-Liên tự Quả-hoàng, người nôi dòng tu của ta, được Quốc-Vương phong làm Quốc-sư, cũng có gởi kèm thư riêng. Kề từ Tiên-vương (tức Nghĩa-vương) có thư mời, đến nay cả thấy ba lần, mời đến ba lần tường cũng đã thành tâm lắm vậy. Ta nay chưa đi phương bắc, nhơn còn nhàn rỗi, sao chẳng rong chơi hải-

ngoại cho được mới mẽ tai mắt ; hoặc giả sơn-xuyên, phong-thổ, nhơn-vật, còn nhiều mới lạ ngoài sự nghe thấy tầm-thường của ta chăng.

Cuối tháng chạp, tuyên cáo hành trình với các nhà quan-thân đương-cục và bạn bè làng-thơ. Kê đèn ra giếng, kê tiền người đưa, kê biếu quà, người cho vật dụng, rồi thì, chúc lên đường mạnh giỏi, đưa thơ ca tặng hành, tập nập từ sớm đến chiều chẳng lúc nào rảnh. Định đi lần thứ nhất, đình lại; qua lần thứ hai, cũng lại đình; lần nữa đến lần thứ ba mới quyết-định. Đêm Thượng-Nguyên, (15 tháng 1 năm Ất-hợi, Khương-hy thứ 34, tức 27-2-1966 D.L.) lên đò từ bên tây, đã có tàu biển chờ sẵn ở Hoàng-phổ. Đêm ấy nước ròng bên cạn, mấy mươi người dắc đò, mãi không ra đến Châu-Giang. Ngồi trên đò « Dưa-hầu », cùng đồ-đệ bày trà quả cơm bánh ra ăn bữa tối. Trời mưa lay-phay, dội vào hai chậu mẫu-đơn đặt trước mũi thuyền, mỗi chậu có vài mươi đóa hoa chớm nở; xảy lúc ấy, trước gió, cách sông, có người tựa lầu thỗi ổng dịch; sức nhớ truyện cũ Khai-nguyên, trong khi Huyền-tông đòi diện Dương-quý-Phi, uống rượu Bồ-đào, đặt khúc hát mới, làm cho tiệc vui được thêm phần tươi đẹp. Nay danh-hoa lìa nước, lòng hoa ủ-buồn, há không một lời nào để yên ủi hoa sao ! Nhơn bất chúc Thanh-bình-diệu của Lý-Bạch làm thành ba bài tuyệt-cú như sau:

Bài thứ I

*Trối khúc xuân-ca hứng chữa tàn.
Hương trời lạnh lẽo luồng riêng than.
Nhìn hoa, nhân thề nường trong mộng.
Ai kẻ đêm trường thức hỏi han ?*

Bài thứ 2

*Mây mưa che khuất bóng trắng rằm.
Tựa gò nhìn hoa, lắng sóng gấm.
Bể thăm muôn trùng ai dễ vượt.
Một cảnh bầu bạn bước xa xăm.*

Bài thứ 3

Ngày xuân trăm thức thả đua tươi.

Thượng-uyển xưng vương chỉ một người.

Nam-Quốc ngày nay khoe sắc thắm.

Tiếng thorm lừng lẫy nước non người.

Qua canh hai, nước lên, dò ra Châu-Giang thẳng dòng đến bến Dịch-Lâu phía đông đậu lại. Gà gáy, nước ròng, dò thả nước xuôi đi xuống. Rạng sáng đến Hoàng-phổ. Núi thấp dần, biển rộng dần, thăm thẳm xa trông, thấy chiếc tàu biển dương nhô nhô trong khoảng mênh-mông sóng nước. Một lát bạn thuyền dọn cơm sáng. Chiếc dò mui (lâu thuyền) nẩy, trước ta thường ngồi đi lại trên Đoan-giang, kinh cang đã lầy lầm lớn lằm, nhưng nay đậu cặp bên tàu biển (Đồng-mông), ngửa mặt trông lên, phải bắc thang mới lên được, thì hóa ra quá nhỏ nhoi ! Ta quay lại bảo các đệ-tử rằng : « Phàm vật chớ nên tự tôn tự đại, những người muốn xưng tôn ở nơi không Phật, có xem đây mà tỉnh ngộ lại chăng ».

Trên thuyền bốn năm trăm người, hàng hóa ngổn-ngang, tăng chúng đi theo ta hơn 50, hành lý cũng bộn. Các người chủ thuyền nhìn nhau không biết sắp đặt cách nào, định bớt khách hàng trở lui Dương-Thành (1), ta cũng bớt lại phần nửa tăng-chúng hành-lý, cho theo hai thuyền đi sau, bàn cãi một chặp lâu mới quyết định. Chuyển dọn hàng hóa lên xuống, người nói lao nhao, diễn thành một quang cảnh rộn-rịp. Chia dọn bốn khoang buồng, khoang rộng chứa 5, 6 người khách, hẹp cũng 3, 4 người, còn bao nhiêu đều ngồi ngoài trời.

Quá ngo, khai thuyền. Gió xuôi nước thuận, có hai thuyền nhỏ dò nước dẫn đường, trên cột buồm cắm hoa treo cờ rực rỡ. Khách tông hành hôm trước còn ở lại, chong mắt nhìn theo, rồi giải tán, đến lúc trên bờ không còn một ai. Đến thờ Thần Nam-Hải, thấp thoáng trong rừng sâu, bỗng-chốc quay nhìn đã không thấy. Nhon vịnh hai bài thơ như sau :

Bài thứ 1

Xa tít Phiên-ngung-quận. (2)

Đền-Thần ngoảnh lại trông.

1. Tức tỉnh thành Quảng-dông (xem phụ-chú 2 ở bài Tự Từ-Phàm).
2. Thuộc tỉnh Quảng-Đông. Ngày xưa Triệu-Đà đóng đô ở đó.

Trời xanh liền nước biếc.
 Ao lục khuất tường hồng.
 Cối Võ (3) trong mờ mịt.
 Bia Hàn (4) tạc đức công.
 Trương buồm nay vượt biển,
 Nhất lộ cầu hanh thông.

Bài thứ 2

Cao thấp gò liền núi.
 Đông nam sóng biển reo.
 Thẳng dòng giăng lưới cá.
 Quanh lối vắng chân tiêu.
 Mai nở ven bìa xóm.
 Sương sa phủ ván kiêu.
 Tranh Vương-Duy (5) giồng hết.
 Ghi nét vẽ vờ theo.

Gần chiều, thuyền neo lại, trời hơi lay phay mưa. Phía nam Hồ-Môn, dòng nước trắng xóa, một ngôi tháp cao vút từng mây. Hồi thăm, biết đây là huyện-lỵ huyện Đông-quân (東莞), đêm ấy ngủ lại trong địa giới huyện ấy. Khoang buồng chật hẹp, day trở không được, phải nằm ngửa mặt suốt đêm. Trời mưa lâm râm, mấy mươi người nằm ngoài trời, lẫn ép nhau gần sát bàn thờ thần, suốt đêm la lối giành chỗ. Ta nghĩ, ta vì phật-pháp đi qua Nam-Quốc, ngẫu-nhiên một phen vất-vã, còn chịu không nổi thay; bọn thương-khách đem hàng hóa bạc muôn, xông pha ba đào, để cầu lợi; chút ít; suốt đời nguy hiểm, sinh kê sao quá đổi gian nan !

Sáng dậy, quá nửa hành-lý bị mưa ướt. Bọn tùy tùng bức tức, muốn than phiền nỗi khổ trong đêm, nhưng thấy ta ngồi lặng-thĩnh, lại thôi không dám nói. Bọn thuyền lo dọn vén sắp đặt, tạm thời cũng hơi được gọn gàng.

3) Vua Đại-Võ nhà Hạ chia khu-vực Trung-Quốc làm 9 Châu.

4) Hàn-Dũ làm Thứ-Sứ Triều-Châu, làm văn bia dựng ở thần-từ để ghi tạc công-de.

5) Thi-sĩ kiêm họa-sĩ đời Đường.

Gần trưa, khai thuyền, gió xuôi nước thuận, thuyền đi mau như bay. Còn cách Hồ-Môn chừng một dặm, thuyền bỗng mắc cạn; lỗi do người coi lái tự ý làm tài, không theo đường lối do thuyền con chỉ dẫn. Bánh lái mắc kẹt ở dưới, thuyền không tiến được; gió dè ở trên, buồm chưa kịp thả lèo. Một tiếng ầm, thuyền nghiêng một bên, ve thuyền chạm nước, ai nấy đều thất sắc, cảm chắc thuyền phải vỡ tan. Vội vã xả buồm, mọi người đứng về phía trên gió, ba chiếc thuyền con và mấy trăm người lôi kéo, thuyền vẫn chẳng nhúc nhích chút nào.

Ta có làm phòng sẵn bốn cây cờ nhỏ, trên mỗi lá cờ, phía trên đề 10 chữ : (Ngô bình Thích-Ca Vô-thượng Pháp-Vương tuệ mạng) (吾乘釋迦無上法王慧命), phía dưới, lá thứ nhất viết bốn chữ: (Đại-vũ tạm chỉ) (大雨暫止); lá thứ nhì viết (Thuận phong tương tòng) (順風相送); lá thứ ba viết : (Chư-thần ủng hộ) (諸神擁護); lá thứ tư viết (Long-Vương miễn triều) (龍王免朝). Thấy thề nguyền, ta vội bảo lấy cây cờ (Chư-thần ủng hộ) cắm lên; cờ vừa trương ra, tức thì bánh lái rơi xuống, thuyền trở lại thẳng bằng, thực chẳng phải sức người làm được vậy. Xét chỗ có tiếng ầm hồi nãy, thấy miệng ván giáp-đa (phụ bánh lái) bị gãy, vì-lư (chỗ xỏ bánh lái) cũng hơi xé nứt. Tức thì tu bỏ lại. Nhờ dịp ngừng thuyền chốc lát, được ngắm xem hình thề nơi đây : Đồi diện gò Hồ-đầu, hai bên hai hòn núi trọc, phục xuống nhô lên; hai viên đá Đại-hồ, Tiểu-hồ chờn vờn giữa dòng nước chảy, như hình cộp gối xồm ngưỡng đầu lên, sắc đá cháy đen như màu sắt. Bên tả ngạn hòn Tiểu-hồ có một pháo-đài quày mặt ra biển, tựa trên sườn núi, tục gọi A-nương-hải (chiếc giấy cô nàng), vì hình giống chiếc hải vậy. Trong lùm cây, thẳng bìa dãy núi nhỏ, thấy có khói lửa, cư-dân toàn là phường chài và sở làm muối, không có dân cây. Những nơi cao hiểm đều có đặt đài canh gác. Chỗ eo núi dòm ra biển, tức là cửa Áo-Môn vậy. Nhon làm hai bài thơ thất ngôn, tả cảnh « Hồ-Môn vọng hải » như sau:

Bài thứ 1

*Bạch-mã cờ thiêng giải bóng tà,
Rắn rồng lớp lớp ruổi phong ba.
Không cần gương nguyệt thấu đêm sáng,*

6) Hán-Vũ-Đề khiến Dương-Bộ làm Lâu-thuyền Tướng-quân qua đánh Nam-Việt.

Khá cỡi bè tiên khắp xứ qua.
 Trời thấy có sao chia phận dạ,
 Đất nhìn không chỗ biệt Trung-Hoa.
 Lâu-thuyền (6) chuyện cũ dường trong mộng,
 Than tiếc nghìn xưa sứ Hán-gia (7)

Bài thứ 2

Ron reng giáp sắt tiếng xa đưa.
 Ngọc phá châu chìm cảnh xác xơ,
 Gió cuốn lưng trời non đồ sụp.
 Sóng xao mặt biển trông vang khua.
 Dầu xưa thành nguyệt chìm mây khói.
 Chợ quý lâu đài bóng ảo mơ (8)
 Kia biển Linh-đỉnh (9), non Lỗ-mạn (10)
 Bảy-châu (11) ngoài cõi biệt đâu thừa.

Đậu thuyền lại. Nửa đêm, bỗng gió bốc thổi mạnh, sóng簸 ầm ầm; dây neo gấn đứt, thủy-thủ sợ hãi không dám xuống tam-bản để gieo chiếc neo thứ hai, nhưng bị chúng rầy mắng, sợ phải đi xuống, may thuyền lại được hơi yên. Nghĩ bọn chúng, công thuê tiền mướn chẳng bao nhiêu, mà liễu thân sông chết, coi sinh mạng như phù-du; trông đời những kẻ tham phú quý, chịu nguy cơ, thì cũng như bọn thủy-công kia mà thôi vậy.

Gần sáng, mưa gió đẩy trời, ta bảo đem cây cờ (Đại-vũ tạm chỉ) dựng lên. Bỗng chốc, trời quang mây tạnh, bèn cho thuyền qua Hồ-môn. Có những đồng đá lúc nhúc trắng bãi cát như hình bảy chó. Một lát có một người ngồi thuyền con đi đến, tức Công-Sai Việt-hải-quan ra thuê. Đậu thuyền chỉnh đốn lại mọi việc. Chèo thuyền nhỏ vào khe núi lấy nước ngọt, các thùng nước đều đầy mấp. Cho hai chiếc thuyền dẫn-lộ trở lại, thuê một chiếc xuống con chở nước ra thuyền. Lại trương buồm chạy,

7. Hán-Cao-Tổ khiển Lục-Giả đi sứ Việt-Nam, phong Triệu-Đà làm Nam-Việt-Vương.
8. Bồng lâu-đài ảo mơ thấy trên biển, tức là « Hải-thị thận-lâu » (Mirage) vậy.
9. Quảng-Đông, Trung-Sơn-huyện có núi Linh-đỉnh, mặt biển ở dưới núi ấy, gọi là « Linh-Đỉnh-Dương » (biển Linh-Đỉnh).
10. Lỗ-Mạn-Sơn, một đảo thuộc Quảng-Đông.
11. Thất-Châu-Dương (biển Bảy Châu), phần biển ở đông nam đảo Hải-Nam.

trên mặt nước còn giăng mây lớp núi, ra mãi chưa hết. Cho biết Đông-Việt là một nơi hình thắng, cửa biển dân cư đông đúc, giàu có là phải lắm.

Đền chiếu tôi, neo thuyền trước núi Ô-Trư. Trên núi có một thứ trà, mọc tự nhiên chẳng ai trồng, có thể dùng chữa lành bệnh sốt rét, một mối lợi của người đánh cá xứ nầy. Nước xanh biếc, bạn thuyền dùng dây gai cột chỉ dò mức sâu cạn. Có một thứ rêu xanh dài hàng thước, quấn vào trên dây, thứ rêu ấy dùng làm rau, mùi hơi tanh mặn, ăn được. Cá nước đi từng bầy, hình giống heo, sắc trắng, nổi lên lặn xuống, có con đứng trên mặt nước cả buổi rồi lặn mất. Vì ít thấy, nên thầy gì cũng cho làm lạ.

Có người hô : « Giốc-đái-tĩnh » (角帶井 = Giếng vòng-đai) ! Tục truyền, ngày xưa tướng Phục-ba (Mã-Viện) đi đánh giặc Mán, quân sĩ hết nước uống, ông đặt một vòng đai giữa biển, khiến binh-sĩ múc nước trong vòng ấy mà uống, nước ngọt, nhờ vậy khỏi nguy khốn ; đền nay người ta gọi « Giốc-đái-tĩnh » những vầng nước lóng lánh như gương, lơ dờ trên mặt biển khoảng một hai dặm, ai gặp thấy lầy lầm điếm lạnh. Thực là một truyền-thuyết không có căn cứ.

Gần xa có vài mươi chiếc thuyền chài, trương buồm qua lại. Những eo núi bồng khối ngàn ngụt, ấy là các sở làm muối. Thắng biển, cá và muối là mối lợi giúp cho Bách-Việt (Quảng-đông) và Nam-Cồng (Quảng-Tây) được no đủ vậy.

Trên thuyền, đồ vật đều sắp xếp gọn gàng, chùi rửa sạch-sẽ. Bây giờ đánh trống khua chuông, dâng heo rót rượu, một bà bóng mặc áo xanh dài tay, đội mào Đa-la-di trắng, thắt dây lưng đỏ, tay cầm mộc-côn sơn son ; lạy múa lắc lư, ngửa mặt lên bàn thờ la hét ; mỗi lúc múa xong một lớp, lại đánh chiêng trống trợ oai ; chúng ta và các hành khách vây quanh đứng xem, bà bóng then thùng khó chịu, múa lia lịa một vòng, xong rồi, muốn bỏ đi, bị người đứng coi cản lại la rầy, bèn vung tay áo múa lại một vòng nữa rồi bãi. Từ đó về sau trên thuyền không nghe tiếng chuông trống.

Đêm ấy khí trời mát mẽ, mây tạnh trời trong, người trên thuyền nằm ngổn ngang dưới bóng trăng thanh sao sáng ; bàng hoàng trông ra tứ phía, ngậm năm bài tuyết cú, gọi bạn tri âm.

Bài thứ 1

Bắc nhiều đường phẳng, nam nhiều biển,
Đi ngựa đi thuyền có thói quen.
Riêng tớ bắc nam không định trú,
Khi vung roi ngựa lúc buông thuyền.

Bài thứ 2

Không nước không thuyền gương gọi tên.
Bao giờ gân cốt chẳng phân minh,
Nhẹ như chiếc lá, thuyền muôn hộc,
Cột lớn chèo dài vượt biển xanh.

Bài thứ 3

Biển cả khe sâu gió thổi ran,
Năm canh sóng vỗ sầm rầm vang.
Đèn ngư về bên trong đêm tối,
Nhập nhới mưa phun điểm điểm vàng.

Bài thứ 4

Xa ngắm cù-lao một ngàn xanh,
Trải qua ngoài ấy biển mông mênh.
Bỏ-đoàn dưới nguyệt ngồi yên định,
Vô định ba đào hóa lặng thinh.

Bài thứ 5

Cò-nhơn tiền tớ tôi hôm rằm,
Liệu tớ hôm nay đến nước Nam.
Ai biết Ô-Trư bên Hải-đảo,
Trên tàu vẫn có lão-tăng nằm.

Sáng sớm ngày sau, cơm nước xong, khai thuyền, chạy suốt ngày mới đến một hòn đảo xa tít, đậu lại. Đảo này tên gọi Lỗ-mạn-Son. Tương truyền, chim anh-võ ngoài biển bay qua núi ấy, nếu không chết thì bay đi, người ta cho rằng thần Phục-ba thả đi vậy.

Có một tàu cùng đậu, sai thuyền nhỏ qua hỏi, nghe nói tàu ấy của người Gia-ri-ba, (12) mọi người đều sợ.

Ba đào húng dưng, tàu chúc mũi chúc lái, nghiêng qua nghiêng lại, dần dần có người say sóng, chóng mặt không ngồi dậy được. Ta nhờ ăn no, hơi yên, nhưng không được khoan khoái như hôm trước.

Đêm 19 tháng ấy, chừng canh hai, gió mưa nổi lên ầm ầm, nằm nghe tiếng hổ-lơ của bọn thủy-thủ. Bỗng chốc như nước thác nghìn tấm đổ xuống sườn núi ; như mưa rào gió bão xao lay rừng chuối ao sen, lại như ngựa sắt giáp đồng giông ruổi sa trường chiến lũy ; trời long đất lở, giao long bay múa tứ tung. Đền đây, nhất thiết cảnh ngộ phó mặc tự nhiên, sức người quá nhỏ nhoi không sao định được. Sức nhớ Đại-tạng-ký bảo rằng : « Những Tỳ-Kheo thông hiểu ý kinh Lăng-nghiêm Pháp-hoa, đi vào núi rừng có quỷ thần ủng-hộ, đi ra hồ hải có Long-vương ứng chầu », bèn khiến lấy cây cờ « Long-vương miễn triều » cắm lên, tức thì thuyền chạy yên ổn ; ngồi dậy dòm ra cửa sổ, thấy trời âm ỉ không mưa ; mặt mù trời nước một màu, trơ trọi con thuyền, như một chiếc lá thả trong một bầu hồng hoang hỗn độn ; mệnh mỏng tứ phía, không bám bấu nương tựa vào đâu, cảnh giới này không sao tả rõ được. Thường bảo miền núi Giang-bắc, không gò cao dốc trùng, chỉ thấy một vùng cao-nguyên đại lục ; nay mặt hải-dương cũng giồng vậy, lượn sóng liên tục, bao la mệnh mỏng. Sắc nước xanh như chàm, dính áo cả tháng không khô, người xưa gọi chất dính ấy là « hải-đính ». Sách Nhĩ-nhã bảo rằng : nhựa chàm nhuộm được gọi là « dính », vì có thầy ở chỗ này.

Trên thuyền lặng lẽ, thủy-thủ và chủ thuyền mỗi người coi một phần việc đều tỏ dáng dăm dăm lo sợ ; ngoài ra những người khác mưa ội bừa bãi ; đi đứng ăn uống như thường chỉ được hai ba người mà thôi ; Ta bị đau dạ dày, có người dìu mới đi được, không thì té ngã xiêu. Ngày thường qua sông Dương-tử, gió bắc thổi hơi mạnh, đã rứt rề không dám đi, nay biển cả thả thuyền, xông pha sóng to gió lớn, nghĩ cũng thích thật. Mới biết thuyền lớn muôn học, chẳng gặp gió to sóng cả, làm sao biết sức chạy hay. Bởi thế những bậc Kỳ-sĩ ngang tàng, trong thời loạn, gặp Minh-vương, đều có thể kiến công lập nghiệp ; nếu ở thời bình, gặp chúa tể

12. Không rõ nước nào.

Bài thứ 1

Bắc nhiều đường phẳng, nam nhiều biển,
Đi ngựa đi thuyền có thói quen.
Riêng tớ bắc nam không định trú,
Khi vung roi ngựa lúc buông thuyền.

Bài thứ 2

Không nước không thuyền gương gọi tên.
Bao giờ gân cốt chẳng phân minh,
Nhẹ như chiếc lá, thuyền muôn hộc,
Cột lớn chèo dài vượt biển xanh.

Bài thứ 3

Biển cả khe sâu gió thổi ran,
Năm canh sóng簸 sầm rầm vang.
Đền ngư về bên trong đêm tối,
Nhấp nhori mưa phun điểm điểm vàng.

Bài thứ 4

Xa ngắm cù-lao một ngàn xanh,
Trái qua ngoài ấy biển mông mênh.
Bỏ-đoàn dưới nguyệt ngồi yên định,
Vô định ba đào hóa lặng thính.

Bài thứ 5

Cồ-nhơn tiến tớ tôi hôm rằm,
Liệu tớ hôm nay đền nước Nam.
Ai biết Ô-Trư bên Hải-đảo,
Trên tàu vẫn có lão-tăng nằm.

Sáng sớm ngày sau, còm nước xong, khai thuyền, chạy suốt ngày mới đến một hòn đảo xa tít, đậu lại. Đảo này tên gọi Lỗ-mạn-Son. Tương truyền, chim anh-võ ngoài biển bay qua núi ấy, nếu không chết thì bay đi, người ta cho rằng thần Phục-ba thả đi vậy.

Có một tàu cùng đậu, sai thuyền nhỏ qua hỏi, nghe nói tàu ấy của người Gia-ri-ba, (12) mọi người đều sợ.

Ba đào húng dưng, tàu chúc mũi chúc lái, nghiêng qua nghiêng lại, dần dần có người say sóng, chóng mặt không ngồi dậy được. Ta nhờ ăn no, hơi yên, nhưng không được khoan khoái như hôm trước.

Đêm 19 tháng ấy, chừng canh hai, gió mưa nổi lên ầm ầm, nằm nghe tiếng hổ-lơ của bọn thủy-thủ. Bỗng chốc như nước thác nghìn tấm đổ xuống sườn núi ; như mưa rào gió bão xao lay rừng chuối ao sen, lại như ngựa sắt giáp đồng giông ruổi sa trường chiến lũy ; trời long đất lở, giao long bay múa tứ tung. Đền đây, nhất thiết cảnh ngộ phó mặc tự nhiên, sức người quá nhỏ nhoi không sao định được. Sức nhớ Đại-tạng-ký bảo rằng : « Những Tỳ-Kheo thông hiểu ý kinh Lăng-nghiêm Pháp-hoa, đi vào núi rừng có quỷ thần ủng-hộ, đi ra hồ hải có Long-vương ứng chầu », bèn khiến lấy cây cò « Long-vương miễn triều » cắm lên, tức thì thuyền chạy yên ổn ; ngồi dậy dòm ra cửa sổ, thấy trời âm ỉ không mưa ; mặt trời nước một màu, trơ trọi con thuyền, như một chiếc lá thả trong một bầu hồng hoang hỗn độn ; mệnh mệnh tứ phía, không bám bấu nương tựa vào đâu, cảnh giới này không sao tả rõ được. Thường bảo miền núi Giang-bắc, không gò cao dốc trũng, chỉ thấy một vùng cao-nguyên đại lục ; nay mặt hải-dương cùng giềng vậy, lượn sóng liên tục, bao la mệnh mệnh. Sắc nước xanh như chàm, dính áo cả tháng không khô, người xưa gọi chất dính ấy là « hải-đính ». Sách Nhĩ-nhã bảo rằng : nhựa chàm nhuộm được gọi là « dính », vì có thầy ở chỗ này.

Trên thuyền lặng lẽ, thủy-thủ và chủ thuyền mỗi người coi một phần việc đều tỏ dáng dăm dăm lo sợ ; ngoài ra những người khác mưa ọi bừa bãi ; đi đứng ăn uống như thường chỉ được hai ba người mà thôi ; Ta bị đau dạ dày, có người diu mới đi được, không thì té ngã xiêu. Ngày thường qua sông Dương-tử, gió bắc thổi hơi mạnh, đã rứt rề không dám đi, nay biển cả thả thuyền, xông pha sóng to gió lớn, nghĩ cũng thích thật. Mới biết thuyền lớn muôn học, chẳng gặp gió to sóng cả, làm sao biết sức chạy hay. Bởi thế những bậc Kỳ-sĩ ngang tàng, trong thời loạn, gặp Minh-vương, đều có thể kiến công lập nghiệp ; nếu ở thời bình, gặp chúa tể

thường, ắt không khỏi vấp ngã lao đao. Trang-sinh bảo rằng : « Đua cái chén vào vũng nước giọt thì cái chén mắc cạn », là ý ấy vậy. Kinh hồn mất vía, chẳng dám ngó lâu; ngâm vài quả thanh-mai, đóng cửa khoang buồng, nép gò nằm nghỉ. Làm thành bài « Độ-dương-ca », ghi nhớ Nương-Công, Thạch-Đại Tư-mã.

Bài Ca :

Tháng giêng buổi nửa đêm mười chín,
 Bỗng bắc-phong thổi đèn ào ào.
 Đà-công thủy-thủ xông-xao,
 Hót-hơ hót-hải kẻ gào người la.
 Thôi chẳng dám nhìn ra kinh khủng,
 Tựa be thuyền ngồi lóng hai tai.
 Nghe như gió táp mưa bay,
 Muôn rừng đổ lá rung cây ầm ầm.
 Suối treo ngược muôn tấm đỉnh núi,
 Nước đổ tuôn lùm bụi rung rinh.
 Lại như muôn đội hùng binh,
 Giáp đồng ngựa sắt về dinh kịp ngày.
 Muôn giàng ná buông giây một loạt,
 Rừng « tên-lông » tuôn-tuốt bay ra.
 Hải-thu hai mắt chớp lửa,
 Giao-long nép bóng, ngoan-đà thất kinh.
 Thân phó mặc linh đình trời biển,
 Một phút qua diêu viễn nghìn trùng.
 Sáng ngày nhìn lại hư không,
 Còn đâu cảnh vật hải hùng đêm qua.
 Trời vờ nước bao la ám đạm,
 Thầy chìm thần chẳng dám trở tay.
 Chìm đâu bay lại chồn nầy ?
 Chúc-dung (13) Hải-sứ về đây không chừng.
 Đòi Thái-cổ tăng dâng hồng-thủy,

Đắt bảy châu đáy biển vùi chôn.
 Đền nay uống tử oan hồn,
 Xiết bao nước dập sóng dồn lênh đênh.
 Đòi phen lại hiện lên mặt biển,
 Cùng người trần giao chiến ra oai.
 Núi sâu đầm lớn xưa nay,
 Có đoàn sơn-quỷ có loài giao-nhơn (14).
 Kìa chẳng thấy liên sơn Thái-Họa,
 Tây-bắc-phương, cao đã nên cao.
 Chôn nấy thấp-trùng vì sao ?
 Có cao có thấp hơi nào lo âu.
 Ôi biển cả nao nao dòng nước,
 Chẳng rửa tron ô-trực lòng người.
 Cho đời sạch-sẽ vui tươi,
 Khắp trong thiên-hạ nơi nơi thanh bình.
 Sao chẳng rửa giáp binh tàn khốc,
 Dẹp Xy-vưu, Trác-lộc (15) giao chinh,
 « An-lan » mở hội hòa-bình (16),
 Ba đào lặng lẽ còn kinh vắng tanh.
 Làng mây nước sinh bình quen thói,
 Qua Sở Ngô đông ruỗi Lương Tể
 Động-đình Hoài-thủy đi về,
 Trường-giang mấy độ thả bè buông câu.
 Chôn Nam-Hải chưa bao giờ biêt,
 Miền cực-nam xa tít chân trời.
 Chim bằng bay chẳng đến nơi,
 Lái thuyền ta quyết băng vời hôm nay.
 Dòng nước chảy khôn lay trụ đá,
 Dầu sóng to biển cả không nao.
 Nhớ ông (17) ngày ở Nam-giao,
 Lòng ta thăm thăm khác nào bề khơi.

14. Giồng người cá. Sách Thuật-Dị chép : « Trong biển Nam-hải, có giồng Giao-nhân, khóc nhỏ nước mắt thành ngọc-châu.

15. Xưa vua Hoàng-đề đánh Suy-Vưu ở đất Trác-Lộc.

16. An-lan là lễ mừng được sống êm gió lặng.

17. Nhớ Thạch-Nương-Công ngày còn làm quan ở Giao-Châu.

Như thế hai ngày đêm, mỗi sáng sớm có con chim Mũi-tên (箭鳥) từ trong lượn sóng bay vút lên, bay quanh thuyền một vòng, rồi bay thẳng tới trước. Người trong thuyền bảo rằng : « ấy là chim thần theo ủng-hộ Hòa-Thượng, đem đường đi cho khỏi sai hướng vậy ».

Ngày 22, gió lặng khí trời hơi ẩm, ta chỉ khoác một chiếc áo đơn, vì đã đến Quỳnh-Châu, giáp giới An-Nam, nên khí trời ẩm áp, đầu đương mùa xuân. Từ đây trở đi, mỗi ngày chỉ xuôi gió chừng hai ba giờ; ngoài ra, linh đình giữa biển, thuyền tuy di-động nhưng đi tới rất chậm.

Ngày 24, thuyền-chủ viết lên cột buồm mây chữ lớn như sau : « Ai thấy núi trước, thưởng tiền một quan ». Mỗi người đều hớn hở, tỏ ý vui mừng. Trên thuyền có thủy-thủ tên A-Ban, người An-nam, chưa đầy 20 tuổi, cường-tráng lanh-lẹ ; mỗi lúc treo buồm, hắn leo tuốt lên ngọn cột, giăng dây thắt đôi, qua lại như đi đất bằng; hắn vừa đứng trước mặt, ngó lên, đã thấy ngồi trên đọt buồm; nhảy nhót xuống lên, chẳng chút ngưng-ngự. Vì vậy mọi người đều bảo chắc hắn ta sẽ thấy núi trước vậy. Lúc ấy có bảy chim én bay quanh cột buồm. Suốt ba ngày còn tí mù chẳng thấy bóng núi. Qua ngày 27, gần đúng Ngọ, có người reo lớn trên đầu cột: (Kia kia, núi đó rồi) ! người ấy chính A-Ban vậy. Cả thuyền đều reo lên cười mừng, nhưng chưa ai thấy gì; mọi người trơ mắt chăm chú nhìn, chập lâu trăm người có một người thấy, lại chập lâu, mười người có một người thấy. Chừng ấy người coi lái bàn nên vào cửa nào ? thuyền-chủ lái-buôn muốn vào cửa Hội-an để bán hàng cho tiện, tăng-chúng muốn vào cửa Thuận-hóa được sớm yết kiến Quốc-Vương; bàn cãi giằng co, đều hướng về ta hỏi ý-kiến. Ta bảo rằng : Các ông muốn gấp đến bên chăng ? Chúng đều giả lời muốn gấp. Ta khiến lấy cây cờ « Thuận phong tương tòng » cắm lên, và bảo rằng: Nay xem gió xuôi hướng nào, xuôi Hội-an thì vào Hội-an, xuôi Thuận-hóa thì vào Thuận-hóa, không cần phải lựa chọn chi hết. Chúng đều tán thành. Người coi lái nhắm hướng Hội-an, lúc ấy gió thổi thẳng buồm, tít vào Hội-an. Một chốc gió dần dần thổi ngang, lại quay hướng Thuận-hóa. Thủy-thủ lại xả buồm không đi nữa, xa nhìn rặng núi, còn cách trăm dặm ngoài. Sáng mai, ngẩng xem thềm núi từ hướng tây chạy quanh co như hình vòng-cầu nằm trên mặt nước. Nước Đại-Việt kiến thiết đô-ấp trên hình vòng-cầu vậy. Ăn cơm sớm xong, ta hỏi: Nay gió vào Hội-an thuận, hoặc vào Thuận-hóa thuận chăng ? Đều giả lời vào Thuận-hóa

thuận. Ta cười bảo nếu vậy cứ vào Thuận-hóa. Người coi lái biết không thể cãi, nhìn nhau rồi quyết định. Buông gió một chặp vào đèn vòng núi, ấy là đảo Tiêm-bích-La (Cù-lao-Chàm). Dần dần thấy gò cao rừng rậm, dần dần thấy nội phẳng đồng bằng, kia so le mây nóc nhà gianh, nọ phơ phất mây cây cỏ-thụ ; bãi cát trắng xóa, bởi nước biển dội sạch, xa trông một vòng bạc sáng ngời, giống như bờ đê khước-nguyệt. Nổ mấy phát pháo lớn, ra hiệu cho trong bờ biết có tàu đến nơi. Cửa biển vẫn chưa trông thấy, chỉ thấy trên mặt biển có một làn sóng dợn xa xa. Bỗng chốc, một lá buồm hình lưới riu, từ phía mặt trời lặn chạy lại ; lúc đến nơi, trời đã nhá nhem tối. Nhìn thấy một người trần truồng mang khò, đầu bôi tóc có giắt lông nhím, răng đen, nói líu lo; người ấy vì không phải phụng mạng mà lại, nên không dám lên tàu. Trên tàu có người muốn xuống thuyền xem chơi, người ấy cũng không chịu. Hai phiên-tăng, nguyên người nhà vua sai sang Quảng-dông, ra hỏi chuyện, người ấy bèn thi lễ. Lây giấy giống Phiên-tăng xuống thuyền, để chạy đi thông báo với Quốc-Vương. Kể có một chiếc thuyền lại, có một viên quan cũng bôi tóc đi chân không, chong đèn ngồi canh giữ không đi.

Suốt đêm ồn ào, ngủ không yên giấc. Rạng sáng thuyền từ phía chèo đèn đông như kiến cỏ. Người bản-xứ chen lẫn, giành mua các thứ giấy, mao, bút-tật, quạt v.v... rất thích mua thứ dù che mưa.

Qua giờ thìn, có hai chiến-hạm của nhà vua sai Quốc-cậu đem ra đón, hai Phiên-tăng cũng trở lại, thi lễ xong, lập tức giục xuống thuyền, nói có Quốc-cậu đương kính chờ bên thuyền. Vài mươi thủy-quân vồng ta xuống, nổi trống đồng hò hát chèo đi. Thuyền son son láng bóng soi mặt được, tả hữu đều 25 chèo, thủy quân rất mạnh mẽ, cửa khoang thuyền chạm long vân, sơn đỏ, trên che đệm có đăng-văn, dưới trải chiếu lác mịn màu xanh lục, lò đốt kỳ-nam-hương, hộp vàng bày cau trầu, có đủ các thứ gỏi-tạ ông-gió.

Đền công-đường ở bờ biển, công đường tức nhà thầu thuê, chỉ có một gian lợp bằng cỏ-gianh. Quả-Quốc-sur và Quốc-Cậu rước ta lên bộ, bày lễ-vật của Quốc-Vương có các thứ kỳ-nam, trân-châu, vàng bạc v.v..., lạy và nói rằng : « Nhà vua bận Quốc-chánh, chưa có thể đón xa, nên biện chút lễ mọn, khiến chúng tôi kính rước. Nhà vua sẽ ra ngoài đô-môn

vài dặm để đón mừng đạo-giá, xin Lão-Hòa-Thượng lượng tình nhậm lễ cho ».

Kề đó kiểm điểm hành lý, từ biệt chủ-thuyền, một đoàn bốn chiếc thuyền nhỏ chèo đi. Hai bờ lúa ruộng xanh xanh chờ trở bông hỏi thăm, nghe nói ruộng không bỏ phân, một năm làm đến ba mùa cũng khá tốt. Rừng cây trong hút mắt. Nơi làng xóm ở, nhà tranh phen trúc, ngang dọc như bàn cờ. Giồng cây trồng có tre, mít, dừa, cau; hoa thì có thạch-lựu, đinh-hương, mộc-lan, hoa-lài v.v..., vì khí nóng nên mùi hương nức bay thấu ngoài giậu, chỉ không thấy có đào, lý, mai mà thôi. Thở tục dân phong rõ ràng mới lạ. Bèn làm sáu bài thơ tả cảnh mới đến nước Đại-Việt như sau:

Bài thứ 1

*Vượt biển dầm mưa vừa đến bến,
Đầu-xuân đã mặc áo mùa hè.
Trên bờ chú Mán ca lằng-lú,
Trong phố cô hàng nói ồ-oe.
Muôn dặm cát vàng quân đón rước,
Một phong thư ngọc sứ đi về.
Đất kia ai bảo đông-nam khuyết,
Bóng ác chiều tà vạn núi che.*

Bài thứ 2

*Đài son Cú-lũ (18) thoáng trông qua,
Đồng-trụ (19) mờ màng góc biển xa.
Nhơn vật tưởng đâu thay mới hẳn,
Y quan vẫn giồng nếp xưa mà.
Chờ người đuốc ngọc thâu đêm sáng,
Hộ giá đao vàng thẳng cửa ra.
Vào chợ bán mua ròng bạn gái,
Vung tay trước gió mở hàng hoa.*

18. Cú-lũ-son ở tỉnh Hồ-Nam, chủ-phong núi Hành-son. Theo Đại-Sán cho đảo Tiêm-Bích-La (Cù-Lao Chàm) có núi Cú-lũ ở đó và chính nơi Cát-Hồng xin đến làm quan lệnh để luyện đơn-sa (xem tường thuật ở Quyển IV), sợ e không đúng.

Trên đảo Tiêm-Bích-La có đền thờ Mã-Phục-Ba

cửa giữa đi thẳng vào đền., Vua đứng đón ở thềm phía đông ; thoạt mới gặp nhau, như quen biết sẵn từ trước ; dắt vào trong cung, có bài trí tượng phật, phướn tàn chuông mõ, chẳng khác cảnh chùa. Ta bảo rằng : « Nhà vua thực khá gọi chẳng quên nghiệp-cũ vậy » (20). Vương ngó ta mà cười. Ta lễ Phật, nhà vua tự tay đánh khánh đốt hương. Kê khiến bày hương-án, lấy bạc thấy dải ta vào ngồi giữa, Quốc sư ngồi phía tả, rồi ngài ngồi phía hữu. Sau mấy lời hàn huyên ủy-lạc, đứng dậy thưa rằng : « Đệ-tử tâm mộ Đạo-phong Lão Hòa-Thượng đã mấy năm nay, nay may mắn Hòa-Thượng chẳng vì có xa xuôi từ khước ; cầu xin rủ lòng, bảo cho đệ-tử biết đường chánh để noi theo ». Ta bảo rằng : « Đạo nhà vua ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một, nhưng địa-vị mỗi người khác nhau. Nếu kẻ cai trị Quốc-gia, lảng bỏ tất cả pháp lệnh kỷ cương, để cưỡng cầu thanh-tĩnh, ấy là chẳng biết thanh-tĩnh vậy. Nếu hay những-nhưng không dục vọng, lạnh-lẽo không tham cầu, trong lòng hư linh, tùy việc thuận-lý, tùy vật ứng phó, thì tuy ngày xử trí muôn việc cũng chẳng phiền nhiễu mấy may.

Bài thứ 3

*Mù mịt ngất trời chướng khí bay,
Mộc-lan gió cuốn xuôi khe đầy.
Gần làng, người nói trong tre khói,
Bên bực, gà kêu giữa núi mây.
Chèo quẻ nước xao tay thị-nữ,
Kỳ-nam hương nức áo quan-sai.
Công-nha chồn chồn khuyên mời rượu,
Đuốc dọi đường về chênh-choáng say.*

Bài thứ 4

*Hán Đường khai thác bấy lâu nay,
Cảnh tượng lần lần đã đổi thay
Định-viên dầu mờ trăng trước ải,
Phục-ba tiếng dậy sóng bên trời.
Xuân về cỏ nội xinh xinh mọc,*

20) Câu nói này có ý nói Quốc-Vương với Đại-Xán nguyên kiếp trước cùng tu với nhau một chỗ ở Trung-Quốc. Nay Quốc-Vương đầu sanh làm vua Việt-Nam, vẫn thờ Phật tụng kinh, chẳng quên việc cũ.

Đêm đèn cò thiêng phới phới bay,
 Man mác rừng cây trông hút mắt,
 Ngự tiêu chia nửa nước non này.

Bài thứ 5

Khói vàng ngoài nội mờ mờ tỏa,
 Mù trắng bên rừng phới phới bay.
 Xòa tóc ông chài vung lưới kéo,
 Kể sông nhà lá nửa then gài.
 Biển khơi nhiều gió chim bay vút,
 Ruộng cát không mưa lúa chẳng sây.
 Khúc-điệu Cao-miên, người Mán Mọi,
 Chiều hôm cỡi tượng hát lai rai.

Bài thứ 6

Khước-nguyệt quanh đê khói mịt mù,
 Đầu gành cát trắng nhóm ngư châu
 Trời thanh Ngải-Lãnh (núi Ai-Vân) mây cao thấp,
 Hoa phủ Bàn-giang (sông Vĩnh Điện thuộc phủ Điện-Bàn) nước
 Trưa nắng, trời xuân như tiết hạ. [chảy thâu.
 Chiều im, khí biển đượm màu thu.
 Chẳng nài công khó đường xa lạ,
 Chỉ muốn ngâm đề thích viễn du.

Bây giờ là 28 tháng giêng. Hai bên bờ người đi, gái nhiều hơn trai, áo mặc chuộng màu hồng, màu lục. Sắp đèn Vương-phủ, mệnh môn không có thành quách, chung quanh trồng tre gai làm rào ; trong tre cắt một hàng trại lợp bằng cỏ tranh; mỗi trại đều có đặt súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khảm châu sa phi-túy, văn vẽ sáng ngời, nhờ công chui đánh lâu năm mới được như thế ; nếu đem số đồng nầy đúc lư, đúc bình, làm đồ gia-dụng, quý giá chẳng biết bao nhiêu mà kể. Sau trại súng lại có hàng rào tre gai, phía trong có vòng tường thấp, rộng chừng một, hai dặm, Vương-phủ ở trong ấy.

Đi chẳng xa, phu-đò báo cáo nước cạn, Quốc-sur đứng dậy Bạch rằng :
 « Từ đây xin lên bộ ».

Lúc ấy quan dân trai gái tụ họp chen lẫn nhau đứng xem, võng không đi tới được. Đi quanh hai ba lớp núi, nghe trong rừng tre có tiếng trông chuông ; Quốc-sư rước vào ngồi trong một ngôi đền, ngồi chừng nửa giờ, những người đền lễ liên tiếp, Thông-ngôn giới thiệu, ông nầy ông kia làm quan chức nầy nọ,... Phần đông chẳng phân biệt được, ta chỉ ngúc đầu mà thôi.

Đương bàn với Quốc-sư tính nghỉ ngơi vài ngày rồi sẽ ra mắt Quốc-vương. Kê có quan Nội-giám quỳ gối thưa rằng : « Quốc-Vương trông đợi Lão-Hòa-thượng đã mấy ngày nay, nay chỉ trong gang tấc chẳng được hội-kiến, chắc suốt đêm trần trọc không ngủ yên. Huống chi, ngày mai là ngày mảo, sau một ngày nữa là tháng mảo, (tháng hai) Quốc-vương không muốn cùng Lão Hòa-Thượng tương-kiến lần đầu nhằm ngày mảo tháng mảo, vì « Mảo » Ngươi rất kiêng dèng vậy ». Sứ-giã đi lại liên-tiếp, Quốc-sư ép ta qua yết kiến một lần cho thỏa lòng Quốc-vương. Võng lộng từ Bồi thê nước trị dân an, hầu thầy rủ áo vòng tay, không làm mà thành đạo ; thanh tịnh tốt bậc, Đề-vương Phật-tổ nào có phân biệt, gì đâu ». Vương có ý hiểu, bảo rằng : « Ngày nay mới được nghe những điều chưa từng nghe ». Chỉ tiếc tiếng nói không thông hiểu nhau, những lý luận sâu xa, phần nhiều chưa hiểu hết ý, đó là diễm mà tôi rất ân hận. Trộm ngẫm ông vua Ngoại-quốc, xuân thu chưa mấy mà phú tính thông minh, độ lượng khoan hòa, dung mạo đoan chính ; cho hay hưởng phước làm ông vua một nước, đâu phải việc ngẫu-nhiên ; vả lại nghiên-cứu kinh điển, đầu đầu lưu tâm, nếu chẳng phải người kiếp trước tu hành, nhưn túc-nguyện trở lại trần-gian, thì chẳng làm được như thế vậy.

Dọn cơm chay, nhiều món không biết tên, quá nửa dùng mật mía trộn đồ ăn nguội. Qua nửa đêm, còn lưu luyến chưa cho từ biệt. Quốc-sư nói rằng : « Lão Hòa-thượng đi thuyền quá mệt mỏi. Rồi đây đàm đạo còn nhiều ngày ». Về đền chùa Thiên-Lâm, canh ba đã điểm trống.

Kê nhà vua cho đem đèn cúng dường, từ tiền gạo, yến-sào, cho đèn giâm tương dầu muối vừng sếp, các thứ rau quả đầy đủ.

Còn có người chờ yết kiến, từ chối xin đền sáng mai. Tắm rửa xong, nằm nghỉ. Chưa sáng, quan dân nam nữ đã đứng chật dưới thềm, bùng đội tiền bạc, trâu cau, trái cây, đèn lễ bái, tục gọi di lễ-mừng ; từ bữa ấy liên tiếp cả tháng chẳng dứt. Chỉ nhà ở tôi tắm chật hẹp, chẳng đủ chỗ chứa 10 người, ban trưa còn thấp được. Ra cửa toàn người lạ. Đầu xuân

đã nóng nực. Ta làm 1 bài « Khải » và 4 bài « Thơ » dâng Quốc vương như sau :

Bài khải

Nay nhận thấy :

Quý Vương-quốc từ xưa khai sáng, Thuận-hóa, Thanh-hóa, hùng cứ Tam-giang bát-trần, thông-trị bốn mươi bảy châu.

Quý Đại-Vương nổi nghiệp thủ thành, Kiền-bình Tân-bình bao la vạn thủy thiên sơn, thuộc hạt trăm sáu mươi quận.

Xây thạch trụ chống ngăn dòng nước, ven biển làm nhà.

Đắp trường thành che chở vườn Thiên, phá rừng lập nghiệp.

Nay kính :

Đại-Việt Đức-chúa Ngân-an điện-hạ,

Đất chia Nam-thổ,

Ngôi á Bắc-thần.

Dựng nước gần Mân, Việt, Xuyên, Tân, núi dẫu mòn mà sông dẫu cạn.
Tiếp giới với Xiêm, Giao, Qua, Bột, gánh nặng thì lo càng nhiều.
Học đối mài thành ý tu thân.

Đạo luyện tập ngoại vương nội thánh.

Nghiêu-diễn Vũ-mô Thang-cáo-mạng, cảm giữ mỗi trung.

Đường-thơ Tần-tự Hán-văn-Chương, tùy theo sở thích.

Triều đường nghiêm kính, nhưng không hách dịch ra oai.

Dân tục đổi thay, vẫn có khoan hồng rộng lượng.

Thông-minh phú tính, sao chiều từ-vi.

Hiếu để làm lòng, hoa khai đường-đệ.

Vua Hán-đại chẳng qua nhường ấy.

Sở Trang-vương nào đã hơn chi.

Giúp trí mưu chẳng thiếu hiền hào, vẫn có tướng « bạch-y », vũ có tướng « hắc mầu » (21), tả hữu thầy đều lương bậc.

Thú tiêu khiển vui chơi yên tuyệt, khi xướng khúc mai-hoa, khi ngâm thơ dương-liễu, xướng thù gặp hội tân-xuân.

21) Bạch-Y Tề-Tướng là Lục-Chí đời nhà Đường. Hai câu này ý nói, dưới triều chúa Nguyễn, tướng văn tướng võ đều có người giỏi.

Bên Tây-hà trắng tỏ lâu lâu, cát đá hóa thành vàng ngọc.
 Miền đông-hải sao ngồi nhấp nhoáng, sóng mòi tràn ngập báu châu.
 Rỗng múa đồng-cung.
 Phượng bay chu-đề.
 Tiếng hay sắc đẹp, không tham thói quý tình phàm.
 Ngựa găm dao vàng, cảm phát lòng từ niềm đạo.
 Có sinh lại có sát.
 Làm vua kiêm làm thầy.
 Việc làm một thời.
 Tiếng lưu nghìn thu.

Lão-tăng :

Từ thơ ầu thường hay bình hoạn, chẳng tham sông ở trong trần
 Lìa gia-đình lo việc tu hành, chỉ muốn lánh ra ngoài cõi.
 Lòng như tro lạnh.
 Áo khoác nâu sồng.
 Gậy thiền còn xa cấm ruộng hoa.
 Thư cá bống đưa qua thành Huệ. (22)
 Chắc kiếp trước có cùng nhau ước hẹn, đã kể vai còn lẳng lẳng đi qua.
 Nên kiếp nầy bống nhớ lại nhờn duyên, vừa gặp mặt đã cười xòa vui vẻ.
 Ai bảo nhà nho đậm bạc, từng nhờ Không-thánh mở mang.
 Chín e đạo Phật điều tàn, sẽ bị Cù-đàm trách móc.
 Yếu hèn xét phận,
 Cứu vãn không tài.
 Sáo thổi rừng hoang, để ai thương thức.
 Cỏ trồng lâu ngọc, khôn nổi xói vun.
 Nay may gặp cổ tri.
 Đề luận bàn việc ấy.
 Chẳng quên Linh-Thứ (23), bảo truyền tôi tớ hộ trì.
 Gặp hội Diêm-phù (24) chia mở trồng cò truyền đạo.

22) Huệ-thành tức Quảng-Đông, nơi Nguyễn-chúa đưa thư qua Quảng-Đông mời rước.

23) Núi ở trung-Ân-Độ, thuộc nước Ma-Yết-Đà, tức Như-Lai thường giảng Kinh Pháp-Hoa ở đó. Phật-gia lấy núi đó làm Thánh-địa. Trung-Quốc có các núi xưng hiệu Linh-Thứ hay Linh-Sơn, là nơi theo danh hiệu ấy.

24) Tức mở hội trai-đàn.

Há nệ mao treo anh lạc, cứ chuyển cơ thần.

Chẳng chờ áo mặc thủy vân, mới lo việc phật. (25)

Phục nguyên :

Tín sâu biển-học.

Trí mở cõi danh.

Lương-Võ Tông-Huy, (26) có thiện-căn mới kiêm thông tôn-giáo.

Bùi-Công Lý-Tướng (27), hiểu đạo-lý nhờ vốn có gia-truyền.

Chẳng những phò-trì phật-pháp được lâu dài,

Lại cũng chấn động hoàng-phong thêm lộng lẫy.

Lại trông mong :

Kinh-luân phát triển, mở rộng thêm cơ nghiệp Tiên-nhơn.

Ấn-huệ đối đảo, cứu vớt khắp sinh linh bốn biển.

Cửa vàng truyền chỉ, phụng sắc phong trên chôn miếu-đường.

Xe báu dẫn đường, thường thuận-thú khắp miền viễn cận.

Lão-tăng đưa bữa-phiệt, trải qua đảo lạ sông kỳ.

Đại-Vương ngự bố-đoàn, thông thả dưới rừng bên nước.

Thơ quê mây vượn, hồ tặng lời mây.

Khải vãn một bài, kính dâng chuyện nguyệt.

THƠ :

Bài thứ 1

Giao-châu dựng nước chính nam-phương,

Một giải non sông vạn dặm trường.

Ngôi báu trải đời truyền thánh triết,

Ấu vàng muốn thừa vãng phong-cương.

Đài cao chắt ngắt treo vân-hán,

Biển rộng mênh mông lặng khói sương.

Đức hóa từ nay nhuần thấm khắp,

Nghìn thu quốc thái lại dân khương.

25) Hai câu này ý nói, dầu đương làm vua chúa (mao treo dải ngọc) cũng chăm lo việc đạo.

26) Lương-Vũ-Đề Tông-Huy-Tông đều rất tôn sùng đạo Phật.

27) Bùi-Độ, Lý-Bí đều là danh tướng đời nhà Đường.

Bài thứ 2

Thuyền chiến phăng phăng đường chớp nhoáng,
 Cờ ngà phới-phới tợ mây bay.
 Giáp thuyền hình thú quân hùng-hổ,
 Biển dọn tằm rồng lính hải đài.
 Cửa phật, sáu cung dâng lễ bái,
 Ngôi Trời muôn nước nể thiên oai.
 Gió xuân mây độ bên trời thổi,
 Rải khắp lòng nhơn bốn cõi ngoài.

Bài thứ 3

Dương-thành năm ngoài gởi thư qua,
 Trọng đạo, khen người ở xứ xa.
 Chén nước chưa quên lời nguyện ước,
 Bè lau bao quản nổi phong-ba.
 Gạo thơm hơi bốc mây nhường trắng,
 Vàng báu ân ban đất chói lò.
 Cho hay trong nước vua là quý,
 Vua quý mà còn lễ Thích-ca.

Bài thứ 4

Đại-Giám ngày nào về Giũ-Lĩnh (28)
 Ngày nay ta mở đạo Nam-bang.
 Dịch-hoa chưa có Cừu-ma (29) đền,
 Ưng hiện cùng theo Bửu-Chí (30) sang.
 Khen đó Việt-thường dâng trĩ trắng (31)
 Thẹn ta Cát-Liệu (32) tiếp mai vàng.
 Biển khơi dầu cách người không cách ?
 Mới rõ Linh-sơn đuốc chữa tàn (33).

28) Giũ-Lĩnh tức là Đại-Giũ-Lãnh, tức là Mai-Lãnh ở Quảng-Đông.

29) Cừu-Ma-La-Thập cao tăng người Thiên-Trúc, thời Hậu-Tần vào Quan-Trung, dịch các Kinh Pháp-Hoa, Kim-Cương hơn 300 quyển ratiếng Trung-Hoa.

30) Cao-Tăng đời Lục-triều (xem chú-thích ở số 4, bài tựa của Mao-Đoan-Si, Quyển I).

31) Việt-thường đem bạch trĩ cống nhà Châu.

32) Tên một giống người Mán.

33) Xem chú-thích số 23, quyển 1.

Sáng sớm ngày mồng một tháng hai, Nhà vua khiến Nội-giám đem thuyền đến mời ta vào ra mắt. Gần đúng Ngọ, đèn phủ, nhà vua chờ đón ở cửa phía tây, lần nầy người mặc đạo-bào, không xiêm mào như lần trước, càng có vẻ hòa vui hơn. Ta bày dâng bài khảo, bốn bài thơ và một ít trái cây, Nhà vua xem kỹ từng bài, rất thán thưởng, chấp lâu, đem ra các đồ vật ngự dụng, chỉ từng món, hỏi ta « có đẹp không ? Trung-hoa có món nầy chăng » ? Có ý muốn khoe khoang. Xem ra các món đều bằng vàng bạc châu báu chạm trổ công phu, tuy không văn nhã, thiếu chất phác, nhưng thấy đều lạ lùng chói mắt, có phong vị phú quý, một thứ phú quý của vua Mán.

Cơm nước xong, Quốc-vương hỏi rằng : « Trước mặt Lão Hòa-thượng, có thể lấy múa hát cung-dưỡng chăng » ? Ta bảo rằng : « Trong mười thứ cung-dưỡng, âm-nhạc là một vậy ». Vương nói rằng : « phải thưa qua Hòa-thượng mới dám ». Kề khiến gọi ra bốn, năm mươi cung-nữ, người nào cũng thoa son đánh phấn, bận áo hoa màu lục dài phết đất, đội mào vàng giồng mào « Thất-phật », hoặc tay cầm nhạc-khí, quả nửa giồng nhạc-khí Trung-hoa, chỉ có yêu-cổ (trồng e lưng) dài độ hai thước, giữa eo nhỏ, hai đầu bằng phẳng lớn hơn, dùng tay vỗ có tiếng vang hùng tráng, như tiếng trống đồng ; lại có thứ đàn giồng đàn tranh hình vuông dài, giữa trồng-bống, giăng bốn giây có tua, ôm trên gối, để khay, âm vận nghe rất thanh tao. Bốn cung-nữ nhịp nhàng sắp thành hàng ngũ, âm nhạc hòa tấu ; ca-nhi hát khúc « Thái-liên » (hải sen), ngân giọng chậm rãi cho ăn nhịp với trống đàn, vũ-nữ hoa tay múa bộ như đương hải hoa sen vậy. Diễn tấu xong, nhà vua lấy ra năm mươi ngàn đồng tiền (?) giao cho ta, bảo thưởng cho « Tiều-hầu », « Tiều-hầu » tức tên gọi đoàn « Lê-Viên » (Vũ-nữ), tên nghe cũng nhã vậy.

Trong lúc nói chuyện, Quốc-vương thường tỏ ý tưởng nhớ Đông-Kinh (Bắc-kỳ), nói Đông-kinh là đất nước bán-quốc, Tiên-thê từng làm rể An-nam, được phong làm phiên-thần ở xứ nầy, dần dần trong xứ trở nên cường thịnh ; từ ấy cát cứ lập thành một nước, đổi hiệu làm Đại-Việt. Nhà vua tưởng nhớ Đông-kinh, cũng như người ở đất Khúc-ôc làm bài thơ Tiều-Liêu để tỏ lòng tưởng nhớ nhà Tần vậy. (34)

34) Tần-Chiêu-Hầu phong cho chú là Thành-sur ra ở đất Khúc-Ôc, sau người & Khúc-Ôc làm bài thơ Tiều-liêu để tỏ lòng thương nhớ cô-quốc.

Mỗi lúc vắn đáp, thông-ngôn phiên-dịch thường hay sai lầm, nên ngày ấy không nói chuyện nhiều.

Hỏi : nhà ở được yên chăng ?

Trả lời : Chật hẹp tôi lắm, không được khoan khoái.

Hứa đến ngày mồng ba, sẽ khiến người khỏi cất phượng-trượng mới.

Bèn từ biệt lui về, làm năm bài thơ « Thiên-lâm tức sự » như sau :

Bài thứ 1

Mịt mờ mây khói ám hoa-cung,
Ngồi đứng băng-khoảng những lạ lòng,
Rừng thẳm ngày thường sinh gió mát,
Trời chung đâu chẳng có trăng trong.
Non xanh một dải chiều u ám,
Xương trắng nghìn mỗ khói tỏa phong.
Thề sự chắc gì không biến đổi,
Mây đen bỗng trở bóng-dương hồng.

Bài thứ 2

Mưa gió phương xa bát ngát nhìn,
Khói xanh nghi ngút tỏa từng trên.
Lời tiểu quan núi khi mờ tỏ,
Lều cỏ ven đồi khoảng hờ liễn.
Một tiếng khánh vàng buồn gõ trúc,
Đôi dòng nước biếc tưới ven biển.
Thừa nhân cũng muốn tìm thơ hứng,
Bạn nổi quan dân lại cùng tiền.

Bài thứ 3

Quanh lời xanh um mít với dừa,
Trông chuông vắng vắng tiếng xa đưa,
Kim-thăng chỉ nẻo trăng Đông-hải (35)

35) Kim-Thăng (dây vàng) tiếng nói nhà Phật. Kim-Thăng Khai giác lộ có ý nghĩa vượt Đông-Hải đưa đạo Phật qua Việt-Nam

Tích-trượng trong chừng gió Việt-khư (36)

*Mắt hút càn-khôn vui tự-tại,
Cảnh quên hồ hải tức chơn-như.
Làng chài quán-rượu đâu không bực.
Một tấm lòng chay chẳng bận dơ.*

Bài thứ 4

*Chùa dựng đầu cầu cao chắt ngắt,
Xuyên ngang gò núi một đường thông.
Voi giày dặm cát le the cỏ,
Chim vượt khe rừng rải rác bông.
Bóng mát cây cao thấy nghỉ bước,
Câu kinh tiếng kệ khách khuây lòng.
Vui chơi kéo phụ bầu trắng sáng,
Đâu bề bàn chi chuyện viễn vong.*

Bài thứ 5

*Phương-trượng ba gian lợp bạch-mao,
Đồng xanh nửa mẫu tiếp gò cao,
Ven cồn rau cỏ quanh năm thiêu,
Ngoài ngõ tre gai tứ phía rào.
Hay bệnh việc đời theo quấy nhiễu,
Tránh rầy, miệng thề lại xôn xao.
Ngày về, Hà-Lạc, thăm tin gió,
Được quẻ trùng-ly đệ lục-hào.*

Thấm bảo, chắc chừng một vài tháng sau, sẽ được an cư. Qua ngày sau, chừng canh ba, nghe ngoài cửa có tiếng ồn ào, thì ra một viên Nội-giám, hai viên Bộ-Công, dẫn đến vừa lính vừa thợ chừng nghìn người để xây dựng nhà cửa. Mờ sáng, kẻ vác tre, người vác gỗ, kẻ đánh tranh, người vót mây, lại có người cuốc đất đắp nền, hoặc leo lên mái nhà gọi nhau, hoặc đào hầm đất đi xuống. Từ sáng đến tối, liền ba ngày đêm, cất xong một tòa phương-trượng năm gian ba mươi hai cột, bốn phía có hành lang; vách tường, rầm-thượng, rầm-hạ đều bằng ván ; và một nhà hậu liêu

36) Tích-trượng (gậy có bít thiếc) là gậy của nhà sư.

năm gian, hai mươi cột, cũng đồng thời làm xong. Nhon hỏi chuyện, biết rằng, trong nước trăm thứ thợ đều do quân-nhon làm. Mỗi năm vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân-nhon đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân ; vào quân đội rồi, mỗi người bắt chuyên học một nghề, kẻ phân phái đi theo các chiến-thuyền để luyện tập; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo Vương-phủ làm râu; tuổi chưa đến 60, chẳng được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ ; hàng năm, thân thích đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi. Vì có ấy, những dân còn lại ở nhà, toàn gầy yếu tàn tật, chẳng có mấy người mạnh mẽ. Cha mẹ sợ con phải đi lính, vừa lớn lên tức cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan ; do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông, phật-pháp trở nên hỗn loạn, chẳng những « tôn-phái » không ai hỏi đến, mà các việc « Luật », « Luận » cũng đều xếp xó bỏ qua ; đến đổi những kẻ mao-ni áo-tràng, mà nết xấu tật hư, còn quá bọn dân quê ngoài làng mạc ! Cho đến những hạng trí thức tự xưng làm thầy người, cũng không cứu vãn được tệ-phong, luồng phụ lòng kính tin của quốc-dân và chùa-thượng. Tai nghe mắt thấy, há nữa làm thính ; bèn viết cáo bạch một bài, dán lên các cửa chùa cho mọi người được rõ...

Lời cáo bạch :

Tam giáo Thánh-nhon, khai hóa thiên hạ, từ việc lớn đến việc nhỏ, đều có pháp độ chương-trình. Đạo phải có gốc, học phải có thầy, không phải xuyên tạc đặt bày, để mượn tiếng làm thầy thiên hạ được.

Nho, Đạo hai giáo phái, đều có truyền thông, ở đây ta không bàn đến. Ta chỉ nói riêng về Thích-giáo, đức Đại-hùng Văn-phật giáo hóa chúng sinh, lấy lòng từ bi làm lợi cho muôn vật, lấy trí-tuệ tiếp độ mọi người; dạy học chia thành ba môn, để cho kẻ hậu-tiên tiện đường xu hướng. Được-sơn-Tổ bảo rằng: «Luật có Luật sư, luận có luận sư». Hiện nay, bảo là «Tôn sư, thì chưa hiểu «thuyền-chỉ», bảo rằng «luật-sư» thì chưa hiểu «giới tướng», «luận-sư» lại chưa hiểu «kinh-nghĩa», hành động nhỏ nhẻ, nói năng lộn xộn, tự ý đặt điều, làm hại kẻ hậu học ; khinh trời dỗi phật, ăn hại thí-cúng của thập phương, thực là loài ma nghiệt sở một trong pháp-môn vậy. Theo Kinh Duy-Ma nói, thời những hạng người ấy, ai mà cúng dường đã không được phước, còn người nhận của cúng dường đó, lại phải

đọa vào tam ác đạo (37). Ngày này đã xa cách thời thánh-nhơn, chính đương lúc ma mạnh pháp yếu. Những kẻ tự xưng « đại-tăng », phần đông bề ngoài nấu nướng cửa Phật, bề trong hoạt-dộng yêu ma; dẽ khoác lột hùm, thỏ bảy chồn lữ; lộng hành khắp xứ, mười điều sai chín. Than ôi, kẻ mù dẫn đường, dắt người xuống hồ, đau lòng biết chừng nào! Vì thế, Lão-tăng khai pháp ở Trung-hoa trải ba mươi năm nay, cắm trúc trượng một cây xông pha ngang dọc. Trái khắp nơi nơi diệt trừ sửa trị, quyết cùng bọn dôi thể trộm danh, tự xưng là trí-thức đại-sur ấy, ăn thua đền cùng. Ta vồn chẳng chịu vào hùa với bọn giả dôi, lấy bốn chữ « tu-hành lão thực » để chuộc tiếng khen với các thiện nam tín nữ Lão-tăng chỉ muốn mở rộng đường đạo, lập lại quy mô, phò chánh trừ tà, dẽ đến ơn Phật-Tổ mà thôi.

Nay mong Quốc-vương triệu thỉnh, Lão-tăng từ phương xa đến, được Quốc-vương cung kính thân như cột nhục. Vả lại thần dân trong nước thấy đều quy y Tam-Bảo, thực là một quốc-gia ưa muốn làm lành rất hiếm có. Ta nữ nào mặc áo cà-sa, làm trái phép Phật, với « Phật » kết oan, với « Pháp » kết thù và với « Tăng » kết oán cho đánh. Lão-tăng thầy mà chẳng nói, thả ma làm bụi, còn tội nào lớn hơn, và rất phụ mỹ ý tín-ngưỡng của vua quan tứ chúng. Bởi thế, lược cử ra ba việc sau đây, nói rõ mối tệ, giúp cho thiện nam tín nữ trong nước, khỏi bị bọn tu hành giả-dôi lừa bịp.

Phật-Tổ đặt ra giới luật, cũng như Không-thánh dạy người « giới thiện khùng cụ, khắc kỷ phục lễ » vậy. Ngài bảo rằng : « trái lễ chớ xem, trái lễ chớ nghe, trái lễ chớ làm, trái lễ chớ nói », nghĩa là gốc của thành-ý, chính-tâm, tu thân đều ở chỗ biết răn sợ. Đức Văn-phật độ thế, sợ người đời khí tập nặng nề, đắm đuối trong vòng tham, sân, si, ái, nên mới đặt ra các giới-pháp Sa-nhi, Tỳ-kheo, và Bồ-tát (38). Tại gia Bồ-tát có ngũ-giới, nhập quan giới, phát minh điều luật, gồm ba nghìn tề-hạnh, tám trăm uy-nghi, cốt khiến người đời giữ tâm thân cho đoan chính, trừ bỏ vọng tưởng tu hành cho đến cõi Bồ-đề. Đặt ra ba đàn đại giới, trên bày ba vị Tổ-sur, bảy vị tôn-chứng, nghiêm kết đàn trường nghi lễ; đời với Bát

37) Phật-gia bảo rằng : Người ta làm ác-nghiệp phải đi vào 3 ác đạo : địa-ngục-đạo (nhưng người ác-nghiệp nặng), ngạ-quỷ-đạo (cho người ác-nghiệp không nặng) và súc-sinh-đạo (cho người ác-nghiệp hơi nhẹ).

38) Xem phụ-chú quyển II.

bộ long-thiên, Vân-tập Tứ-chúng, khiến những kẻ cầu giới, tự đem việc làm trong đời mình, hoặc có lỗi, hoặc không phát nguyện sám hối. Hơn nữa, phải ba lần làm phép, bốn đạo hỏi tra, làm trọn thanh tịnh phép mẫu mới cho thọ giới. Nếu xét có lỗi nặng thì sẽ bị từ khước tức thì. Gần đây có một bọn ma-sư truyền giới-pháp cho người, dẫu người ấy chẳng lên đàn, chẳng hề chịu qua tam-sư truyền pháp, thất chứng chứng-minh, túc nghiệp chẳng hề sám hối, giới luật chẳng hề giảng bàn, khoác cà-sa cầm bình-bát, uy-nghe chẳng hề diễn tập, không cứ tăng hay tục, chỉ cần có một sớ tiền hương đăng công đức, tức thì có pháp-y giới-diệp cấp đến tận tay ; khiến bọn vô tri cầu giới ngang nhiên tự cho mình đã đắc truyền đại-giới tam-đàn. Rốt cuộc, kẻ truyền giới chẳng biết thọ giới là người nào, kẻ thọ giới chẳng biết thầy nào đã truyền giới ; hại pháp hại người như thế, pháp phật thành ra trò chơi, giới luật đi đến chỗ tiêu diệt, ấy là một điều mà Lão-tăng không nói không được.

Phật ban đầu hiện thân « lô-xá-na », diễn giải Kinh Hoa nghiêm, giải thích luận bàn, rất cô hao hơi mà hải-chúng thiên-long ngồi nghe như điếc, Ngài nhận thấy chúng sinh mê lầm, khó bề tiếp dẫn, bèn nói rằng : (Thôi ta không thuyết pháp nữa), liền trở vào Niết-bàn. Nhưng sau khi suy nghĩ 21 ngày, cuối cùng dùng phương-tiện khéo léo vào vườn Lộc-dạ, mở hội A-Hàm, theo pháp sinh lão bệnh tử diễn thành các chủng loại, các thứ âm thanh, tùy theo căn cơ riêng từng người mà dẫn đạo, khiến mọi người đều được bỏ ích. Bởi vì « Phật » nghĩa là « Giác », giác chẳng những tự mình giác-ngộ mà còn phải giác-ngộ cho đời nữa. Sách nho cũng bảo rằng : «khiến kẻ biết trước dạy bảo kẻ biết sau, kẻ tỉnh trước đánh thức kẻ tỉnh sau, lây đạo ấy giác ngộ dần ấy». Xem đó, đủ biết, dẫu xuất thế hay ở thế-gian, tâm lòng giúp ích loài người của Phật-tổ và thánh-hiền, cũng giống nhau như một. Những bọn vô tri tầm thường, chẳng cần bàn đến. Còn những người gánh vác việc nhà Phật, giữ trọng trách làm thầy người, cần phải tiếp đãi tứ chúng thập phương, đối với ai cũng tận tâm khai hóa; vô luận việc tỉnh việc thô, việc lớn việc nhỏ, hề có người thành tâm đến thỉnh giáo, đều phải diu dắc chỉ bày; cho đến những kẻ chẳng biết đến hỏi han, nếu mình nghe thấy, cũng kiếm cách ra công dạy dỗ; lựa lời dạy bảo, dẫu có rất cô hao hơi, chẳng vì mệt mà nửa chừng bỏ dở, cốt sao cho người nghe giác ngộ, cải tà quy chính mới thôi ; dạy mỗi ngày mỗi tiền, học lâu thành quen, như thế dần dần sẽ tự nhiên hợp đạo. Gần đây thầy

có một bọn người giả dối, giả danh làm thầy mà giáo-điều giới luật mù mịt chẳng biết gì. Ngụ dốt mà tự cho mình là lớn, khinh khi kẻ hậu học; khi thì nói : « bọn chúng không thể dạy được » khi lại nói : « đâu có dạy chúng nó cũng chẳng biết chi »; ngăn người tự ngăn mình, thành ra giả dối người chính là tự dối mình vậy. Nhất thiết chẳng biết giống gì là kinh-luận giáo-điển, tự phụ sáng suốt, chẳng hề nhắc nhở đến Phật Như-Lai, cho đến công việc hành động bình thường, cũng làm ngơ chẳng hề lý luận ; chỉ ham danh trục lợi, tự tiện an nhàn; dưới mắt không người, ngoài miệng khoe khoang mà trong bụng trống rỗng. Phải biết rằng người sinh ở đời, trừ những bậc thượng-căn thượng-trí, mới có thể vào chôn trần-lao ngũ-trược (39), chẳng cần giữ gìn cũng không đến nỗi tiềm nhiễm bợn dơ; còn những căn-khí trung đẳng, phải nhờ sư-trưởng nung đúc rèn luyện mới có thể thành công. Ngày xưa đức Phật thuyết pháp trên hội Niết-bàn, trăm vạn ức chúng, một lúc thấy đều khề ngộ; chẳng phải người nay kém thông minh không bằng người xưa, chẳng qua do người xưa ngày thường nhờ có điều-độ tập rèn, huấn-luyện có phương-pháp. Nay xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên-cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn, há phải thiếu kẻ tu hành có căn tính linh-lợi ; có sao ba môn học Tôn, Luật, Luận, không có một người chỉ vẽ, khiến đại-chúng, mịt mờ, đắm đuối trong tà tịch tình si ; túng sủi tập tục mê lầm, cũng ắt có một lần phát niệm trở về với ánh sáng ; khờn nổi những tiền bồi sư-trưởng chẳng những chẳng khích-lệ hướng-dẫn, lại còn khuôn phép chẳng chỉnh đốn, dạy dỗ không ra trò ; hỗn loạn hổ-đố, chỉ muốn tìm xét dĩ-vãng, liệu trước tương-lai, rồi xua đuổi tất cả hiện tại, chẳng muốn cùng người thay cũ đổi mới. Thường thường nhưn tình hướng lên bực trên nghịch mà khó, đi xuống chỗ thấp thuận mà dễ ; nếu chẳng có người xem chừng dạy dỗ, tùy bịnh cho thuốc, diu dắc cho đúng đắn, thì tự nhiên cứ thuận chiều đi xuống với tà tịch thói quen. Người ta bảo rằng đuổi chim vào rừng, đuổi cá xuống vực là vậy đó. Cho nên từ xưa đặt ra lễ lỗi phép tắc để ngăn ngừa, khuyến-khích khiến kẻ học-giả ngoài

39) Phật gia bảo thê-giới có 5 thức trọc ác : chúng-sinh-trọc, (bảo chúng sanh làm nhiều việc ác nghiệt, không sợ quả báo), Kiền-trọc (bảo chúng sanh thầy nhiều tà đạo, chẳng tu thiện đạo vậy), Phiền-Não-trọc (bảo chúng sanh có nhiều ham muốn, loạn não tâm thần), Mạng-trọc (bảo chúng sanh làm nhiều việc ác, làm cho đời sống ngắn lại), Kiếp-trọc (bảo thời đương mặt kiếp, người ta chết non, đói khát, tật dịch, binh đao, các tai nạn sinh ra liên liên.

nhờ thầy dạy, trong gắng chỉ dối mồi, dần dần đều thâm nhuần pháp hóa. Đền ngày nay, thiên-đạo suy vi, thuần phong tiêu tán ; có kẻ, giày cỏ chưa mang qua một đôi, cửa chùa chưa bước qua hai bậc, một mai ra làm thầy người, sợ người ta biết rõ chân tướng, làm bộ lim dim nhắm mắt, sửa giọng thanh cao, làm trò giải thoát, tham lam ghen ghét, giả dối bề ngoài, để được tiếng khen là « lão thực tu hành », lấy thẻ làm đặc sách. Rút cục, kẻ ngu dốt vẫn chịu ngu dốt, ta e những kẻ tự-phụ làm trí-thức ấy, cam tâm ở trong hang ma tở quỷ làm kẻ sinh nhai, khi thẻ dôi người, phải chịu quả-báo vậy. Những hạng người như thế lạm dự vào sa-môn, chẳng biết hổ thẹn ; mượn danh hiệu phật-tổ làm việc buôn bán, điều lo lớn cho pháp-môn là ở chỗ đó. Hèn chi, ngồi yên ngó con cháu sa đọa, chẳng hề cứu vớt ; tự cứu còn chưa xong, hồng cứu được ai. Rồi thì giúp ma hại phật, đền đầu chỉ làm bảy, đầu đón biết chừng nào. Bọn ấy, ở cửa Phật gọi là « đoạn tuyệt tuệ mạng », ở triều đình gọi là « thiết lộc cầu dung », (ăn hại lộc nước lây lắt qua ngày), ở chôn hương thôn gọi là « hương nguyện tặc đạo » (thực tà hại đạo). Từ-bi không phải « Phật », xây dựng không phải « pháp », tâm hạnh không phải « tăng ». Thẻ mà dám lãnh thụ thập phương lễ bái, tứ chúng quy y, lên mặt nhơn sư, mạo danh pháp-chủ, há chẳng sợ nề-lê (địa ngục) quả báo hay sao. Ta tuy bắt tài lão hủ, chẳng bỏ ích gì cho pháp-môn ; nhưng biết rõ lưu tệ của bọn áo-lam, chẳng giữ giới-pháp, chẳng hiểu giáo-diệu, gai mắt đau lòng, một lần nữa không nói không được.

Phật ở Linh-sơn thuyết pháp, đại-chúng đều lặng thính, chỉ có Ca-nhiếp Đầu-đà mỉm cười hơn hờ. Phật bảo rằng : « Chính-pháp nhơn tạng, Niết-bàn diệu tâm, giao phó nhà người phải ủng-hộ cho vĩnh viễn lưu thông, chớ khiến gián đoạn ». Từ đó lập nên tông phái, gọi là « giáo ngoại biệt truyền », khiến người noi theo đó mà tiền thủ ; minh tâm kiến tính, nối đời truyền thụ cho nhau. Tây-thiên 28 Tổ-sư, Đông-độ 6 Tổ-sư, đền Tào-khê Đại-giám Tổ-sư thì hết ; truyền y-bát và truyền tâm-pháp, đời nối nhau. Sau lại chia thành hai phái là phái Thanh-nguyên và phái Nam-nhạc ; 5 chi là Vi-ngư-ông, Lâm-tê, Tào-động, Vân-môn và Pháp-nhãn. 5 chi hoạt-động, mở rộng phật-giáo cho đến ngày nay. Xưa nay đạo thành thì pháp lập, pháp nhờ người dựng nên ; bởi thế Tổ Tổ Sư Sư, dựng nên cảnh bụt, khua chuông gõ mõ, họp chúng an thiền ; khiến trong dứt niệm tà, ngoài ngăn việc quấy ; tu trì hàng giây hàng phút, rèn luyện hàng tháng hàng năm, lấy giác-ngộ làm cứu cánh, tu cho đến chỗ « Muôn

hoa qua bụi rậm, một lá chẳng vương mình », gặp việc ứng theo việc, gặp lý ứng theo lý, dù công việc nghìn đầu muôn mũi, dập dòn bốn mặt tám phương, mà đứng Chơn-nhơn không tước không ngôi, cũng chẳng chút mây may lay động. Bởi vì tự tính bản lai thanh tịnh, phải tu đến bậc ấy mới có thể rũ tay vào chõn trần hoàn, giải thoát cho nhơn loại ; nguyên cùng nhất thiết chúng sanh, đều thành chính giác, xem muôn vật cùng ta cũng như một thể, luôn luôn dắc diu yên ủi thức tỉnh cứu mê, chẳng nỡ quên đời, ra tay tế chúng ; nếu chẳng phải sẵn lòng từ bi, giữ vững nguyên lực Phật-tổ, thì không thể làm nổi.

Ôi, Phật là một chúng-sinh giác ngộ trước, chúng-sinh là một đức Phật chưa giác ngộ. Bởi thế phàm phu có đủ tư cách thánh-nhơn, phàm-phu chẳng biết; thánh-nhơn cũng có đủ tư cách phàm phu, thánh-nhơn chẳng hay. Thánh-nhơn nếu hiểu Thánh-nhơn tức thị phàm phu, phàm-phu nếu biết phàm-phu tức thị Thánh-nhơn, thì sẽ biết Phật với chúng sinh phải tiếp dẫn lẫn nhau, mới có thể tề độ lẫn nhau, người khá độ, ta cũng khá độ, lộng lộng trần-gian, những người dắt vợ bẻ con, không ai chẳng khá độ, mà cũng không ai chẳng khá độ người vậy. Tiếc vì, chẳng hay từ không-chúng-sinh-giới làm phật-giới, từ không-chúng-sinh-danh làm Phật-danh, do đó chưa đánh vỡ được cửa sinh tử. Thường nhơn bị ngũ trược phiêu lưu, thất tình đắm đuối, bát phong (40) dồn dập, tứ duy (41) buông lung, cửa sinh tử ở đó. Kẻ học đạo giữ chặt bên này, chẳng thông qua bên kia; thông qua bên kia, chẳng trở lại được bên này, đó là cửa sinh-tử. So sánh lại mà bàn, lời nói chẳng khá lắm, việc làm chẳng khá nói ; trái đạo theo tục, vọng tưởng đảo điên ; chưa dứt một niệm trần, tức thị một vòng tử sinh luân hồi trong tam giới, (42) nhị thập ngũ hữu (43). Ví khiến kẻ tu hành còn bị thói củ che lấp, thầy biết khí độ vẫn như tục-hán, tự mình còn chưa độ được, làm sao mong độ được người. Tóm lại chẳng biết tu-hành, chưa khai chánh nhãn, man muội giả trá,

40) Phật-gia gọi: lợi suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, làm bát phong.

41) Lễ, nghĩa, liêm, sĩ, gọi là tứ duy, tức là 4 môi để giảng buộc lòng người.

42) Phật-gia gọi tử sinh qua lại trong 3 giới : Dục-giới, (thê-giới của chúng sanh ở), Sắc-giới (giới này chia làm 4 cấp gọi là tứ thiền-thiên, do những bậc thiền định ở). Vô-sắc-giới (giới này không có vật-chất, chỉ lấy tâm thức ở chỗ thiền định, rất thâm diệu, gọi là tứ vô-sắc-thiên).

43) Theo triết-học Ấn-độ gọi nhị thập ngũ đề, như Thán-ngã, tự-tánh... là căn bản nguyên-lý của vũ-trụ vạn hữu.

lụy mình mà lại lụy người. Bọn ấy ở nơi đất bằng, còn chưa yên ổn, làm sao khiến lên tới đỉnh núi cao muôn trùng. Chỉ vì chẳng lên núi cao, sao biết đất bằng, thấy biết chỉ bằng con kiền, đã khoe khoang cao viễn; mới trèo lên mô đất, đã tưởng vượt qua núi Thái-Hàng, nếu thấy Họa-sơn cao vút tầng mây, chắc thế nào cũng ngửa mặt thở dài, bước lui cho mau vậy. Xưa Hàn-Xương-Lê tự phụ là tâm cao khí mạnh, một lần trèo lên thang mây núi Họa-sơn, ngó xuống, quảng mắt hết hồn, phát cuồng la khóc, viết thư quảng xuống từ biệt người nhà. Quan huyện sở-tại phải kiếm đủ mọi cách mới đem xuống được. Than ôi, Xương-Lê bài-xích Phật Lão, có tài văn-chương, làm sư-biểu cho văn nhân thời ấy; sinh bình vị-trí, tự đặt cao trên đỉnh Họa-sơn; thế mà mới lên Họa-sơn, đã hồn bay mắt nhóa, sinh bình vị-trí nay ở đâu? Bởi vì từ trước chỉ lấy ý-thức ước lượng, chưa từng đi đến tận chỗ, nên khinh đời nói dộc, vậy thôi.

Đã làm con cháu Phật-tổ, nên kiền tâm tự nguyện mở giác-lộ cho người đời ; phá ám khai mê, phản tà quy chánh, há việc nhỏ mọn hay sao. Nên nghĩ vườn Phật xuân tàn, sân chùa thu muộn, trong buổi pháp-môn liêu lạc, há nên lầy ngoa truyền ngoa; khiến khắp nước tăng nhơn, chẳng biết ra đời học đạo là cái gì, cạc cạc ù ù trong làng túy mộng.

Lão-tăng chẳng nỗ làm thính ngổ ngó, nên chẳng tránh nghiệp miệng, nói thẳng vài lời

Nay bỏ-cáo.

Nước Đại-Việt, phong-thổ khí-hậu, đại-ước khí âm thịnh, khí dương suy. Nghiệm chứng: muôn vật phát sinh về thu đông, làm việc dùng ban đêm, con trai thông minh không bằng con gái. Hằng năm xuân hạ thường khô hạn, mùa hạ mặt trời đứng bóng nóng như lửa đốt ; đất đỏ nghìn dặm, cây cỏ cháy khô. Vì ta có kẻ tùy tùng ăn đông, nên Quốc-sư thường lấy sự thiếu rau làm lo. Trong nước tả, hữu Thừa-tướng, Tứ-Đại-đôn Đĩnh, Quốc-Nguyên-Lão Đông-triều-hầu, Học-sĩ Hào-đức-Hầu, Vương huyn hLệ-Truyền-Hầu, Thiếu-Dương-Hầu, các vị đại lão ấy thường cùng

ta tiếp kiến, nghe ta ở Trung-hoa có cử hành việc bán gió sấm và cầu mưa, muốn tâu với nhà vua thỉnh ta cầu một đàn.

Có người sao tờ cáo-bạch của ta dâng vua xem. Nhà vua cũng thương tâm vì thầy phật pháp trong nước hỗn-loạn, không có kẻ chọn chánh tu-hành; vả lại, lập quốc quy mô, chánh giáo kỷ cương, nhiều việc cần nên sửa đổi, muốn mỗi việc đem ra phỏng vấn. Sáng sớm ngày 15, bèn rước ta vào trong phủ, chuyện trò đến nửa đêm, luôn luôn sôt sắng chẳng biết mỏi; hơn bàn đến việc cầu mưa, ta lặng thỉnh hồi lâu, trả lời rằng ; « Chẳng cần phải cầu, Lão-tăng từ xa đến đây, cảm lòng tin cậy của nhà vua, xin lấy 8 chữ « Phong điều vũ thuận, quốc thái dân an » báo đáp. Nhà vua chẳng nghĩ ra. Hơn đọc một câu liên, viết trình vua xem.

Câu đôi :

Phật tâm từ nguyện, tiên báo « Quốc thái dân an », phương hữu pháp luân chuyển xứ.

Vương húi Phước-Châu, tọa hưởng « phong điều vũ thuận », hợp đương ngộ đạo hành thì.

Dịch nghĩa :

Lòng Phật vẫn từ-bi, giữ cho « quốc thái dân an » mới có chỗ chuyển quay xe pháp.

Tên vua là Phước-Châu, ngồi hưởng « phong điều vũ thuận », chính đương lúc thi hành đạo ta.

Lúc trở về, viết câu liên dán lên chùa Thiên-lâm : luôn mấy ngày có gió mưa, chẳng biết vì sao mà lời nói của ta được trúng vậy. Vả hơn vì có kẻ thực thà bày nhà vua nên dẹp bỏ chính vụ, nhất vị niệm phật tu-hành để cầu sinh tây-phương, cho nên về đầu câu liên, ta nói như vậy.

Nhà vua nói, phần đông tăng chúng không giữ giới luật, ta sẽ phát lệnh-bài đi các phủ, bắt tăng-đồ đem về trình Lão-Hòa-Thượng, khiến cầu chịu 3 đàn giới-pháp, mới cấp cho giới điệp, miễn tha xâm thuế. Lão-Hòa-Thượng ra báo-đơn thông tri, từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 làm viên mãn cả ba đàn cũng được. Ta sẽ thông suất quyền thuộc, các quan văn võ, ai có tín tâm, đều xin làm đệ-tử, chịu Bỏ-tát-giới, xin Hòa-Thượng đặt cho pháp-danh đạo-hiệu.

Vừa rồi Lão-Hòa-Thượng truyền dạy, tuy thông-sự có dịch-thuật nhưng không được khúc chiết rõ ràng, nay xin chép lại từng điều đưa cho ta xem.

Ta bèn cáo về, điều trần Đại-Việt-sự-nghi dâng lên.

Bản điều trần.

« Lão-tăng đức bậc tài sơ, mong nhà vua đặc-cách tri ngộ, xa xuôi vài nghìn dặm, khiến sứ thỉnh cầu. Lão-tăng cảm thành tâm của nhà vua, vượt biển đến đây, xông pha ba đào, chẳng phải tra mệt, chỉ vì lòng yêu nhà vua rất sâu vậy. Từ ngày đến quý quốc đến nay, gần hai mươi ngày, ba phen triều kiến; nhà vua trọng lễ đãi đằng, chơn thành hỏi đạo; cho đến hậu-cung thích-thuộc bá quan văn vũ, cũng thấy đều nhất thể quy y ; chẳng phải một nước lâu đời vui làm lành, há dễ được như thế.

Lão-tăng là người ngoại cuộc, vâng tuệ-mạng Đức-Phật, mở mang đạo pháp, kẻ người trước, khai hóa kẻ sau. Đại-Vương là chúa một nước, thông nhất bờ cõi, dùng hiền tài trần vũ quân-nhân. Việc tuy khác nhau, nhưng đạo chỉ có một. Nếu đạo kẻ « ra đời » chẳng khác dùng để trị đời, thế thì đạo chia ra làm hai vậy. « Thiên hạ không hai đạo, Phật Thánh đồng một lòng ». Ôi đạo chỉ có một mà thôi, lời thầy Mạnh-tử, há đòi người sao.

Nay trong nước nhà vua, biên phòng nghiêm mật; tướng võ giỏi, tướng văn hay, quân đội oai hùng, chiến thuyền rực rỡ ; chẳng những thời nay chẳng mấy nước được như thế, cho đến từ xưa lập quốc, quy mô rộng lớn, cũng chẳng qua nhường ấy mà thôi. Hoặc giả, giữ ngăn quan ải, muốn có phương pháp hay hơn; triều đình danh vị, muốn được quang minh chính đại hơn ; chọn lính nuôi quân, sao cho ân oai tinh tề ; cho đến vẽ đẹp của Vương-triều, sự tinh nhuệ của quân-khí, bao nhiêu kế-hoạch bảo dân hộ quốc, tỵ trung còn có một đôi việc cản trở nghĩ thêm. Thì vua tôi quý quốc, đều là những bậc hiền-thức cao minh, nghĩ rộng lo xa, chắc đã có đủ mưu hay chước lạ.

Nhưng thiết nghĩ, người xưa bảo rằng : « Kẻ ngu nghĩ nghìn điều cũng có một điều được », tôi đã ứng theo lời mời của nhà vua mà đến đây, nếu biết mà chẳng nói, ấy là phụ lòng nhà vua, mà cũng tự phụ lòng mình vậy. Sau đây trích ra vài điều, bày tỏ đại ý gọi là tỏ chút lòng thành. Chỉ

giận, tiếng nói chẳng thông hiểu nhau, dầu có thông ngôn, cũng vì tất hiểu lẽ, mười lời chẳng phiên dịch được hai ba; thành thử Lão-tăng trong bụng có bao nhiêu điều muốn nói, chẳng làm sao để đạt được rõ ràng lên nhà vua ; đôi diện như cách nghìn trùng, chịu phụ lòng nhau biết mấy. Bất-dắc-di phải tỏ ra giấy mực một vài ý-kiến sau đây, để tùy ý nhà vua lựa chọn :

1. Nên tiên công Trung-triều, để chính danh hiệu.

Triều ta Khương-hy hoàng-thượng thông trị 9 châu 15 tỉnh, đất dài vài vạn dặm, giáp binh nghìn trăm vạn hùng cường ; mà bờ cõi quý bang lại cùng tỉnh Quảng-đông tiếp cận. Nay nếu nhà vua khiến sứ thông hảo với các quan Đốc, Vũ, Tướng-quân, rồi sau dâng biểu tiên công Triều-định, xin phong vương để chính vị hiệu ; lấy thanh thế tỉnh Quảng-Đông làm ngoại viện, tự nhiên bốn tiểu-khẩu các nước lân-bang nể sợ chẳng dám dòm ngó, thực là danh chánh ngôn thuận, ngồi hưởng thái bình, đó là kế-hoạch vạn toàn. Lời thường bảo « Chẳng đánh mà binh địch khuất phục » là vì lẽ đó. Về lý-do thông khoản, nhà vua sẽ liệu mà tường trăn.

2. Đặt đồn thú để củng cố biên-thùy.

Bản-quốc cùng với Đông Kinh (Hà-nội) các xứ liên tiếp, chỉ cách một con sông mà thôi ; dọc biên-giới có nhiều chỗ nên đặt đồn binh phòng thủ, muốn dùng binh ít thì e đến khi xung đột, không đủ sức chống chọi ; muốn dùng binh nhiều, thì phân phối không có đủ số người, đều không phải thiện sách cả. Lão-tăng trải xem sơn xuyên quan yếu, có nhiều nơi có thể giảm binh-số chỉ đặt một đội kỳ-binh mà thôi, cũng có thể cô-thủ được. Nếu nhà-vua chịu dùng kế-hoạch này, Lão-tăng sẽ xin điều-trấn sau.

3. Thương yêu quân-sĩ, để cổ vũ lòng trung dũng.

Thời xưa trong việc võ bị, chẳng phân biệt binh với dân ; lúc quốc-gia vô-sự, người dân được an cư nơi vườn ruộng, lo việc cấy cày, đến lúc có chiến-tranh sẽ gọi ra nhập ngũ. Mỗi năm lúc việc nông rảnh rang, đem ra huấn-luyện, giảng cho biết nghĩa-vụ tôn-quân-thượng-thân, dạy cho biết vũ-nghệ và phương pháp tác-chiến, nhưng vẫn được hưởng lạc thú ở với gia-đình. Như vậy, lúc hữu sự, mọi người đều có lòng yêu chúa, đem ra ngự

địch, tự nhiên đồng khí bội tăng, vui tòng quân để giết thù giúp nước. Nay nghe, dân trong nước một lúc đã biến tên sỏ lính, trọn năm phải phục dịch cửa quan, chẳng được về làng, thăm viếng vợ con cha mẹ ; tuy chúng sợ phép chẳng dám làm trái, nhưng trong lòng sao khỏi oán hờn. Sao chẳng cho quân-sĩ luân phiên thao diễn, mỗi năm, hoặc nửa năm, hoặc một quý, cho ở quan phủ phục-dịch huấn-luyện ; rồi cho thay phiên nhau về làng cày cấy, đoàn tụ với gia-đình ; bắt chước theo phép quân đồn ngày xưa. Đến lúc có việc phải động binh, mới kêu gọi tất tập ra trận. Như vậy nhơn dân sẽ vui lòng tôn dờ nhà vua, xung phong đánh giặc, binh càng thêm mạnh mà dân càng thêm giàu. Về các chi tiết sẽ điều-trấn sau.

4. Mở trường học để giáo-dục nhơn tài.

Không-thánh là đứng « Vạn-thê-sur-biểu », Tứ Thư Ngũ-Kinh chép đủ phương-pháp trị-thê tu-thân ; chúng ta phải rán sức làm theo, xử sự mới có thể hợp lý. Nay nhà vua nên dựng nhà quốc-học, tôn thờ Không-thánh, tàng trữ sách nho ; mời các nhà lý-học danh nho ra làm thầy để giảng minh đạo thánh. Từ Vương-Thê-Tứ, con em các đại-thần, cho đến nhơn-dân tuần tú đều cho vào học ; rồi bày cách thi hạch, để phân biệt hơn thua ; nung đúc lâu ngày, tự nhiên mọi người hiểu biết cương thường luân-lý ; trị đạo chính đại, dần dần trở nên một nước văn-minh.

Lâu nay, vì Lão-tăng đến đây chưa được mấy ngày, hình thê trong nước chưa biết rõ, chính-trị lợi tệ cũng chưa được tường, nên gặp việc chẳng nói, nói chẳng hết lời ; nay chẳng qua nhơn những điều mắt thấy tai nghe, bày tỏ sơ lược một vài ý-kiến ; chờ ngày khảo sát tường tất sẽ điều-trấn thêm, để đáp lòng nhà vua. Vì muốn cho kỷ-cương được chính túc, lễ pháp được hoàn bị, trong có thể yên dân giữ nước, ngoài có thể ngăn giặc chống thù, bốn cõi thái-bình, nhà an nước trị, ra đời, trị đời, đạo có một mà không hai vậy.

Đến ngày 26, Nhà vua rước ta vào phương-trượng mới. Quốc-mẫu đài cõm chay, vương-huynh, công-chúa dâng hương, thỉnh ta thuyết pháp.

Có thuyền khách từ Quảng-đông đến, hỏi thăm tin tức thuyền sau ; nói vì khách hàng chưa tẻ tựu, có lẽ chậm vài ngày sẽ ra biển. Nhưng chờ mãi bất vô âm tín, quá kỳ rồi vẫn chưa đến nơi, trong bụng rất lầy lăm lo.

Những tăng chúng theo hầu, bắt phục thủy thổ, quá nửa bị bệnh. Ta nhơn bị tiết tả, dạ dày nóng, miệng lở, ăn uống rất khó khăn. Có kẻ vì ganh ghét quốc-sur, gieo lời gièm pha, bảo quốc-sur có tính hổ đồ, chẳng để ý chăm lo việc Phật ; những tiền lúa nhà vua đưa cúng dường Lão-Hòa-Thượng, phần nhiều bị ông ta xó bót. Phần thì viên trí-sự theo hầu, báo cáo hết lương. Nhơn tình chưa quen, tiếng tăm chẳng hiểu, quốc-sur chính mắng, đại chúng u ơ. Lúc ấy đương ngồi một mình, ngửa nhìn mây bay biển ảo, lắng nghe chim hót líu lo, ngùi ngùi than rằng : Truyện xưa chép Đức-Không đi đến nước Thái, nước Trần, bị hết lương thực, việc ấy có chẳng ? Ta đức chẳng sánh kịp cổ-nhơn, mà gặp gỡ lại đồng hoàn cảnh. Nhơn tẩu bút làm thành hai bài thơ.

Bài thứ 1

Lều cỏ ngồi thơ thần,
Mưa xuân phới phới bay.
Gò mâm không định ý,
Bầu đảng khá thương thay.
Bếp nguội lương chiều hết,
Người xa tin nhận chầy.
Bơ vơ nhớ quê cũ,
Đỗ-vũ kêu tôi ngày.

Bài thứ 2

Ngoài biển mây thừa thớt,
Quanh rèm lớn-võn bay.
Vào rừng nguyên có hẹn,
Sao tờ lãng quên ngay.
Giấc mộng dầu êm ái,
Cảnh đời thường đổi thay.
Ngõ ngoài ai gánh giỏ,
Gỏ khánh bảo cho hay.

Chùa Thiên-Lâm vì thiếu sắp đặt, nên lương thực tiếp tế, ngẫu nhiên bị thiếu hụt.

Riêng phần ta, Quốc-vương cung dưỡng rất trọng hậu, cho đến trăm quan lớn nhỏ, hậu cung quý thích, thấy đều đưa tiền bạc xin yết kiến.

Theo phong tục, những người dâng lễ, nếu chẳng phải tự mình đem đến, ấy là « bắt kính », nên từ khước ngay. Ta mới đến, chưa hiểu phong tục, phần thì công việc rộn ràng, cho nên bao nhiêu đồ tặng biếu, đều thu vào một nơi, chưa có thì giờ kiểm điểm. Đến nay mới lựa ra từng món, món nào chẳng phải tự tay người tặng đem đến, đều viết thư tạ ơn và khiến người đem trả lại.

Ngày nọ, có quan Đại-học-sĩ, ký-lục, Hào-đức-Hầu khiến con trai đem tiền bạc đến yết kiến, kèm thêm một bài thơ thất-ngôn Đường-luật. Thơ tuy chưa có thể nói là phong nhã, nhưng cũng biết thanh luật âm vận, cũng biết giải lý, có thể cho là xuất sắc, như cỏ linh-chi, như chim phượng-hoàng của xứ này, người con coi cũng có vẻ thanh tú.

Đem đến, cùng Quốc-sư nói chuyện phiếm, nhơn hỏi thăm danh sĩ xứ này, có ai có thể mời vào Bạch-xã (tức thi-xã), để làm thơ xướng họa cho vui không ? Quốc sư liền giới-thiệu người ấy (tức Hào-đức-Hầu), nhơn duyệt lại bài thơ bữa trước.

BÀI THƠ

*Nghe nói thiên-lâm mạch rộng khơi,
Thăm nhuần ơn trạch khắp nơi nơi.
Ma-ha trắng dọi trên đàn hạnh,
Bát-nhã gió lồng trước cửa mai.
Kìa sắc ấy không, không ấy sắc,
Nào ai cầu tớ, tớ cầu ai.
Nhớ nhung đây đó lòng như một,
Suối-Hồ (43) nhìn nhau hã hã cười.*

43) Lư-sơn-ký : dưới chùa Lư-sơn có khe gọi là Hồ-Khê, xưa Viên-Pháp-sư đưa khách qua đó, liền có cộp kêu, nên đặt là Hồ-khê. Ngày nọ Viên-sư tiền Đào-nguyên-Lượng và Lục-Tu-Tĩnh qua đó, ham nói chuyện đi qua khe, liền nghe cộp kêu, ba người nhìn nhau cả cười. Nay đời truyền : Hồ-Khê tam-tiêu-đó.

Thơ đề tả tình tình, câu thơ khéo hay vụng, chẳng bàn làm gì, nhưng ba chữ Trăng Ma-ha đòi Gió Bát-nhã, còn có chỗ cần châm chước phê-bình. Nay hãy cứ theo nguyên vận họa lại bài thơ, và viết kèm một bức thư để thảo luận mấy lời trong bài nguyên tác.

BỨC THƯ

Tôi đền quý quốc mà chẳng đền yết-kiến các ông, chẳng phải cố ý kiêu ngạo. Kẻ tu đạo chẳng muốn lấy thường-sáo ngoài đời để đãi các ông. Nếu dập đầu trước thêm, để đua mỵ bậc cao-minh, sẽ bị người đời cười chết. Xưa Thao-Quang làm thơ đáp Bạch-cư-Dị có câu rằng : « *Mây trắng khá bay về núi biếc, trăng thanh khôn khiến tách trời xanh* », rõ ràng khách ngoài đời chẳng muốn xu hướng kẻ quyền quý vậy. Bản-tặng tuy đạo đức mỏng manh, há chẳng lấy Bạch-cư-Dị đãi người quân-tử hay sao?

Minh-công đã khiến công-tử hạ cò, lại còn ban cho quả quý với thơ hay. Đọc qua một lần, thấy lời thơ lưu-loát, tuy trong câu không dùng đến những chữ « *yên hà khâu hác* » của nhà thơ, mà ý tứ « *yên hà khâu hác* » đều ngụ ở trong ấy. Đỗ-Công-Bộ bảo rằng : « *Chính tự mình ông có cốt tiên, người đời làm sao biết rõ được* », chính là vì thế.

Vấn thơ đại nhã ban cho, quý hơn minh-châu mười hộc, nổi mừng xiết kẻ ; còn lễ biểu trọng hậu, bản-tặng chẳng dám lãnh thọ.

Một mặt đọc thơ, một mặt viết giấy trả lời, còn lo không có thơ đề đáp tạ. Đến khi ngâm nga kỹ câu thơ bông-bảy của Minh-Công, trong câu dùng chữ « *Trăng Ma-ha* » để đối với « *Gió Bát-nhã* » ví như ngọc bích có chút tí, tiếc chưa được toàn mỹ. Theo thiện ý xin đổi hai chữ « *Ma-ha* » làm « *Bồ-đề* », vì « *Gió Bát-nhã* » (Bát-nhã phong) là chữ trong bài thơ của Tô-Tử-Chiêm tặng Phật-Ẩn, còn « *Bồ-đề-nguyệt* » là chữ trong bài thơ của Bạch-cư-Dị tặng Điều-Oa Lão-Tăng. Tôi chẳng dám vi với Điều-Oa Phật Ẩn nhưng Minh-Công khá so sánh với họ Bạch, họ Tô ; ngụ ý như vậy, chẳng biết có thỏa đáng chăng ? Sau đây xin họa nguyên-vận bài thơ, nhờ Minh-Công chỉ giáo.

BÀI THƠ HỌA

*Mênh mông bể học sánh tài ba,
Nho Thích cùng thông một lẽ mà.
Trước hãy vịnh để xem thói nước,*

Tặng nghe thi lễ tiếng con nhà.
 Sáng soi ta vẫn cảm gương báu,
 Tiền phát người đương giữa tuổi hoa.
 Nều gọi Ma-ha là bóng nguyệt,
 Sợ e lắm chiều dâng Duy Ma.

Có thương khách từ Huệ-châu đến, thuật chuyện : Tử-Thuyền Vương-sứ-quân hiện nay được thăng nhiệm tuần-vũ Xuyên-nam. Ta đương khách ngụ nước ngoài, chịu lỗi không được thân hành tông tiền. Tri kỷ làng thơ, phương trời xa cách, làm ít vần thơ gọi là để tỏ tình :

BÀI THƠ

Nhớ xưa Tuần-châu đền nhiệm chức,
 Lều cỏ mai vàng đương trở bóng,
 Hiền Côi-không kia cỡi dài áo,
 Diên-tâm-đỉnh nọ ngồi thung dung,
 Phong lưu Thái thú người kinh-kỳ.
 Từ bé học gươm và học sử.
 Quyết chí làm quan chẳng kiếm tiền.
 Thơ ca chúng đều phục tài từ.
 Tính ưa kết giao phương ngoại sĩ.
 Xem nhẹ phú quý, ai anh hào ?
 Phong nhã tài hoa đầy bốn biển,
 Nói cười chẳng ngán một người nào.
 Phong-hổ rãnh việc ngồi câu chơi.
 Gió thu mưa khói tôi đen trời.
 Đốt đèn lên bền lại lên gác.
 Tựa gác ngâm nga ngắm tuyết rơi.
 Từ-Chiêm kiếp sau lại hơn trước,
 Khiến dân không kiện chúng khen hiền.
 Ngày đền La-Phù thăm con trẻ,
 Rủ ta lập hội bàn đạo thiện.

Rửa gót dòng trong mỡ thanh hội,
 Trường giang đêm vắng tiếng âm thầm.
 Bỗng chốc reo lên chẳng hay biết,
 Nhìn nhau không nói ý thâm trầm.
 Khuyên ép Lão-Tăng làm dân say,
 Cởi áo đổi rượu nghèo chẳng nài.
 Hễ đèn Ngũ-dương tìm viếng bạn,
 Mười năm tình thực như một ngày.
 Lưu lạc bỗng làm khách ngoại-dương
 Quay nhìn mây trắng trời một phương.
 Nghe đồn phụng chiếu tuần Ba-Thục,
 Đường qua Đại-Việt, ra Tiêu-Tương.
 Kia chẳng thấy
 Nga-My-son,
 Đèo đỏ lên xanh chẳng khá trèo.
 Lại chẳng thấy
 Thanh-Lương-đài
 Mây khói sản bìm đường chông gai.
 Thương ôi danh trắng sao tịch tịch.
 Ngừng xe phi bút để Kiềm-Các ;
 Quanh co uốn éo bậc thang mây,
 Trượng phu ruỗi bước mới kỳ tài.
 Đình góc hang công bao hiểm trở,
 Suối đỏ lưu ly tán loạn bay.
 Thấp cao gò đồng nhiều cỏ thom,
 Núi non càng tiền càng xinh tốt.
 Đường đi quanh co đá chồm chồm,
 Đi mãi đường dài đèn cùng tốt.
 Ông vào đất Thục núi nghìn trùng,
 Ta cỡi bè tiên muôn dặm thông.
 An-nam cách trở ngoài Viêm-hải,
 Đường cũ Phục-Ba thẳng ruỗi giông.
 Nhơn sinh tán tụ nghìn muôn dặm,
 Kẻ ở người đi ai xui khiến,
 Ông đi lên núi, núi là núi,

Ta đi qua biển, biển là biển.
Kẻ cỡi thuyền-từ vì phép đạo,
Kẻ cầm cờ sứ kẻ Văn-ông (44).
Nước biếc non xanh tuy khác thê,
Hùng kỳ quyết quái cũng tương đồng.
Nhớ lưôi búa ngọc hình bán-nguyệt.
Nhớ bài điều-trần bàn trị đạo.
Giữ tập văn thơ bạn gởi cho.
Xuân tàn góc biển cảnh thê lương,
Thơ cũ lần xem lòng bi thương,
Ngao ngán xuân sâu ngày thăm thẳm,
Gió đông tán loạn cuốn hoa dương.
Hạc vàng vô cánh bèn Châu-giang,
Ngọn triều trắng xóa sông Cừ-đường,
Rừng rậm cây cao tiếng vượn hú,
Biết đâu mai gió với chiều sương.
Ba đèo bảy đoạn uốn đường dê,
Vâng lệnh công-truyền phải gặng đi.
Gốc biển bên trời dầu mộng tưởng,
Sao bằng tiền bạn lúc phân kỳ.
Vĩ phông bình-bát quay thuyền lại,
Buồm lớn cột cao lướt gió bay.
Gió biển dầu xuôi dầu mau chóng,
Ngày về người đã chia đông tây.
Chưa hẹn ngày nào ngày hậu hội,
Ly-ca một khúc giải lòng này.

44) Người đời Hán, làm Thái-thú Thục-quận, có tiếng hiển lương.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN II

Sơ tuần tháng 3, đương làm nhà Chiêu-đế trong cung, nhà vua tạm dời ra ở Thủy-Điện, không có chỗ tiếp khách, vì vậy nên ít khi được gặp nhau. Tăng-chúng thập phương đầu đơn xin thọ giới đã có hơn 600 người, nhưng liêu xá chỗ ở, và đồ dùng hằng ngày chẳng có một món gì. Tri-sự thương lượng với quốc-sur, chỉ nghe giả lời bằng hai tiếng « dễ dàng » mà thôi. Giới-tử hẹn đến ngày 15 sẽ tiền đàn, đọc luật và diễn lễ.

Thuyền sau vẫn chưa thầy đèn, các tăng chúng chức việc và nhất thiết các món trang nghiêm, cò phượng đều chưa tể tựu. Dầu không có việc gì xảy ra đáng lo, nhưng vì đã gần đến nhật-kỳ, nên cũng nóng lòng trông đợi. Bồi hồi dưới gốc dừa cây mít, làm thành « Khách trung khiển hứng » 27 bài.

Bài thứ 1

Tháng ba hoa rụng hết,
Người bảy-châu chưa qua.
Cầu-mông tuôn mưa xuống,
Mặt trời nhảy sóng ra.
Tiết hầu qua hạ-chí.
Gió hệt thổi xuân-hòa.
Tiếng địch ngân rừng vắng,
Sầu khôn giải ý ta.

Bài thứ 2

Nam-cực ngoài ven cỏi,
 Một vùng đất uồn quanh.
 Cát ngời bờ Khước-Nguyệt,
 Mây đầy đảo Chiêm-Thành.
 Điền-xá thuyền đánh cá,
 Công-đường nhà lợp tranh.
 Chẳng cần hỏi cầm-lệ,
 Phóng khoáng kẻ tu hành.

Bài thứ 3

Tháng giêng vừa mới nửa,
 Lúa ruộng đã đơm bông.
 Lúa gặt năm ba vụ,
 Áo the mặc mùa đông.
 Khách vào, hái mít đài,
 Nhà cất, sẵn tre trống
 Những măng vui đùa giỡn
 Chiều xuân ngả bóng hồng.

Bài thứ 4

Bóng tà len cửa sổ,
 Xòa tóc dạo quanh sân.
 Tứ khách mê chiều xè,
 Ý thơ tiều buổi xuân.
 Lá dừa sâu viết chữ,
 Hạt cỏ chim gieo vắn.
 Nhà kín quên xa lạ,
 Hồn quê khuấy khỏa dân.

Bài thứ 5

Sóng biển tung trời vô,
 Núi non quanh đất rào.
 Suốt đêm vang gió sấm,
 Cây cối vụt lên cao.

Tê-giác vẫn ngời sáng,
Tiên cầm lông trắng phao.
Phiêu-lưu bọn chúng tớ,
Mây nước biết nơi nào.

Bài 6

Dòng nước cách tây đông,
Nửa làng toàn điều-ông.
Dầu đường, chân ăn cát,
Nước giếng, mạch lưu thông.
Cửa mở trong gió trúc,
Người đi dưới mưa đồng.
Cơm không no ba bữa,
Đầy phổ người chơi rong.

Bài 7

Ngăn địch bày đồng-pháo,
Phòng gian rào tre gai.
Võ-biển đội khăn quặt,
Văn-chức mặc áo dài.
Quan-phủ khắp núi biển,
Chùa chiến tức cầm đài.
Quốc vương vì dân chúng,
Cầu Phật mở đàn chay.

Bài 8

Phiên-quan quen chuyện văn,
Tiếng nói chẳng hiểu nhau.
Cũng muốn thường qua lại,
Phần đông chỉ cháo rau.
Yêu ta lòng chẳng đổi,
Lo đói biết làm sao
Luồng gió bên rùng chuyển,
Tiếng hoa rụng ào ào.

Bài 9

Nhơn thề nào xa lạ,
 Lòng người tự ghét thương.
 Ổn ào không quản ngại,
 Quê vùng dăm chán chường.
 Trò chuyện phất quạt ngọc,
 Tóc râu điểm hoa sương.
 Rèm thưa hơi gió lọt,
 Thơm phức Dạ-Lai-Hương (1).

Bài 10

Xuân về, người vẫn ở,
 Lê gậy đi một mình.
 Lây lắt nương trần tục,
 Thờ ơ ngắm vật tình.
 Cá kều (?) gió hầu trở,
 Voi rồng, trắng vừa lên.
 Gặp mặt khôn chào hỏi,
 Người đều không họ tên.

Bài 11

Bồn biển trời lồng lộng,
 Đền đầu cũng là nhà.
 Trắng thêm vài cội tóc,
 Đỏ rụng mây cành hoa.
 Đuối lộc vui theo Hán,
 Cởi thôi mộng chơi Hà.
 Luồng nhạc lòng ả Chức,
 Tặng đá chồng cơ-xa (2).

1) Tên một thứ hoa.

2) Xưa có người chiêm bao thấy cởi thôi đi chơi sông Ngân-Hà, gặp Chức-Nữ tặng cho viên đá của nàng dùng kê khung dệt, ấy là một viên ngọc quý.

Bài 12

Bên giường canh cỏ-thụ,
Tiêu sơ giường canh thu.
Mây rừng bay lữn vờn,
Chim núi hát liú lo.
Khóm trúc bên khe mọc,
Quanh dòng, bóng âm u.
Nhà không chẳng đóng cửa,
Bóng nguyệt vừa đứng đầu.

Bài 13

Dân làng toàn lão nhược,
Trai tráng ra tòng quân.
Nuôi trẻ đành nhờ vợ,
Thờ vua phải hiến thân.
Nhà hư sợ mưa dột,
Cây héo mặc sương nhuần.
Nỗi khổ trong làng mạc,
Ai tau lên chín tầng.

Bài 14

Bè nổi cắt nhà ở,
Bao quanh ngọn thủy triều.
Cỏ non xuân nhuộm sắc,
Núi biếc thu in màu.
Trong ấy như vừa đủ,
Ngoài ra chẳng chút cầu.
Đứng nhìn bên bãi cát,
Khói xanh tỏa Lục-châu.

Bài 15

Kiểm chác nghề nghiên bút,
Đầu ruồi lợi chẳng bao.
Hay hèn tự khác biệt,
Lớn nhỏ cách xa nhau.

Hang kiên hầu xưng chúa,
 Cung rộng ai khoe giàu.
 Khai-nguyên (3) hiệu tiền quý,
 Đồng bỏ ở bên Tàu.

Bài 16

Gió nồng khi quá ngọ,
 Hơi mát lúc hừng đông.
 Đêm lặng nghe cơn sóng,
 Non cao dội tiếng giông.
 Xưởng voi nuôi mặt hậu,
 Chợ cá khít bên hồng.
 Khách khứa thâu đêm đèn,
 Tiếp đãi có người trông.

Bài 17

Y-bát rong chơi khắp,
 Tha hương tự hiểu mình.
 Không thơ cầu yết-kiên,
 Có chữ gửi thăm tình.
 Gió thổi màn hoa ánh,
 Mưa sa tiếng nhái inh.
 Tuổi già giàu sức khỏe,
 Mừng gặp lúc thanh bình.

Bài 18

Không dám làm cao cách,
 Khen người quý xét lâu.
 Xem qua đường sắc cỏ,
 Đóng cửa nghiệm rừng sâu.
 Cá dờ, hàng thường ề,
 Đàn hay, khúc khó cầu.
 Thành-Liên-Từ muốn tạ (4),
 Máy khói biết tìm đâu.

3) Niên-hiệu vua Huyền-Tông nhà Đường, khoảng 713-741 D.L.

4) Người thời Xuân-Thu, thầy dạy đàn cho Bá-Nha.

Bài 19

Thương-mãi giới sơn phần.
Quan dân diện áo xanh.
Khi trầu khăn găm mở,
Lúc chuyển bóng trời chênh.
Tóc mái khoe tơ mịn,
Chân hoa trở bước xinh.
Châu-Nam chưa hiểu ý (5),
Giang-Hán khó đồng thanh (6).

Bài 20

Nước Nam sông vạn phái,
Sao Bắc núi ngàn châu.
Nhor nhơn làm khách-trú,
Kinh doanh có kẻ giàu.
Chim bay tung quạt gió,
Rồng múa tuôn mưa ngâu.
Trông ngoài nhìn thiên-tượng,
Thanh không sáng một bầu.

Bài 21

Lư-Tổ về Dũ-Lãnh,
Thiên-Tông mở phương nam.
Huệ lan ta há dám,
Dưa muối người không tham.
Biển-quái thành sở ngữ,
Trùng-ly động hào tam.
Học hành không nhắc nhủ,
Chim én kêu làm nhàm.

5) Châu-Nam là một thiên chính-phong trong Kinh-Thi, khen phong-hóa của vua Văn-Vương.

6) Giang-Hán là một thiên Đại-Nhã trong Kinh-Thi, ca tụng công-đức của vua Tuyên-Vương. Hai câu thơ nầy tác-giả có ý chê phong-hóa Đại-Việt lúc bấy giờ chưa được tốt.

Bài 22

Mặt trắng răng đen nhẵn,
 Đứng cười tựa cửa tre.
 Khách sang ngồi chiều đất,
 Mâm gỗ cũng đem khoe.
 Nước mía uống ngon thật,
 Tinh dừa ăn khỏe ghê.
 Đêm nghe chuông phải tránh,
 Voi cái đi săn về (7).

Bài 23

Ai bảo biển không đáy ?
 Giao-Châu đất xiên xiên.
 Bên đê mở ruộng-phủ
 Dưới cửa buộc quân-thuyền.
 Già tháng tre sinh gạo,
 Lạnh trời bông may mền.
 Dân phong ít thuận hậu,
 Nhờ có quốc-vương hiền.

Bài 24

Lời nói nhiều câu bí,
 Việc làm ra đáng què,
 Tánh tình thường thích thắng,
 Cây trái cũng sum sê.
 Chữ lạ chẳng ai hỏi,
 Hương thơm không chỗ chê.
 Quả xoài lại rất quý,
 Ngày tôi ăn no nê.

7) Tác-giả chú-thích : thường đi săn voi, người ta dùng hai con voi cái để kèm voi đực đem về. Có người đi trước dẫn đường, đánh chuông cho người ta nghe để tránh.

Bài 25

Thần sóng thường phù hộ,
Thuyền êm lúc lại qua.
Buồm bay xem bể rộng,
Mây dứt biết non xa.
Ếch oáp khi mưa lụt,
Chim kêu lúc rụng hoa.
Hình hài thường tự thích.
Chẳng đợi gió xuân hòa.

Bài 26

Ngày xuân cô gái trẻ,
Xắn áo lội bờ dâu.
Lưới bện dây làm võng,
Thúng đan cỏ đội đầu.
Đương mùa gầy cúc giậu,
Trở mái hái sen bầu.
Ấm áp trời Nam-Việt,
Trăm hoa hơn hờ màu.

Bài 27

Cà-sa đi khắp xứ,
Kinh-kệ cũng tao đàn.
Tài hèn thương tóc bạc,
Sức khỏe đáng kho vàng.
Hiềm trở tùy lòng thề,
Thâm nghiêm mặc cửa quan.
Hư danh lòng chẳng muốn,
Đâu cũng cảnh hồ-san.

Chiều ngày 10, (tháng 3 năm ất-hợi) Quốc-Vương sai Nội-giám đến báo tin mừng : « Vừa tiếp báo-cáo của quan địa phương, nói thuyền sau của Lão-Hòa-Thượng đã đến đảo Tiêm-Bích-La. Quốc-Vương đã ra lệnh cho thuyền Điền-Xá (thuyền đánh cá) đón tiếp đồ đệ và vật hạng của Lão Hòa-Thượng, nay mai sẽ ra đến nơi ».

Đêm 13, (tháng 3 năm Ất-hợi) thuyền ra đèn Thuận-Hóa. Sáng sớm tăng chúng lên yết-kiến, người nào cũng chân tay lấm láp, mặt mày cháy đen. Chúng thuật chuyện rằng : « Thuyền ra cửa từ ngày 20 tháng 2, chỉ được một ngày một đêm thuận gió, còn quá nửa tháng dật dờ trôi nổi trên mặt đại-dương. Chúng đã trông thấy biết bao quái lạ, có những chim quạ lớn, lông đuôi dài thông như đeo mũi tên, gọi là quạ « mũi tên » (tiền nha), hằng ngày bay liệng trên cột buồm. Lại trên mặt sóng, có những cây cò lỉnh nhỏ, hoặc đỏ hoặc đen, khi chìm khi nổi, cây này trôi qua cây khác kéo đèn, liên tục hàng vài mươi cây. Người trong thuyền ngó nhau sợ hãi, không dám lên tiếng. Người ta bảo đó là những thuyền ma, ai gặp thấy thì bắt lợi. Ngày nọ ba-đào húng dưng, mây kéo mịt mù, phía tả thuyền có một con rồng đen uồn lượn lù lù hiện ra. Thủy thủ phải đốt lưu-huỳnh, lông gà, lầy đổ dơ uế vấy lên, khiến quái-vật không dám xáp lại. Lại một đêm nọ, mây kéo tối mò, trăng sao chẳng có; thỉnh linh một hòn núi lửa nổi lên ở sau thuyền, ánh sáng rọi lên mặt buồm, như ánh lửa cháy đồng phản chiếu ; dần dần núi lửa ấy đi lên ngang hàng với thuyền, bọn thủy thủ ủa ra lầy cây củi gỗ vào mạn thuyền liên thanh. Chừng hai canh sau, nghe bánh lái chạm vào mình vật ấy. Thuyền hơi quay lại, và quái-vật liền biến mất. Vật ấy tức là một loài cá hải-thu, ánh sáng là luồng điện của mắt cá, nhưng chẳng biết thân cá to bằng chừng nào. Bình bồng trôi nổi, ma quái hiện hình; trông ngóng Việt-Nam, tí mù tăm dạng. Gió nam thổi mạnh, mọi người đều tái mặt; cầu trời khẩn Phật, phù hộ cho gió xuôi. Vì người đà-công không thuộc đường, lại trễ thêm hai ngày, gạo nước dần dần hết trơn, hầu giam đói cả bọn giữa «lầu ma chợ bóng» (thần lâu hải thị) ». Mọi người kể chuyện, tui tui mừng mừng. Ta bảo : « Thôi, hãy lui xuống nghỉ ngơi tắm rửa ».

Lúc ấy sò tăng chúng đèn cầu giới, đã lên đèn sò nghìn, mà vật-hạng cần dùng trong giới-đàn, Quốc-sur chẳng chút lo liệu. Xảy có công-chúa đèn, ta lầy việc ấy trình bày. Công-chúa nói : « Lão Hòa-Thượng hãy vẽ đồ-hình và kê đơn các món cần dùng. Tôi đem trình Quốc-Vương, có thể ứng-biện xong lập tức.

Ngày hôm sau, Quốc-Vương khiến mời ta đem các tăng-nhơn vừa đèn thuyền sau, vào dự tiệc chay. Vương ân cần hỏi han từng người một. Tức thì phê lệnh. truyền quan quân các dinh chia nhau dựng cất liêu-xá, hạn trong ba ngày lạc thành, bàn ghế khí-mãnh hạn 10 ngày phải có đầy đủ.

Rồi thì, Vân-trù (nhà bếp), Thiển-đường, Vân-thủy-đường dựng lên ở phía tả; Thị-liêu, Trai-đường, Độc-luật-đường, Am-Chủ-Liêu dựng lên ở phía hữu; Ở giữa làm một giới-đàn. Suốt sáng thâu đêm, chỉ trong ba bốn ngày là xong. Ngoài ra, khuôn vác khí-cụ, hàng ngày trên đường đông như kiến-cỏ, hơn 2000 vân-thủy giới-tử ai lo phần việc này. Quốc-sư dọn cơm trưa, xin treo chuông mõ làm hiệu lệnh, tu chỉnh quy ước, và để những liễn đôi như sau:

Câu đôi trước cửa chùa :

*« Annam quốc thổ bất nhị môn, mạc thác quá khứ.
Thuận-Hóa thiển-lâm đệ nhất bộ, hướng giá lý lai ».*

Dịch nghĩa :

*Đất nước An-nam chỉ một cửa, chớ lăm bỏ qua.
Rừng thiển Thuận-Hóa bước đầu tiên, tiền vào trong ấy.*

Câu đôi dán ở Trai-đường (nhà cơm chay)

« Sa-oa lý hoạt chữ Phật thôn, hữu giá ban thả cước, thủy thọ đắc Quốc-Vương cung dưỡng.

Khôi-vu trung sinh cảm Tổ trước, vô na dạng đồ bì, tránh năng tiêu Diêm-Lão phạn tiền ».

Dịch nghĩa :

« Xanh chảo nấu đồ cúng Phật, có tay chân thể ấy, mới được nhờ Quốc-Chúa cúng dưỡng.

Bát mâm bày dọn cơm thấy, không dạ dày nhường kia, sao tiêu hết Diêm-Vương bỏ thí ».

Câu đôi trước Giới-Đàn :

« Thích-thị trì luật, nho-giã lý trung, tổng yêu tu thân thành ý, tự nhiên kính trực hổ nội, nghĩa phương hổ ngoại.

Quân-tử sắc cơ, thiển-nhơn tập định, đồng quy kiên tỉnh minh tâm, doan do giới thận bất đồ, khùng-cụ bất văn ».

Dịch nghĩa :

« Cửa Phật giới luật, nhà nho trung dung, chỉ cốt thành ý chánh tâm,
tự nhiên ngoài có nghĩa phương, trong có kính trực,

Quân-tử cơ-vi, thấy chùa nhập định, đều để mình tâm kiên tỉnh, bởi vì
rắn chỗ chẳng thấy, sợ chỗ chẳng nghe ».

Đền ngày 24 các đệ-tử tiền vào Giới-đường, oai nghi trang nghiêm,
cử chỉ thuần thực. Khắp cả nước kéo nhau đến xem, đều hoan hỷ cho là
một đại-hội chưa từng có bao giờ !

Đại-học-sĩ viết một bài « Khải » và họa vắn bài thơ trước, khiến người
đưa đến.

Bài Khải :

Bản-quốc Học-sĩ, ký-lục-sự Hào-Đức-Hầu « Mỗ » cúi đầu dâng thư,
Thượng-quốc Trường-thọ Thạch-Ông Lão-Hòa-Thượng, Đại-Viên-
Giác Tòa-hạ :

Gió thiên-tông thổi đến vườn Hươu,

Đường giác-ngộ mở thông rừng Hạc.

Muôn phương hướng hóa,

Vạn chúng quy y.

Kính nay :

Đại-Viên-Giác, ngũ nhãn giữ lòng,

Bát lưu rõ đạo.

Phượng-Hoàng cửa bụi, phong-nghi rực rỡ mảnh trắng tròn.

Kỳ-lân trên đời, khí chất dịu hòa luồng gió mát.

Xa đưa bè báu,

Sáng chói rừng châu.

Cắm bát vàng thẳng đến đông-bang, phương-tiện nhường cha, trí-
độ nhường mẹ.

Thả chén gỗ vượt qua Nam-hải, pháp-hỷ là vợ, từ-bi là con.

Ngọn tuệ-đăng soi sáng lâu lâu,

Nguồn trí-thủy tuôn ra cuốn cuộn.

Mồ, sinh nơi cô-lậu,
 Học thẹn sai lầm.
 Tập lễ học thi, qua sân Lý (8) chưa nghe lời dạy bảo,
 Tìm câu trích chữ, lảng chí hồng (9) đã mang tiếng cười chê.
 Hằng lo bước đôi đường ngay,
 Chỉ sợ đi lầm ngõ vạy.
 Mạnh-Tử nghiêm, Không-tử thứ, xưa người nào nay lại người nào.
 Công Ông Vũ tài Ông Chu, ấy một buổi mà kia một buổi.
 Tuy xem biển biết đâu là bờ bên.
 Nhưng mười nhà ắt có kẻ ngay tin.
 Trước mông hậu ý cho quà, lòng những ước chi lan bè bạn.
 Nên mới khiến dâng lễ mọn, dám nghĩ điều đào lý lại qua.
 Ước có ngày mở yền lộc-minh,
 Đầu tường nổi vô duyên nhận-tệ.
 Riêng lòng luống thẹn,
 Rộng lượng bao dung.
 Đã mông sửa chữ sai lầm,
 Lại được cho thơ đáp họa.
 Bóng thiếu-quang rực rỡ sông văn, mở đường tiền thủ.
 Mây ngũ sắc vẽ vang biển học, khắc dạ tri ân.
 Ngưỡng mộ biết bao,
 Vui mừng xiết kẻ !

Thiệt nghĩ :

Người xưa làm thơ đề hưng khởi lòng người (khá di hưng), để xem
 xét phong-tục ; (khả dĩ quan) trong thơ phần nhiều ghi tên những cây cỏ
 chim muông, chẳng qua để ngâm vịnh tính-tĩnh, sao cho « tư tưởng không
 quây » (tư vô tà) là được. Đáng quý nhất là ý thơ trung hậu, đáng khinh
 nhất là lời văn phù hoa ; chẳng khá lấy văn hại lời, lấy lời hại ý vậy. Huông
 « bổ-đề », « ma-ha », « bát-nhã », nguyên lai chẳng có vật gì hết. Ma-ha
 không có vật, ấy là không « trắng » vậy. Bổ-đề không cây, há có « trắng »

8) Con đức Không-Tử tên là Lý : lúc đi qua trước sân nhà, đức Không-tử khuyên
 nên học Kinh-Thi và Kinh Lễ.

9) Đường ngồi học mà ngược mặt nhìn chim hồng bay trên trời, thấy Mạnh-tử
 gọi là : « Hồng học kỳ tâm », để chê người không chăm học.

hay sao ? Bát-nhã không buồm, há có gió hay sao ? Chẳng qua người làm thơ lấy chữ gió để tượng trưng « thanh lương » (trong mát), lấy chữ « trắng » để tượng trưng « viên-minh » (trong sáng), cốt để hình dung cái tính sắc sắc không không vậy. Há có trắng thật gió thật, mà chúng ta phải bàn « Bồ-đề », « Ma-ha », « bát-nhã », chữ nầy đáng dùng, chữ kia không đáng dùng. Người xưa nói rằng: « Ma-ha là bản-thể chơn-như, lớn không ngoài, nhỏ không trong, trời chẳng hay che, đất chẳng hay chõ, sáng sủa soi khắp mọi nơi », lại nói rằng: « Ma-ni hiện thành ngũ sắc, mặt trắng phát ra vành sáng », đều là trực chỉ toàn thể mà nói, chẳng phải thiên lệch nói trống không. Tôi dùng chữ « trắng ma-ha » là vì lẽ ấy. Nay nhơn Lão-Hòa-Thượng dạy cái chánh, nên phải biện bạch, chưa biết có phải vậy chăng ? Xin lượng trên chớ quở trách, thật tôi đã gánh nước bán cho biển vậy. Vồn nghe Đại-Viên-Giác, cao phong độ thể, thiện đạo giúp người, dám bày thiện-cận đôi lời, mong lượng khoan hồng tha thứ. Nay mai xin đền bái yết, ngõ được nghe lời dạy bảo cao minh. Giấy văn tình dài, tạm xin gác bút.

THƠ RẮNG :

(Điệp vận bài trước)

*Nho Thích xưa nay vẫn khác dòng,
Mặc dầu dòng khác vẫn tương thông.
Chiếc thuyền cửa Pháp vành trăng tỏ,
Tay lái nhà nho ngọn gió lồng.
Rộng mở cửa thiền gương sáng chói,
Gạn khơi sông Tứ nước xanh trong.
Đền đây ắt có đem nguồn lợi
Ấu cũng nhơn duyên tự hóa-công.*

Bài « Khải » trên lời lẽ uyển-chuyển, ý-tứ sâu xa, nhưng bàn về « Ma-Ha », « Chơn-như » có hơi cưỡng-lý, chưa được thích đáng, cần phải có đôi lời tỏ lại cùng nhau.

Nhơn họa văn bài thơ và viết bài « khải » trả lời rằng :

Mồ, chấp tay kính đáp thư,
Đại-Học-Sĩ Quân-hầu các-hạ.

Gió đức dịu hòa, dân chúng đội ơn mưa móc.

Bóng thiếu sáng chói, quốc-gia vững thề phiên bình.

Quân sĩ hân hoan,

Gần xa chiêm ngưỡng.

Nay kính,

Đại-Học-Sĩ ký-lục Tôn-Công,

Rõng thiêng trên thề,

Ngựa hay nhà trời.

Vấn võ toàn tài, trong bụng bao hàm tượng vĩ.

Khuê-chương rạng vẽ, cõi ngoài coi việc tuần tuyên.

Chôn đơn-đỉnh cấm bút xuân-thu,

Nơi tứ-phủ vui tình phong nguyệt.

Học nho kiêm hiểu Phật, từ trí tri cách-vật, thấu dò tính mệnh gốc nguồn.

Giảng Dịch biết đạo trời, do xem tượng chiêm hào, biết rõ âm-dương chí lý.

Trương-vô-Tận thuở trước, làm tướng-thần mà biệt đãi Đức-son.

Lý-Tuân-Húc ngày xưa, làm Đô-Uý mà kính tôn Cốc-Ấn.

Chỉ muốn dồ lòng vì đạo,

Há cam lãng bỏ niềm tu.

Thấy Chu học rộng, thấy Trình hiểu sâu, chưa được thầy người, đã từng nghe tiếng.

Ông Hối như ngu, ông Sâm lỗ độn, nhớ nhung thuở trước, than tiếc ngày nay.

Lão-tăng,

Thẹn chưa đọc thư,

Dám khoe biết chữ.

Chơi mây năm núi, đội trên đầu một nón kiến-khôn.

Thả chén qua sông, treo đầu gậy nửa bầu phong nguyệt

Muốn lấy pháp linh hàng tượng dữ,

Rắp đem bình bát úp rõng thiêng.

Lưới bủa khắp trời, chim chưa muốn bắt.

Cần gieo vòng nguyệt, cá chẳng vừa câu.

Ra núi vào đời,

Có người có tớ.

Đã xa thời thánh,

Ai kẻ chiêu hiền.

Mây Quốc-Vương đã gửi thư mời,

Kê hiền-sĩ lại đem lễ biếu.

Đại-nhơn chưa được tiếp, đã gặp công-tử qua chơi.

Tôn giá chữa đèn nơi, đã có giai-chương gửi tặng.

Tự thẹn gái quê làm tốt, gieo sành dẫn ngọc dờ dang.

Chẳng qua thấy bói nói ma, điểm sắt làm vàng quây quá.

Chỉ muốn học đòi quân-tử,

Cho nên thù chính đại-phương.

Vừa nghe cao-luận mấy lời.

Hầu khiến nhà chùa ngọng miệng.

Thiệt nghĩ,

Văn Lục-Kinh do cô-thánh chép truyền, mở nguồn tính đạo.

Sách Chư-Tử của tiền-hiền để lại, giải-nghĩa tinh vi.

Sáng tác từ xưa,

Lưu truyền hậu thế.

Phục tùng chẳng rảnh,

Nghiên-cứu dám lười.

Làm sách dạy đời, cô-thánh còn đương khiêm nhường.

Theo khuôn ngày trước, hậu hiền cần phải gắng công.

Huông nay văn-hiền gặp thời, mỗi việc mỗi điều, cần xét gốc nguồn cho rõ.

Sẵn có điển-chương đầy-đủ, một câu một chữ, phải tìm xuất-xứ tại đâu.

Xem Đạo-nguyên chưa sách Thủy-Kinh, mỗi câu văn đều có điển cứ.

Đọc Lục-Thần giải-nghĩa Văn-Tuyển, mỗi từ-ngữ đều có căn nguyên.

Bởi thế, sách ghét đặt bày,

Học chê nói bướng, là ý ấy vậy.

Như nói về « Thơ », sau ba trăm thiên « Kinh-Thi », phải nói đến thơ Tứ-Đường. Đường thơ ắt khen Lý Đổ. Nay lấy thơ hai ông, trích ra một hai câu có dùng đến chữ « Phong », chữ « Nguyệt » mà nói. Lý-Bạch trong một bài cô-phong, có câu (Thiểm-thư bạc thái-không, thực thứ Dao-tr

nguyệt) ; ba chữ « Dao-tri nguyệt », gốc do câu thơ (Bạch vân tự đề-hương, hàm thổ Dao-tri nguyệt) của Trầm-Uớc mà ra. Lại câu (Trường-an nhất phiến nguyệt), gốc do câu (Phiến nguyệt khuy hoa đàm) của Từ-Lăng. Câu (Ngã lai Kỳ-Kiểu thượng, hoài-cổ Khâm anh phong), gốc ở câu (trương anh phong ư hải diện), trong bài « Bắc-sơn di-văn » mà ra. Đồ-Phủ trong bài thơ : « Tiễn xuất tái » có câu (Dĩ khứ Hán nguyệt viễn) gốc ở câu thơ (Sương lâu minh Hán nguyệt) của Trương-Chánh ; câu (Trung thiên huyền minh nguyệt), gốc ở câu (Huyền minh nguyệt dĩ tự chiêu) trong bài « Trường-môn-phủ » của Trương-Như. Câu (Sơn thâm khổ đa phong) gốc ở câu (Khê cốc đa phong) của Ngụy-Văn-Đề mà ra. Từ đời Hán Ngụy trở về sau, học giả dùng chữ đặt câu, bao giờ cũng căn cứ nguồn gốc, chẳng khi nào sáng tác những chữ sông sượng, những loại như thế, chẳng khá xiết kể.

Đền như « Bồ-đề » không phải trắng mà nói « trắng », « Bát-Nhã » không phải gió mà nói « gió » ; nghĩa là không phải thực gió, thực trắng, tai mắt có thể nhận thấy, nhưng có thể ngầm hiểu mà không thể nói ra vậy. Nhược bằng lấy « mát mẽ » (thanh lương), « tròn sáng » (viên minh), để ví với « gió trắng », không hư khoát lược mà xưng rằng « tỉnh », ấy là chưa thấu rõ chữ « tỉnh » của Phật-giáo, ấy chẳng qua một cách kiến-giải của học-giả, chưa có thể nói là trực chỉ toàn đề ; cho thể làm phải, nhưng tựu trung đã khúc-lý có khuyết-diểm rồi. Vì vậy, nên Lão-Tăng không thể không nói. Hà-huông đem một câu « trời chẳng che, đất chẳng chở » giáo đầu, dẫn làm chủ đề, muốn càn quét tất cả, chẳng quản hại đến người khác ; ấy là chẳng hiểu ý-chỉ « khi nói chính, khi nói thiên, khi nói hồi-hộ ». Xá-óa thiên lưu, coi mười người như một chục, rất trái với diệu mật toàn đề, xin Minh-Công chớ nên lập luận như thế. Tôn-chỉ nhà Phật chúng tôi, có « quyền » có « thực », có « chiêu », có « dụng ». Đoán chặn hai đầu là khoảng giữa chẳng đứng vững ; cho nên chỗ « hợp » có « phân », chỗ « phân » có « hợp », phân hợp tùy tự nhiên, chẳng phải cưỡng hợp cưỡng phân lấy làm nguyên-tắc cứu cánh. Ví như đồ thủy-ngân xuống đất, lớn ấy thành viên lớn, nhỏ thành viên nhỏ ; hoặc phân hoặc hợp, hoặc chạy hoặc ngừng ; đồng thì đồng nhau nhưng khác, khác thì khác nhau nhưng đồng, mỗi một viên phân biệt, nhưng viên nào viên nấy như nhau. Như thế mới có thể gọi « lớn không ngoài, nhỏ không trong », ấy cũng nói một cách quyền tạm, nêu lên một cách sơ-lược vậy thôi ; nếu chỉ rõ như mặt trăng sáng,

lại vẫn chẳng phải vậy. « Ma-ha » ; « Bát-nhã », « Bồ-Đề », cả ba đều có tên riêng, nếu nhứt thiết lấy câu « vốn chẳng có một vật » làm định-luận, ấy là xét đoán một cách trông rỗng thiên-lệch. Nhon vì Tú-Công (10) bảo quấy rằng : « mình giống cây Bồ-Đề, lòng như đài gương sáng », cho nên Đức Đại-Giám Tổ-sư của ta mới dùng câu « vốn chẳng có một vật » để chỉ rõ « Bồ-đề không có cây, gương sáng chẳng phải đài », đánh đổ sự cồ chấp rằng « có ». Cồ chấp « có » đã chẳng phải, thì cồ chấp « không » há phải hay sao ? Tại sao Minh-Công chẳng xét chỗ đó.

Vả lại « Bát-nhã phong, Bồ-đề nguyệt » là những chữ do trong hai bài thơ của Hương-sơn (11), My-sơn (12) làm tặng Oa-công và Ân-công. Còn chữ « Ma-Ha nguyệt », chẳng thấy chép ở sách vở nào ; Lão-Tăng há dám tự dối mình chẳng nói thẳng ra, để đèn đối phải đắc tội với Minh-công sao. Theo tiếng Phạn, « Ma-ha » chỉ nghĩa rộng lớn. Tây-vực dùng hai chữ ấy để tán dương ý-nghĩa « rộng lớn ». Còn « Chân-Như » tức tính thể phát sinh muôn vật, cho nên người xưa bảo rằng : « Ma-ha bát-nhã là tán dương sự rộng lớn của trí tuệ », chẳng phải lấy Ma-ha làm bản thể « Chân-Như ». Như thể, chẳng là « trên đầu đặt thêm một cái đầu », tính và thể há có hai cái ? Sai một ly đi một dặm, ta trước sau chẳng chịu uốn mình chịu cho chữ « ma-ha nguyệt » là thỏa đáng. Nếu bảo làm thơ chỉ cốt ý, chẳng cần xét lời, chỉ nghĩ cái lớn, chẳng cần cái nhỏ mọn, sao chẳng xem trong bầu vũ-trụ, không không sắc sắc, có một cái gì bồ-trí chẳng tinh tường ? Nhưng đó cũng chỉ cứ những điều khá biết mà nói, chưa tiện bàn đến việc sâu sắc. Bài của ngài gửi đến là « thơ », thơ thì nói chuyện thơ, cũng khá hơn thơ mà nói chuyện « thiền » ; lia « thơ » mà nói chuyện « thiền » là chẳng khá nói « thơ », càng chẳng khá nói « thiền » mà nói « thơ » được sao ?

Bài thơ họa vắn, chữ chữ quý như châu ngọc, tôi được học thêm rất nhiều. Chỉ câu thứ tư có hai chữ « Kinh tiếp » (cheo sách 經 接). Lão Tăng học ít, không biết xuất tự kinh điển nào. Nếu dùng điển trong bài luận của Tán-Nghi có câu rằng : « Kinh che vị am, như châu vô tiếp » (chưa hiểu phép kinh, như thuyền không lái), câu ấy bàn phép kinh, mượn lái thuyền làm ví dụ; nếu lấy hai chữ « kinh tiếp » dùng liền nhau, thì làm lụy

10) Tức Thân-Tú đại sư.

11) Tức Bạch-Cur-Dị, Thi-sĩ đời nhà Đường.

12) Tức Tô-Thức, thi-sĩ đời nhà Tống.

cho « thơ » mà cũng làm lụy cho bài luận của Tán-Nghi nữa. Hai lẽ ấy đều không thể hiểu rõ. Hoặc giả dùng điển ở câu « Thi bi Kinh châu, chứng đồ tiếp chi » (Vĩ như chiếc thuyền trên sông Kinh, trai bạn chèo chông), thì chữ « Kinh » (經) nên viết ba chấm thủy (冫), chứ không viết theo bộ mạch (糸), không biết có phải vậy không, xin Minh-Công chỉ giáo cho.

Lời nói dong dài chỉ làm rờn tai bậc cao-minh, chẳng qua muốn tỏ hết ý-kiến quê mùa, hầu đáp ơn quốc-sĩ tri ngộ mà thôi. Sau nấy xin Minh-công lưu ý tra cứu sách xưa, hầu thứ lỗi Lão-tăng già miệng. Biết Minh-công rộng lượng, chẳng để ý chấp trách, muốn được nghe thêm nhiều điều dạy bảo quý hóa hơn.

Giới-đàn gần đến ngày, chẳng bao lâu sẽ được gặp mặt. Nay xin họa lại nguyên vận hai bài, mong nhờ phủ chánh.

Bài 1

*Ao ào sóng bể biển mênh mông,
Muôn dặm thuyền bè đạo thánh thông.
Đàn khảy Vũ-Vu luồng gió mát (13),
Dép lưu Sông-Lĩnh chiếc hòm không (14).
Nội hoang còn có mầm thiêng mọc,
Đường cỏ ai đem cỏ dại trồng.
Nhàn rồi ở đây lòng luồng then,
Đứng nhìn mây biển, chỉ trắng trong.*

Bài 2

*Biển cả gầm reo khí thế hùng,
Nghìn sông nào chỗ chẳng lưu thông.
Thì thành Quốc-sĩ trăng dòm cửa,
Kinh tụng Thiên-Tôn gió rải bông.*

13) Sách Luận-ngữ : « Thấy Tăng-Điêm nói rằng : « Chi tôi chỉ muốn tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đàn Vũ-Vu, cùng 5, 3 đồng-tử ngâm vịnh rồi trở về ».

14) Thời Lương-Vũ-Đề, Đạt-Ma tổ-sư đã nhập tịch, chôn ở chùa Định-Lâm, núi Hùng-Nhĩ. Sau ba năm, Ngụy Tông-Vân đi sứ Tây-Vực trở về, gặp Đạt-Ma ở Sông-Lãnh (Ở Tây-Vực thuộc nước Nhục-Chi) đương đi, tay cầm một chiếc giày. Vân hỏi sư đi đâu ? Trả lời rằng : « Đi về Tây-Thiên ». Vân về thuật chuyện lại, Vua Minh-Đề khiến đào mã lên xem, thấy trong hòm chỉ còn một chiếc giày da.

*Hay giỏi người khoe tài tuấn kiệt,
Già nua tở lại học nhi-đồng.
Ngày nay khó nổi bàn nhơn nghĩa,
Chỉ có cười khan khấp cửa lòng.*

Ngày 1 tháng 4, truyền Sa-Nhi-Giới, Quốc-Vương mở đàn chay dâng lễ, tự mình đèn thấp hương, mời ta thượng đàn thuyết pháp.

Trước đó một ngày, dọn dẹp đường xá. Từ sáng sớm, có đội quân mã đồ đẹp đường, bắt người ta phải tránh xa ngoài một hai dặm. Đạo ngự đi có người theo hầu tả hữu, đều cầm kim-đao kim-thương dài năm sáu thước. Quốc-vương ngồi trên kiệu luy-diễn (螺蚶), giống hình xe lừa. Quân khiêng kiệu 16 người, toàn người cao lớn, xóa tóc, mình trần truồng, chỉ có một sợi giây thắt ngang lưng, treo một vòng vải che đằng trước, quần lại cột treo ra sau lưng. Những tăng-nhơn cầu giới người Thô, phủ phục đón rước ở dưới núi. Quốc-sư đứng hai hàng chực đón tại chùa, ta chờ ở phương-trượng. Quốc-Vương đội mũ xung-thiên cánh chuồn, mặc đạo bào mầu huyền, đi giày nhung, không mang bít tất, vào đền thấp hương, lễ Phật. Đoạn, đi quanh đàn chay, xem xét trần thiết, cả mừng than rằng : « May có Lão-Hòa-Thượng đèn đây, mới được thầy pháp-môn quảng-đại trang nghiêm như vậy ».

Vương tiến vào phương-trượng tham bái, Quốc-cậu mặc áo măng-bào, cầm kim-đao đứng hầu. Nhà chùa dâng trà quả cơm chay, đều không dùng, đã có Nội-Giám đem theo trà để ngự dụng. Trong câu chuyện, phần nhiều nói về việc Phật.

Ngoài vách chùa quân lính đứng vây hai lớp. Lớp ngoài toàn người cao lớn râu rìa, ai râu ít thì kẻ thêm râu giả, đội mũ bằng gỗ đỏ, thếp vàng, mặc áo đoạn đỏ, cầm kim-thương, đứng thẳng hàng khít rịt. Lớp trong toàn thanh-niên mạnh mẽ, chít khăn đà-la-ni đỏ, mặc áo nhung lục, cầm kim-đao, cũng đứng như lớp ngoài. Cán đao và cán thương đều sơn mầu anh-đào. Mỗi khi Quốc-vương trong điện bước ra, quân lính đều xây mặt ngó vào. Quốc-vương đi vào, thì sắp hàng đứng hai bên đối diện nhau rất thẳng. Ngoài giậu có vài nghìn quân, thề mà trong ngự-tọa lặng thính, chỉ nghe tiếng chim kêu lá rụng mà thôi.

Lúc ấy Quốc-Vương đốt hương làm lễ xong, đặt ngự tọa, ngồi day mặt qua hướng tây, lắng nghe, cười tùm tùm, như có ý lãnh-hội. Đền khi đứng dậy đi xuống, thấy những người chấp-sự đều là tăng-nhơn Trung-quốc tùy trượng của ta, bèn bảo các tăng-nhơn bản-quốc rằng : « Các người ngày thường khoe miệng, tự phụ thông hiểu phật-pháp, làm được những việc to lớn, ngày nay đứng trước đại-hội công chúng, trước bàn thờ trời phật, sao không có người nào dự đàn làm lễ, cứ đứng trượng mắt há miệng như tượng gỗ hệt thầy ? Từ nay đừng khoe khoang nữa nghe chưa ». Nói xong có ý giận. Ta bạch rằng : « Nhà vua chớ lấy làm lạ. Dưới pháp-tọa kỷ-luật rất nghiêm, có kẻ tu hành già đời, bản phận công phu đã có chút ít kiên-thức, thế mà lúc đứng trước Bửu-tọa, còn bờ-ngõ thiếu sót, huống là những giới-tử mới phát tâm nguyện, trách bị họ sao được. Chẳng những bọn sơ học, khó đương nổi công việc, cho đến các đường-đầu trưởng-lão, vô luận kiên thức học hỏi thế nào, lúc đăng tọa, dung mạo thanh âm cũng không phải dễ dàng. Ất phải pháp-nhãn thông-minh, tay chân nhậm lệ, hành động mới không bờ-ngõ, lại cần có oai-đức đầy đủ, mới có thể có cử-chỉ an-nhàn, nói năng sáng suốt, tay đe miệng chỉ, kẻ đương-sự, tức khắc hiểu ý nghe lời. Cũng có kẻ bình thời trí-thức cũng khá, nhưng vì oai-đức không đầy đủ, nên vừa bước lên Bửu-tọa, đã mất hết tinh-thần, nói chẳng ra lời. Việc trời phật cúng dường, đại-chúng lễ bái, đâu phải việc nhỏ mọn làm chơi ». Quốc-Vương nghe nói hết giận. Ngồi nói chuyện đến quá Ngọ, muốn ở lại xem truyền giới, Quốc-cậu giục hai ba lần, mới đứng dậy, day lại bảo rằng : « Đệ tử từ bé nghe hai chữ « phật-pháp » đã sinh lòng kính ngưỡng, mỗi lúc gặp tu-sĩ áo lam, tức thì hoan hỷ. Chẳng biết kiếp trước là ai ? Làm phúc nghiệp gì ? Mà ngày nay sinh ra làm vua ở đây ? Xin Tôn-sư chỉ-điểm cho biết, hầu chẳng quên nghiệp trước, đội đức từ-bi vô lượng ». Nói rồi từ-giã ra về. Nhơn tâu bút viết bức thư sau đây báo thị.

Thư rằng :

Vừa muốn làm mặt lạ, chuyện trò chút đỉnh « xuân phong khách-sáo » vậy thôi. Nay thầy mới mẽ tươi vui, cảm có một phen sinh-thú.

Thoạt hỏi : « Chẳng biết kiếp trước, nguyên là người nào », thực là một câu hỏi rất đột ngột, « Khúc tròn người đầu vắng, trên sông một núi xanh » : Nếu ta đem hết tinh tể trong ấy nói cho nghe, chỉ cho khỏi lấy làm

lạ tai lắm vậy. Chẳng thế, sao lai-lịch của mình mà lại chẳng biết, há đã bị hai chữ phú-quý, kết thành một khối đen dày ba thước, che lấp trước mắt rồi sao ? Đền đổi gốc cũ nguồn xưa, toàn bị cách-âm che tôi.

Chẳng thầy Tô-Đông-Pha tự biết mình là hậu thân của Ngũ-Tô-Giới, làm câu thơ rằng : « Đồi trước Đức-Vân nay là ta, mừng-tượng còn nhớ Diệu-Cao-Đài » (16). Đông-Pha cũng là người trong công danh phú quý, sao chẳng bị cách-âm che tôi. Phàm những người ngời cao tước lớn, quyền cao lộc trọng trong thiên-hạ, đều là những người kiếp trước tu hành, ngồi thùng mây chiếc bồ-đoàn, mà chẳng thành chính quả; chỉ vì lòng đạo có lúc gián đoạn, lòng trần chưa được rửa sạch, lỡ chân một bước, chuyển niệm sa vào lưới đời. Rồi có kẻ xuôi gió thẳng buồm, nguyên-lực không bền, công-phu thiếu sót, thay hình đổi lột, quên cả bản-lai ; càng ngày càng xa, dần dần đắm đuối, đến lúc muốn trở lại bồ-đoàn, sửa lại tâm tính không thể được nữa. Nếu những người muốn trở về bồ-đoàn ấy, tuy gặp thời thuận gió, cũng chẳng kéo hết buồm, xem vương hầu như cỏ rác, châu báu như ngói sành, sắc đẹp tiếng hay như xâu xa dơ-uế. Mình ở trong trần, lòng nương ngoài vật, chăm chăm mộ đạo, tìm thấy bạn dắt dìu, như nước với nước, như mây với mây, tự nhiên hợp thành một khối, không thể chia rẽ; ấy là chẳng quên gốc nguồn, đi thẳng đến chứng quả mới thôi. Nếu chẳng thế, thì gặm hết rễ rau, đi mòng giày cỏ, cũng chẳng có thú vị gì. Làm sao hơn được phú quý đỉnh-chung, hầu vợ thành hàng, nghênh ngang dù võng, phồn-hoa vinh-hiến, ai lại chịu bỏ đường ấy để theo đường kia bao giờ.

Ồi ! ta nói thật với đây, xưa kia vốn cùng ta đồng đi, chẳng ngờ đó bước lầm đường, chạy qua ngã khác, bèn chuyển thân về làm Quốc-Vương ở đây. Nay trở lại hỏi chẳng biết tu hành mấy kiếp, lên đền vì vua. Quên rằng, nếu chẳng tu hành một phật, hai phật, ba bốn năm phật, làm sao trông được gốc lành.

Đền đây vui thì vui thật, chín c gió đời tám hướng, thổi vào trong muôn trượng bùn lầy, lỡ một sa chân, không sao vực được.

16) Tô-Đông-Pha bị trích ra Huệ-Châu, thuyền ghé chùa Kim-Son, nằm chiêm bao thấy một nhà sư, mời ăn cơm chay với muối vừng. Hỏi các nhà sư ở chùa, nói rằng Tô-sư Đức-Vân, trước ưa ăn muối vừng, nên nay vẫn làm cúng. Đông-Pha bèn tỉnh-ngộ tiền-thân, làm bài thơ có câu : « Tiên thế Đức-Vân kim thị ngã, y hy thượng ức Diệu-cao-đài » v.v...

Cũng may chưa té sâu vào trong hang thất tình ngũ dục, còn ghi nhớ bóng vang thời cũ, tưởng đến Quảng-Đông tìm rước Lão-tăng, khác nào Đông-Pha-Công : « mừng tượng còn nhớ Diệu-Cao-Đài » vậy.

Ngày nay gặp nhau giáp mặt, còn nhìn đặng chẳng ? Nếu nhìn đặng tự khắc biết mặt mũi xưa kia của mình, chẳng đợi chỉ trăng mà tự sáng.

Ôi ! thần-long sở-di làm thần-long, vì có tài hay ruỗi hay co, hay phi đảng biến hóa, chẳng khá lường được. Sau nầy nhà vua phi đảng biến hóa, phần bản quy nguyên, há chịu nhượng thần-long hay sao ? Vì thế Lão-tăng đặc biệt tặng nhà vua pháp danh Hưng-Long, biệt hiệu Thiên-Túng-Đạo-nhơn. Từ nay về sau, mong rằng trước chưa rõ thì sau sẽ rõ. Sau nầy đại chuyển pháp-cơ, theo Phật-tổ về nơi hằng sáng. Phong-Can (18) lẽ mép, chẳng giấu gì người.

Ngày mồng 6 truyền Tỳ-Kheo-Giới (19), quốc-mẫu và vương-huynh đặt tiệc chay, ghi chép các lời pháp-ngữ.

Phật-viện trong vương-cung lạc thành, Quốc-vương xin ta đề bức hoành và câu đối.

Bức hoành viết bốn chữ : « Giác-vương nội viện ».

Câu đối khắc trước Đại-diện :

« Đăng-giác-địa vi Diệu-Giác-địa, thành tâm minh tâm, đồng nhập tam ma trí tuệ chơn-như tạng »

« Nguyễn-vương-cung kiến Phạm-vương-cung, tại thể xuất thể, tổng thành nhất phiến nhơn từ đại-đạo-trường ».

18) Phong-Can là tăng-nhơn đời nhà Đường. Lúc ông đi khuyên-hóa ở Kinh-Triệu, gặp Lư-Khâu-Rân, sắp bỏ vào làm Thái-Thú Thai-Châu. Lư hỏi thăm ở chùa Quốc-Thanh, núi Thiên-Thai có thầy nào giỏi. Phong-Can nói có Hàn-Sơn, Thập-Đắc hiện đang coi việc nấu cơm và rửa bát ở chùa ấy. Tức là Văn-Thù Bồ-Tát. Khâu-Rân đến chùa tìm yết kiến. Hàn-Sơn Thập-Đắc cười bảo rằng : « Phong-Can lẽ mép ».

19) Tỳ-Kheo nghĩa là kẻ xuất gia, đã chịu giới-pháp đầy đủ. Tỳ-kheo tức là Khất-sĩ, khất thực vậy.

Dịch nghĩa :

« Nơi đẳng-giác đời làm nơi Diệu-giác, lòng thành lòng sáng, đồng vào nơi trí-tuệ chơn-như ».

« Cung Nguyễn-vương xây dựng cung Phạm-Vương, đời tục đời tu, hợp một trường nhơn-từ đại đạo ».

Câu liên ở tiền-diện :

« Hải-thủy uyên hàm, dịch thê-giới, sái phiến ngao, phong khởi thanh lương nguyệt-diện ».

« Bồng-sơn điệp thúy, diện bang-kỳ, tác bàn-thạch, hoa thâm tĩnh khiết thiên -thiên »

Dịch nghĩa :

« Nước biển trong veo, rửa sạch trơn thê-giới phiến-ngao, gió thổi cung trăng mát mẽ ».

« Non bồng xanh ngắt, xây vững mãi bang-kỳ bàn thạch, hoa khai cõi bụi tốt tươi ».

Câu liên ở cột trụ tiền diện :

« Nguyệt diện ung dung, bắt quyền dạ-minh liêm, tịnh lý sum la vạn tượng ».

« Nhật luân chiều diệu, thường chiêm kim-sắc-tướng, quang trung phổ hiện thiên tường ».

Dịch nghĩa :

« Mặt nguyệt khoan thai, rèm ngọc rủ thâm nghiêm, muôn tượng báu sum la trong tĩnh mịch ».

« Bóng thiếu sáng chói, tượng vàng thường chiêm ngưỡng, nghìn điểm lành phổ hiện giữa quang minh ».

Câu đôi viết ở hậu diện :

« Thập thân điều ngự, ứng hiện nhơn vương, hợp-tác phật tâm đức-chủ ».

« Vạn đức trang nghiêm, tự thành bửu sở, tọa thâm hương-hải thần-cư »

Dịch nghĩa :

« Mười kiếp tu hành, ứng hiện đức vua giàu lòng Phật.

« Muôn đức nghiêm kính, hợp thành cung chúa giữa giòng thơm ».

Câu liên đề La-Hán-Đường :

« Thiên-thai sơn thượng thừa lương, cà-sa vong ký Thạch-Lương-Kiểu, chàng toái hư không, khởi thị phận ngoại tác dụng ».

« Hương-tích giới lý ứng cúng, thảo hài thác lạc Liên-Hoa-quốc, đập phiến thủy nguyệt, vô phi cá lý thần thông ».

Dịch nghĩa :

« Thừa-lương trên núi Thiên-thai, cầu Thạch-Lương quên áo cà-sa, đánh nát hư không, hiển phần tác dụng ».

« Ứng cúng trong chùa Hương-Tích, cõi Liên-Hoa đánh rơi giày cỏ, đập nhào trắng nước, hóa phép thần thông ».

Câu liên cửa tiền-diện :

« Phật đức cập quần sinh, thực khí nhân uân, kết bửu-quang ư từ thất ».

« Vương du châu bát biểu, tường phong phi phật, khai giác lộ di đoan môn ».

Dịch nghĩa :

« Đức Phật cứu chúng sanh, khí tốt xông un, nhà lành ngồi sáng báu ».

« Ông vua khắp tám cõi, gió từ phơ phất, cửa chánh mở đường ngay ».

Quốc-vương khai đàn ở Nội-viện, ngày Phật-dẫn (mồng 8 tháng 4) có quốc-mẫu, Công-chúa, hậu-cung quyền thuộc, đồng thọ Bồ-tát-giới (20). Vương tự đặt riêng một đàn. Ngày ấy nắng gắt. Vương mình mặc quần lụa; mồ hôi ướt thấm mảy lớp áo, người dẫn lễ mời Vương nghỉ một chút, lúc dâng lễ sẽ quỳ. Vương bảo rằng: «Ta ít tuổi, vui lòng chịu giới-phạm, chẳng lầy thê làm mệt ». Quỳ thọ-giới xong, đứng dậy, lại làm lễ, cầu xin chỉ bảo. Ta thường nghiệm thấy tin-căn của Vương rất bền vững, có lòng cầu đạo chơn thành, bền mừng rỡ viết quyển « Hộ-Pháp Kim-Thang-thư », tặng cho như sau :

20) Bồ-đề tức là chánh-giác. Có ba thứ Bồ-đề : Thanh-văn Bồ-đề, Duyên-giác Bồ-đề và Chư-Phật Bồ-đề. Phạm-ngữ gọi «A-Nậu Đa-La Tam-mịch tam bồ-đề » nghĩa là « Vô thượng chính-đẳng chính-giác ».

Thư rằng:

« Dấu ra đời, dấu ở thế-gian, đạo không có hai nẻo. Theo Nho-Giáo, Nghiêu Thuân nói chữ « trung ». Khổng-tử nói chữ « nhứt ». Sách Trung-Dung nói chữ « thành », danh-từ tuy chẳng đồng, nhưng nguồn gốc chỉ có một.

« Nhứt » là gì ? « Nhứt » tức tâm vậy. Giữ được nhứt tức tâm chánh, rồi lấy đó mà tu thân, thì thân được tu, tể-gia thì gia được tể, trị nước thì nước được trị. Nhất thiết dụng-nhơn, hành-chánh, binh, hình, lễ, nhạc, việc lớn việc nhỏ, việc nào cũng hiểu biết một cách sáng suốt và xử-lý đều được thỏa đáng. Cho nên trời được « nhứt » mà trong xanh (thanh), đất được « nhứt » mà yên ổn (ninh), nhơn-quân được « nhứt » mà thiên-hạ thái-bình, chính do đạo ấy vậy.

Đức Đại-Hùng Thê-Tông của ta vì người đời tự mình có chỗ chưa hiểu rõ, nên lập ra giáo-hóa, thoát hết trần căn, chẳng lập văn-tự, trực-hỉ lòng người, khiến người ta phải tu tâm kiến tính thì thành Phật. Tây-Thiên-Đông-Thổ chia làm năm dòng, tâm ăn chuyển nhau, cũng chỉ cốt khiến hiểu rõ lẽ ấy mà thôi. Lời xưa bảo rằng: « phương tiện có nhiều cửa, quy nguyên tính không hai », là vì lẽ ấy.

Đạo nho chủ trương lập nguyên-tắc « hữu vi » (phải làm), nên ở lẽ ấy biết vậy mà chẳng bàn. Đạo Phật đi đến chỗ « Vô thượng » (không còn gì cao hơn), nên ở lẽ ấy bàn mà chẳng dựng. Cho nên đức Thê-Tông thuyết pháp 49 năm, chưa từng nói đến chữ « nhứt », là vì lẽ ấy.

Nay xem nhà vua thông-minh nhơn thứ, độ lượng khoan hồng, thông trị mọi việc, biết thể tuất thần dân, giúp người lợi vật; gần xa sang hèn thấy đều thâm nhuần ân trạch, lại hay chăm chăm gánh vác việc nhơn-duyên tu hành; thế là, nếu nên lấy thân Quốc-Vương mà được độ, thì hiện thân Quốc-Vương để thuyết-pháp ; nếu nên hiện thân tỳ-kheo mà được độ, thì hiện thân tỳ-kheo để tu hành. Hai đường ấy đối với nhà vua tuy phân biệt mà chẳng phân biệt. Chỉ có hướng về bậc trên, muốn nhờ Lão-Tăng bày báo cái lẽ ấy. Nói về cái « lẽ » ấy, thì mọi người đều đủ, ai ai cũng có, còn phải bày gì và báo gì ? Tiếc vì đại địa chúng sanh, mang kiếp tự đời nào (vô thủy), trí hiểu biết bị che lấp, luân-hồi triển chuyển, chẳng khá thoát ly, làm nhọc lòng đức Thê-Tông, lúc ngồi ở trước núi Cánh-Giác, nửa đêm trong thầy sao sáng, thét lớn rằng: « Lạ thay! nhứt thiết chúng sanh đều có trí-tuệ đức tướng Như-Lai, chỉ nhơn vọng tưởng chấp mê,

chẳng từng được chứng quả, thật là bán gan mổ ruột, chẳng gặp người mua vậy ».

Nay mừng thấy nhà vua, thân ở ngôi vua, mà linh nguyên chẳng bị mờ tối, y nhiên hành động như kẻ tu hành ; ấy đều do mấm bát-nhã kiếp trước bồi đắp cao dày, cho nên tuổi trẻ tốt bậc giàu sang, trong trường tồn lạc, vẫn giữ được niềm tin bền vững như thề. Chỉ một chữ « tín », cũng đủ diệt trừ phiền não, thẳng vào cõi Như-Lai. Nếu trong lẽ ấy, vẫn giữ được niềm tin vững vàng, chẳng bị người lừa dối, chắc sẽ có kết-quả đền đầu đền đuôi vậy.

Lão-tăng không có tài-giỏi chi khác, chỉ xin xem câu chuyện trên đây, không mộng không tưởng, thề nào ta là chủ-nhân-ông ; không được đem ý-thức đo lường, không được đem nghĩa-lý giải-thích ; đem câu chuyện, không thú vị gì, không biết làm gì ấy, đặt ở đầu lòng ; đem ba ngày bốn, miệng niệm lâm nhâm, quyết tìm cho ra ý-chỉ ; vô luận lúc tọa triều bàn chánh sự, lúc thấp hương lạy Phật, cho đến lúc uống trà, lúc ăn cơm, lúc mừng lúc giận, lúc tiếp kiến quần-thần, lúc phụng thị mẫu-thân, lúc cùng với vợ con hội họp, lúc đi, lúc ngồi, lúc nằm, lúc xúc cảnh gặp duyên, lúc ưa lúc ghét, lúc ngồi trong nhà vắng một mình, lúc nào cũng chẳng được giây phút bỏ qua. Câu chuyện chớ bảo không thú vị gì, trong chỗ không thú vị, chính có thú vị tuyệt hảo, chớ bảo không biết làm gì, trong chỗ không biết làm gì, chính có việc làm tuyệt hảo. Xem đi xem lại, lâu ngày dài tháng, bỗng nhiên té xuống đất một tiếng ầm, rờ mó lỗ mũi mẹ đề, mới biết vẫn ở trên mặt. Đền địa-bộ ấy, chẳng ngại đem Đường-Nghiêu-Ngu-Thuần, Không-Tử, cho đến Tây-thiên, Đông-thổ Phật-Tổ, Ngũ-gia Tôn-sư, đều động cho một đá té nhào ; đỡ dậy chúng sanh, làm một đại-nhơn vượt bậc, còn gì khoái bằng.

Tuy nhiên như thề, kẻ chú-tri Trường-thọ này, cũng chưa chịu ngúc đầu. Vì có gì ? Nghìn nghe chẳng bằng một thấy. Nay nhà vua quy y với Lão-Tăng, chịu giữ Bồ-Tát đại-giới, thành tựu cho tăng-đồ cả nước đều giữ lòng Kim-Cang, làm công-đức-chủ, làm đại-đạo-trưởng, làm đại-phật-sự, tu-đại-công-hạnh, giải-đại-pháp-nghĩa, cho nên Phật lấy việc Kim-Thang Hộ-Pháp giao phó cho Quốc-Vương và đại-thần. Nhà vua đã thân hành việc phật, giàu lòng phở lợi vị-tha, lại hướng lên muốn rõ lẽ ấy, cầu Lão-Tăng bày bảo... Lão-Tăng nhờn lấy một chiếc áo là tía, viết bài này

vào ,để sau nấy ngộ đạo làm khê-khoán chứng-nghiệm. Nhà vua gắng bền chí hộ trì, mới khỏi phụ lòng Lão-tăng trông đợi ».

Quốc-vương cúi lạy tiếp thụ, tạ rằng : « Lão-Hòa-Thượng dạy bảo, ta chẳng dám quên, tự thẹn thói cũ thâm nhiễm, không thông hiểu việc cao cả, e phụ lòng từ-bi mà thôi ».

Ta bảo rằng : « Xưa kia trên Hội Linh-Sơn, nguyên lấy việc đứng ngoài hộ-pháp giao phó cho nhà vua, nay nhà vua cứ việc giữ vững tín-cần chứng vào đạo, sau nấy sẽ có ngày giải-thoát giác-ngộ ».

Quốc-vương hơn hờ, cáo lui. Chiều, ta trở về chùa Thiền-Lâm, truyền Bồ-Tát-Giới cho vương-huynh bọn Lệ-Truyền-Hầu, Thiệu-Dương-Hầu và Cai-Bá chúng quan.

Ngày sau (tức mồng 9 tháng 4), vì các giới-tử viên-mãn Bồ-Tát-Giới, vương-huynh, công-chúa, các giới-tử dọn cơm chay. Vương khiến Nguyên-Lão, Đông-Triều-Hầu dâng lễ thỉnh-tathượng-đường-thuyết-pháp.

Qua 3 ngày (tức ngày 12), ta suất lãnh Quốc-sư hai dãy, đem bọn tân-giới-tử làm phép « Cổ-Phật khất-thực », và tạ công-đức thành tựu của Quốc-Vương.

Vương mặc áo tía, hai tầng-nhơn cầm bình-bát, tích-trượng hầu hai bên, chực đón tại điện môn phía tây.

Chàng phan dẫn đường, hai dãy tăng-nhơn và hơn một nghìn bốn trăm tân-giới-tử, đều mang y cầm bát sắp hàng đứng tề-chỉnh, đồng thanh xưng tạ.

Vương mỉm cười, vui mừng an-ủi, rước tăng-nhơn vào dùng cơm chay và đãi trà các tân-giới-tử, cho thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo, khiến quân nhơn gánh đèn chùa Thiền-Lâm. Giới-diệp đề cập phát cho các giới-tử, đều đóng kiểm vương-ân.

Từ biệt trở về. Ngày hôm sau chứng đau bụng trở lại, xem chừng kịch liệt. Nhà vua nghe nói, khiến nội-quan cầm thư đến an-ủi. Bèn phúc thư rằng :

Lai thư bảo rằng,

« Hôm rày Lão-Hòa-Thượng quá nhọc mệt, tuy hậu-sanh tráng niên cũng không dậy nổi, huống người tuổi à không sinh bệnh sao được. Cầu xin

an-nhân tịnh dưỡng, ta mới được yên lòng ». Xem thư thầy lòng yêu Lão-Tăng rất thâm trọng. Nhưng thầy không thể phải tay được.

Lão-Tăng cũng bảo, người tại gia không được thanh nhàn tự tại, kẻ xuất-gia mới được hưởng cái thú ấy. Chẳng ngờ xuất-gia làm Hòa-Thượng rồi, chẳng những không được hưởng thú « tự tại », đền cả chữ « nhàn » cũng tìm chẳng được. Vì sao vậy ? Tại sắp đặt chùa chiền bận rộn quá, tiếp đãi, vãng lai phiền lụy quá, ứng thù giẫy mực nhọc nhằn quá, điều khiển sai vãi khó khăn quá, gặp phải ma-nghiệp tức tòi quá. Lôi kéo chẳng rồi, buồn cười quá, đền nông nổi nầy, còn thanh nhàn gì được. Ta e Quốc-vương Việt-Nam cũng vị tất được thanh nhàn tự tại vậy.

Tại thầy, xuất thầy, đồng một chữ « bận rộn ». Nhưng trong sự bận rộn có hơi không giống nhau. « Bận rộn » của kẻ tại gia, từ Thiên-Tử đến thứ-nhơn, chẳng qua vì phú quý công danh, thầy nhĩ lão tiểu., tức là vì mình vậy. « Bận rộn » của kẻ xuất-gia, chỉ vì Phật-Tổ đạo-pháp, lo tiếp dẫn hậu-nhơn, tức là vì người vậy. Biết đâu trong sự vì mình ấy là vì người khác, mà trong sự vì người khác lại chính vì mình. Cũng như nói, « Sửa mình theo lễ tức là điều nhơn », máy luân chuyển như hơi thở ở mũi, cần phải biết mình là tư, lễ là công, mình và lễ, công và tư, bốn điều ấy liên quan như một. Quý hồ biết sửa mình theo lễ, bỏ tư hướng công, ấy là nhơn vậy. Nếu chẳng hay sửa mình theo lễ, trái công hướng về tư, ấy là vì mình vậy. Chẳng lo nhơn hay chẳng nhơn, chỉ lo biết sửa mình hay chẳng biết sửa mình mà thôi ; bởi thầy sách xưa bảo: « Làm điều nhơn do mình, chẳng phải do người vậy ».

Đền bậc ấy, mới có chỗ để làm công-phu. Lão-Tăng bận rộn, cũng như sách nho bảo: « Một ngày sửa mình theo lễ, thiên hạ theo về với kẻ có nhơn », vì người chính vì tự mình, cho nên vui lòng chịu lụy, đền nỗi sanh bệnh cũng chẳng hề chán mỏi. Còn như người đời bận rộn, là « vì người khác lo may áo cưới », nào có ích chi cho tự mình. Ta chẳng làm người thanh nhàn tự tại, chịu phiền lụy đền nay phải chống chọi với bệnh, chẳng là già đầu mà đại lắm sao ! Xưa Duy-Ma đau, Văn-Thù đến thăm, Duy-Ma lặng thinh mà mở « Bát-Nhị Pháp-Môn ». Nay Lão-Tăng đau, đức-vương sai nội-giám cầm thư đến thăm. Lão-Tăng lý-luận phiền toái. Duy-Ma đau cùng Lão-Tăng đau, một người lặng thinh, một người bàn nói, đồng chẳng ? Khác chẳng ? Xin đặt một câu hỏi.

Ngày 13, Quốc-Vương sai Nội-giám đền thưa rằng : « Ngày mai, Vương sẽ ra Diễn-Võ-Trường xem voi thao diễn, nửa tháng mới về ; muốn thỉnh Lão-Hòa-Thượng cùng đi, xem một lần cho biết ».

Ta nhận lời chịu cùng đi.

Đền ngày 15, mờ sáng, Nội-giám rước lên thuyền. Dòng nước lờ đờ sao mai thưa thớt, sương sa sông vắng, gà gáy rừng sâu. Thuyền chèo quanh co chừng 10 dặm, nghe trong khói mù có tiếng ồn ào, nội-giám bảo rằng : « Đã đến nơi ». Nhìn lên thấy người đi xem, đàn ông đàn bà đứng bao quanh bờ năm dặm, Quân hầu nạt người tránh, dẫn đường đi trước. Vương lên đài ở trung-ương, xường vương-tượng gần một bên, chứa toàn những voi cao lớn. Tả hữu la liệt những đồn lính và xường tượng, cỏ rom và mía để chắt đầy đồng.

Lúc dàn trận, voi sắp từng hàng 10 con, đứng ở phía tây, mỗi con trên lưng đặt một cỗ yên bằng gỗ sơn đỏ, hình như cái học. Trong học, có 3 người đứng, đầu đội hồng-kim-khôi, mình mặc áo nhung lục, tay cầm kim-câu trường-thương, một tên nài cầm câu-liêm ngồi trên vai voi. Phía đông, 500 quân cầm đao thương và đuốc châm lửa, xây mặt về phía voi đứng. Đằng sau đài đặt những bù-nhìn bên rom như hình quân lính.

Cờ lệnh trên đài phất lên. Ba quân múa đao thương, nhắm hàng voi xông tới. Hỏa-khí đốt lên, khói bay mù mịt, voi vẫn đứng yên. Bỗng chốc, trống đồng đánh liên hồi, các quân phân động xông vào voi, bọn nài bỏ câu liêm vào đầu, võ-sĩ đâm vào đuôi. Bảy voi chạy thẳng đền rượt đuổi. Quân lính lui tránh; mỗi con voi lấy vòi quấn một bù-nhìn bằng rom đem về. Thót voi nào chạy hơi chậm, liền bị thương đâm búa bổ, chảy máu đứt da, đền đổi có con quá mệt, phục quý không thể dậy nổi. Tan trận, lấy đó phân hơn thua.

Vương thuật chuyện rằng : « Bản-quốc có những tê-ngưu và voi đi từng bầy trong núi. Muốn bắt voi sông, người ta đem hai con voi cái thuần đi dụ, voi cái kèm voi rừng cho người ta lấy giầy lớn cột chân vào gốc cây, giam cho đói khát ít ngày, rồi người nài lần dần gần, cho ăn uống. Lâu dần quen, hai voi cái bèn kèm voi mới về giao cho một viên quản tượng.

Thường thường có 50 lính coi việc diễn tập. Mấy năm gần đây, những trận đánh với Đông-Kinh, (Hà-Nội) Chiêm-Thành, quân ta thắng trận phần lớn nhờ sức voi vậy. Thời Tiên-Vương có một con voi ra xung phong hãm trận, chủ-tướng bị địch giết bèn lầy vùi quân thấy chạy vào hang núi giấu kín ; quay trở ra, nổi xung chạy vào trận địch, đánh phá tung hoành. Ba quân hòa theo, kết quả được toàn thắng. Sau lúc thu quân, voi đến quỳ trước tướng, dẫn người đi tìm hài cốt chủ cũ đem về chôn cất, rồi bỏ ăn, chết theo chủ. Đến nay, mã nghĩa-tượng đương còn. Nhon hỏi thăm việc diễn binh tập tượng ở Trung-quốc, ta trình bày tỉ mỉ phép diễn võ cho nghe, và làm bài « Thao tượng hành » để hoài-niệm Bái-Tướng-quân rằng :

*Quốc-Vương thành tâm việc cung dưỡng,
Rước ta đi thuyền xem tập tượng.
Ban mai sương khói đương mịt mờ,
Gió thổi mặt sông nước nhấp nhোáng.*

*Mười dặm đã đến Diên-Võ-Trường,
Bốn bên người đứng như vây tường.
Vương ngồi cao-đài mặc long-cổn
Cầm-bào thị-vệ cầm đao thương.*

*Voi Việt-Nam như ngựa Ký-Bắc,
Từng bảy đồng cao ăn rã rác.
Người đem voi cái đi dụ về,
Buộc chân gốc cây giam đói khát.*

*Dụ về nuôi dưỡng mấy lâu nay,
Nước nhà nuôi tượng hậu hơn người.
Lúa đậu lương ăn ngày một hộc,
Quân-sĩ cắt cỏ lo hằng ngày.*

*Nửa tháng trước ngày ra điểm thị,
Voi được voi cái chia từng đoàn.
Mỗi đoàn năm mươi lính tập luyện,
Lúc tiền lúc thời nghe lệnh toàn.*

*Tháng tư ngày dài, buổi ban mai,
Nón hồng mũi bạc tuốt sáng ngời.*

Đứng trên lưng voi ba võ-sĩ,
 Tay cầm xà-mâu dáng hùng oai.
 Phía đông mười voi làm một đội,
 Phía tây quân-sĩ năm trăm người.
 Cờ trắng phất lên quân-sĩ tiền,
 Hò reo đột lửa khói mù trời.
 Cờ trắng hạ xuống phất cờ xanh,
 Nài cứ đầu voi búa chan chát.
 Voi quật bù-nhìn cuộn đem về,
 Mau thì có thưởng chậm bị phạt.
 Bỗng chốc tập xong định hơn thua,
 Xiết bao máu chảy, thịt da nát.
 Xiết bao khó nhọc quý sa-trường,
 Lĩnh bị roi đòn quan bị cách.

Nghe nói :

Xưa có một voi mạnh và trung,
 Quan quân cỡi ra đi tiền-phong.
 Chủ-tướng hăm trận bị giặc giết,
 Lấy vôi cuộn dây giấu hang cùng.
 Trở ra, xông vào phá trận giặc,
 Quan quân theo gót được thành công.
 Về dinh voi quỳ trước đại-trưởng,
 Dắt người tìm thấy, chôn cất xong,
 Voi ta bỏ ăn chệt theo chủ,
 Nằm mổ nghĩa-tượng lưu non sông.

Vương hỏi :

Trung-hoa võ-bị như thế nào ?
 Trình bày Lãnh-Hải Bái-Tướng-quân.
 Liêm-Pha Lão-tướng bước lên đàn,
 Ba quân hùng hổ như phong vân.
 Tướng quân chẳng chuyên dùng võ-lực,
 Chỉ lấy nhơn-nghĩa làm can qua.
 Xê ngọt chia đẳng với quân-sĩ
 Quân-sĩ yêu mến như mẹ cha.

Thành công ngồi dưới gốc đại-thụ,
 Mào cao áo rộng rất khoan thai.
 Bỏ người dùng thủ mạnh chẳng chuông,
 Canh gác chẳng được chút nghỉ ngơi.
 Thanh-triều thiên-tử tề Nam-Giao,
 Thái-bình nghỉ vệ có voi châu.
 Ngự-tượng tại triều cấp bổng tướng,
 Minh phủ yên gấm gấn kim châu.
 Thường đem việc ấy răn quần thần.
 Voi vì có ngà phải thất thân.

Sanh bình ta sợ nóng nực. Ngày nọ giải nắng, nhớ chùa xưa lúc nầy hoa rừng đua nở, ngồi Điện-tâm-Định bẻ sen gọt ầu, bồn mặt gió hổi, thật là một khoái sự. Chợt thấy trên án có cắm một đóa hoa sen, khiến người tìm một cộng sen tươi, khắp nơi chẳng có. Đều thưa rằng: « Sen chỉ có hoa và lá, không có cộng dài ». Nhon biết rằng, hoa và lá nhờ có nước mà sinh, còn cộng sen dài phải nhờ có đất mới mọc được. Xứ nầy toàn phù-sa, nên không có cộng sen dài. Những kẻ tâm-đức không đầy đủ, chỉ phần sức bề ngoài, cũng giống như sen Đại-Việt vậy.

Có tiếng đồn ta ưa ăn trái cây, mọi người đua nhau đem trái tươi đến dâng. Liều-xá chắt lấy ngọn ngang, nào là mít, xoài, dưa hấu, chuối và hường... Những loại trái ngọt gắt, ta cũng chẳng ưa. Ngày kia, Vương sai nội-giám đem biếu một giỏ xoài đầy, bảo rằng thứ xoài ngon thượng-phẩm, đem dâng Lão-Hòa-Thượng. Ta có ý khinh rẽ, xem kỹ, thấy thứ xoài hơi tròn lớn, dùng dao gọt vỏ, cắt một lát ăn, thấy thơm ngon khác hẳn giống thường. So với giống xoài Việt-đông, sồng thì chua, chín thì thối, khác xa biệt chừng nào. Cho biết sách Tăng-diên chép trái Am-Ma-La (菴摩羅) chính là thứ trái nầy. Nay sách Dư-Ký chép làm trái Am-La, bỏ sót chữ « Ma »; tục gọi mông-quả (蒙菓), đổi hẳn ra tên khác; tuy danh-xưng có sai ngoa, nhưng giống xoài cũng có hơn kém. Chúng ta thấy vật mà chẳng tìm cho biết tên là không đúng, mà nghe tên đã vội tin vật cũng không đúng vậy.

Trước ba ngày, Thiệu-Dương-Hầu lấy một cái hộp đựng mười trái vải đem đến biếu, vải dày vỏ lớn hột, cũng như thứ vải « đường-phô » ở tỉnh Việt. Vải nầy ở đây cũng đã hiếm có. Muốn tìm thứ vải « hắc-diệp »

đã không thể được, mong gì có thứ vãi « ngưng-băng » như ở Quảng-Đông. Nếu so sánh quả xoài, thì xoài xứ này quý hơn xoài Việt-đông; trái lại, vãi Việt-Đông quý hơn vãi Nam-Việt. Xem đó, người ta không nên khoe khoang một tài hay của mình, dùng người cũng nên tùy tài từng người mà chọn lọc. Nhon ăn trái vãi, hoài-niệm Trương-Phương-Bá, làm thành một bài ngũ-ngôn cổ-thơ.

BÀI THƠ

Ta đền Cổ Giao-Châu,
 Ngày đêm chịu nóng nực.
 Đêm mát dạo quanh thềm
 Ngửa mặt nhìn Nam-trực.
 Trông ngóng cung Tử-vi,
 Xa xuôi chẳng đền được.
 Đề-tọa chiều hào quang.
 Dưới rèm thừa sáng rực.
 Hoa sen đầm sương nở.
 Cá ao nhảy bóng trắng,
 Sống vui nhìn cảnh vật.
 Ngồi nghĩ được hay chăng.
 Xưa Thiệu-Bá tuần hành,
 Cam-đường trồng Nam-quốc,
 Giao-châu cách đại-dương,
 Xa tít miền Nam-cực.
 Tiền triều sửa bản-đồ,
 Quận huyện định pháp-thức.
 Ngày xưa Hoàng-thượng-Thư, (21)
 Bỏ, Ân có oai-đức.
 Người sau sắp đặt sai,
 Nam dân sinh phần trắc.
 Đẳng đẳng mấy trăm năm.
 Đền nay thành thuyết vực.
 Dầu có lòng hướng hóa,

21) Có lẽ chỉ Hoàng-Phúc đời nhà Minh, ông có qua làm Bô-Chánh ở Nam-Việt.

Chưa dám tu công-chức.
 Lễ-giáo thoảng nghe bàn,
 Tiễn than thở bực tức.
 Chỉ sợ Việt với Hoa,
 Tiếng nói người khác nước.
 Lời nói và tinh-thần,
 Làm sao phiên-dịch được.
 Mít mật ăn quá ngọt,
 Hoa cau mùi khá ưa.
 Thơm tho thua trái vải,
 Tháng năm nhớ quê xưa.
 Suối trong tưới bồn ngọc,
 Thùng đựng lui nghỉ trưa.
 Gió nam nay gặp dịp,
 Buồm về thẳng cánh đưa.

Vương định đến ngày 24, sẽ rước tất cả tùy-trượng tăng-chúng, mở một kỳ sám tụng Đại-Bi Đà-La-Ni. Một là vì năm nay nhờ có thỉnh ta đến, trong nước được phong hòa vũ thuận, vật phụ dân an, nên muốn đặt đàn tụng kinh để tạ ơn Long-Thiên Phật-Tổ. Một là vì, 18 tháng 5 là ngày đàn-nhật khánh chúc, sợ đến ngày ấy việc triều-đình bận rộn, không được thanh tịnh như ý, nên muốn trai giới trước ngày. Vương ban hỏi những công việc nên làm. Ta thưa rằng : « Việc trai giới chẳng phải chỉ giữ cho sạch miệng sạch mình, tư-tưởng trong sạch mà thôi. Việc trai giới của nhà vua, cần phải đem việc quốc-gia trên dưới thanh lý chỉnh-tề, không một người nào chưa được yên sở, không một việc nào chưa được thỏa đáng, như thế mới gọi là viên-mãn. Nay trước hết, nên thanh-lý oan ngục, tha tù bị giam cầm, chẩn cấp kẻ nghèo thiếu, khởi dụng kẻ yêm trệ, bãi bỏ cầm điều nghiêm khắc, thương xót kẻ buôn bán, thi ân cho thợ thấy. Nói tóm lại nên đem tất cả công việc giúp người lợi vật, chăm chúc cử hành. Đến như nghi-lễ đàn trường, tăng-chúng y bát, vật dụng hương hoa... sẽ kẻ đơn chề biện ».

Ngày nọ, trong lúc đem tăng-chúng vào cung, gặp một người đàn bà, tay cầm một tờ giấy kêu khóc, đón ta và thưa rằng : « Có chồng tên Tăng-Văn-Lão, người tỉnh Mân (Phúc-Kiến), phạm tội nặng, bị xử tử hình.

Lúc đương giam trong ngục, chờ ngày hành quyết; Tăng-Lão bỏ ăn uống, chết đói. Người vợ mua quan tài tẩm liệm, đem chôn ngoài đồng và lấy phen đập lại. Sau 5 ngày, làm cơm canh đem cúng, nghe trong hòm có tiếng rên khóc ; vỡ hòm kêu, Tăng-Lão biết có vợ đến, bảo rằng : « tội ta chưa đáng chết, Diêm-Vương đuổi về và bảo đền cầu Quảng-Minh Đại-sĩ cứu cho sẽ được sống ». Người vợ chạy báo quan địa-phương, mở hòm khám nghiệm, thấy hơi thở ngoi ngóp chưa dứt, bèn đổ nước cháo cho uống. Hiện nay còn giam lại trong ngục để chờ mệnh-lệnh nhà vua. Thiết nghĩ, (người đàn bà nói tiếp) Lão-Hòa-Thượng là người Đại-Minh, lại từ Quảng-Đông đến, chống tôi bảo Quảng-Minh Đại-sĩ, chắc là phải. Hòa-Thượng mới có thể cứu sống chống tôi, cúi xin rủ lòng từ-bi làm phước ». Y Thị kêu cầu rất khẩn thiết. Vừa rồi xưng Trung-Hoa làm Đại-Minh, người ấy chỉ biết tiên-triều, cũng như các phụ-lão ở Đào-nguyên chỉ biết có nhà Tần vậy. Ta hứa chịu và đi, vào cáo việc ấy với nhà vua, liền được hạ lệnh tra cứu tha ngay. Như đó các tù tội nhẹ đều được phóng thích, tội nặng được giảm khinh, bao nhiêu thiện chánh cử hành, khắp nước thấy đều ca tụng.

Ngày ấy cắm phan treo cờ, trên bấu la liệt, khói hương sức nước, hoa quả huy hoàng, Quốc-Vương mở đàn cúng dường. Chúng-tăng trai giới tiền đàn, từ đầu đến gót y phục mào giày đều mới tinh ; ngân nga trong trẻo, điệu-bộ khoan thai. Những người đi xem, đều lặng thính tỏ bề cung kính. Mỗi một lúc tiền đàn, Quốc-Vương ắt đứng ngoài đàn sửa lễ, đứng ngồi xen lẫn với tăng chúng chẳng chút giải đãi. Ta ở lại Nội-Viện để chứng-minh. Lúc rảnh, cùng nhà vua bàn luận cổ kim trị đạo, chỉ dẫn mọi đường lỗi khoan hình chuộng đức, yêu quân, hậu dân, thông thương giảm thuế v.v... Nhà vua đều vui vẻ tin nghe, giận mình tuổi trẻ kiền-văn không được rộng rãi.

Trong lúc nói chuyện, bỗng có một viên Nội-giám từ ngoài bước vào, nói vài câu tiếng Việt, Vương vội chạy ra. Nghe ngoài điện đánh 3 hồi trống. Hồi lâu, Vương trở vào, thở hào hển. Ta thấy lạ hỏi thăm. Vương nói : « Vừa rồi, trại quân bị lửa cháy, sáng sớm chạy qua cứu chữa, xin chịu thất lễ, không được bồi tiếp Lão-Tăng ». Ta hỏi : « Vương tự mình qua cứu » ? « Thừa phải, chẳng kịp chờ xa giá, ta đến, quan quân mới tể tự cứu chữa ». Ta nói rằng : « Sao, nói gì lạ thế ? Đứa con nghìn vàng, chẳng ngồi cheo

leo nơi thêm cao ; huống chi ông vua thiên-thặng, trên quan hệ đối với trọng trách Tôn miếu Xã-tắc, dưới quan hệ đối với sự an-ninh của trăm họ muôn dân, há nên khinh thân vào nơi nước sôi lửa cháy. Vẫn biết đức-trạch nhà vua, thăm khắp trăm họ, nhưng biết đâu không có cuồng-phu oán-tốt dòm hành ; hoặc cớ ý phóng hỏa để dụ Vương ra, rồi thừa hư phạm giá, há chẳng nguy thay ? Bởi thế, nhơn-quân lúc đi ra có đường kinh, đi vào có đường tắt (đường cấm), không phải bày đặt vô-vị đâu ». Vương nghe nói thất sắc, bảo rằng : « Phải, nhưng biết thế nào, trong nước toàn nhà tranh, năm nào cũng có hỏa-hoạn, mỗi lần cháy lan hàng mấy dặm, nếu chẳng cứu, nhà dân sẽ ra tro hết ». Ta nói : « Đã có cách hay, nhà vua nên đặt làm một thứ lệnh-tiền, gặp lúc trong nước có việc gấp, cần nhà vua phải thân hành đến tận nơi, chỉ sai Nội-Giám cùng quan quân cầm lệnh-tiền đến. Lệnh đến cũng như vua đến vậy... Lệnh đến, nếu quan quân có người nào không đến, lập tức trị tội chẳng tha. Như thế không có gì hại cả ». Vua vui vẻ bảo rằng : « Nếu chẳng phải Lão-Hòa-Thượng yêu ta, bao giờ được nghe lời ấy. Mấy ngày rày đàm đạo, và trong sự nghe thầy, nếu có những chánh kiến vì nước vì dân, cầu xin Hòa-Thượng bày bảo từng điều một thật rõ ràng, hầu khiến khắc yết lên triều môn, vĩnh viễn cùng thần dân noi giữ vậy ».

Những lúc ra ao câu cá, thả thuyền hái sen, Vương đều đón ta đi, mỗi người cỡi một thớt tượng. Có lúc đổ cát vào bao, khiến tượng nhối ném. Trong nước có tượng-hình, bắt tù trọng phạm giao cho voi quật, voi nhối phạm-nhơn lên cao mấy trượng, rồi lấy ngà xóc đỡ, ngà xoi thủng gan ruột, phạm-nhơn chết liền. Ta khuyên nhà vua trừ bỏ hình phạt ấy.

Chiều hôm làm đàn « hòa-diệm », nghi-lễ đàn Bộ-châu vừa bày xong, thì mây kéo đen trời, mưa gió chẳng ngớt. Vương ngửa xem dặm chân bảo rằng : « Làm sao được một hôm tạnh ráo, để Pháp-sư được chân-thực như ý, phật sự viên mãn, thì quý biết chừng nào ? » Ta nghĩ, nhà vua một lần công-đức, tốn phí bạc nghìn, bèn lấy hết tín thành cầu đảo, niệm « Uê Tích-Kim-Cang thần-chú » 108 biến, đốt hai đạo bùa. Nghỉ một lát, lại niệm chú 48 biến. Mưa gió tạnh dần, một chốc vén mây thấy rõ trời xanh, rồi bóng tà dương phản chiếu nóc nhà, suốt đêm đầy trời saosáng. Vương mừng rỡ tạ lễ, ý muốn học phù chú ấy. Ta bảo : « Học thì rất dễ, nhưng muốn cho linh-ứng cần phải tu luyện hằng tháng hằng năm, mới có thể tùy

cơ ứng dụng». Vương nói rằng: «Xin cầu Lão-Tăng cứ truyền dạy cho». Ngày sau cáo từ lui về, Vương lại cầu khẩn. Ta bèn đem những việc chính trị bàn luận mấy ngày nay, chép ra từng điều một, hơn điều trăm «lập quốc chánh ước» 18 điều, đều là những việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỷ-cương pháp-độ, chép từng chi tiết rõ ràng. Vương đọc xem rất mừng, bảo nội-quan Chương-sự rằng: «Nước ta pháp-độ dân tình đều chưa được đúng đắn, nay nhờ Lão-Hòa-Thượng đem lễ-phép Trung-quốc chỉ dạy, liệt trăm 18 điều; nên khắc bằng yết lên cửa phủ, hiệu dụ văn võ quan dân đều biết, và khắc 24 thẻ bài, chia loại nêu rõ. Nếu ai trái điều-lệ, phạm phép, cho kẻ bị thiệt hại, cầm thẻ bài đến kêu. Vô luận văn võ quân dân vương thân quốc thích đều cứ pháp-luật trị tội. Vĩnh viễn lấy đó làm quốc chánh vậy.

HẢI-NGOẠI KỸ-SỰ

QUYỂN III

TA nhờn được tạm nghỉ, đi qua Việt-Nam. Nguyên dự-định còn phải đi lên Bắc-Kinh có việc, vả lại nhà thường-trú xây cất chưa xong, đại-chúng trông đợi. Vì vậy quyết định đến tháng 6 sẽ liệu lý trở buồm. Có người cho Quốc-vương hay ý định của ta. Vương búi ngủi bảo rằng : « Tuy hạ-quốc buồn tẻ, Lão-Hòa-Thượng đã làm ơn chiều cò, dầu chẳng chịu ở lại năm ba năm, cũng gắng gổ một hai năm, cho thỏa lòng đệ-tử cung dưỡng, sao đột nhiên đã vội nói ly-biệt, bỏ người bơ vơ cho đành ».

Ngày sau Quốc-Vương rước ta vào cung, đàm đạo tâm sự. Nhớ lại từ lúc ta mới đến, đã khuyên Quốc-vương nhập công Trung-Quốc, đề xin phong tước cho được chính danh vị. Nay ta gần về, nhờn nói cho biết Thái-tổ Thái-tông Thanh-triều ta, đều là những bậc thánh-quân, lấy đức trung hậu mở nước. Đức Thê-tổ-Hoàng-đề là một vị vua nhân-từ, lại có lòng sùng tín Tam-Bảo, từng rước Ngọc-Lâm Mộc, Trần-Hòa-thượng vào Tiêu-viên để cúng dưỡng, ngự thư hai chữ « Kính Phật » ban tặng. Người giữ theo kinh kệ phép phật, thường bảo rằng tỳ-kheo là những người ra ngoài cõi đời, chẳng nên quỳ lạy Thiên-tử Vương-hầu ; lại có ban hành một quyển sách, nét chữ cứng rắn, đủ làm khuôn thước cho đời sau ; tính ưa đọc sách, tự tay sao chép một quyển cổ-văn ; phụng cúng một tượng Phật cao mấy thước có khảm thất-bửu và đưa hai Hòa-thượng về núi, mọi

cử chỉ đều khiến người thần phục. Hoàng-thượng đương-kim (1) lại phú tính thần minh, văn hay võ giỏi, đẹp yên bền bề, đạo rộng hơn dày ; chân tề dân đối, tha thuế luôn mây tính ; muốn dân thiên hạ thấy đều mến đức sợ oai, thực là một vì vua hiềm có. Quân thần văn võ, đều thể theo lòng vua. Hiện nay tại hai tỉnh Quảng các quan tổng-độc, tướng-quân, đề-độc, tư-đạo đều thanh-liêm chánh đại, ngồi trần xứ Bách-Việt ; làm việc quan chuộng đức, pháp-lệnh chuộng nghiêm, ôn-hậu hòa-bình, chẳng giận mà có oai, quân dân đều xưng tụng, rất có thể-thống đại-thần trần nhậm biên cương. Chúa thánh tôi hiền, thực đúng thời thanh trị của một Triều-đình hữu đạo. Vương nên dâng biểu xin quy thuận, chớ do dự chần chờ.

Wương nói rằng : « Nay nghe Lão-Hòa-Thượng thuật chuyện, mới biết rõ ràng. Chỉ e, ta ở nơi cô-lộ, không hiểu lễ-giáo, lòng hướng-hóa tuy có, nhưng tiểu-quốc từ trước chưa xin phép tiền công, nay đường đột dâng biểu, nếu biên-giới đại-thần chẳng chịu thông báo lên triều-đình, chỉ mất công qua lại không ích gì. Lão-Hòa-Thượng đã chẳng chịu yêm-lưu hạ-quốc, sau ngày về núi, xin đem chơn-tỉnh của ta trần thuật với các nhà đương-cục Việt-đông ; nay mai có tin cho tiền công, ta lập tức sắm sửa lễ vật, làm biểu, sai người dâng lên triều-đình, quyết chẳng sai lời hẹn vậy ».

Nhơn hỏi thăm các bậc trụ-thạch lão-thành trong triều ngoài quận, và các tay anh tuấn tài hoa Trung-triều. Ta lược cử các vị đại-thần, các quan nội-các, những người ta biết tiếng, kể cho nghe.

Chiếu tôi, trở về Thiên-Lâm, làm một bài thơ ngũ ngôn cổ-phong gởi cho Đình-Thường-Thị Hàm-Quang Thôi-sứ.

Bài thơ

Việt-nam nhìn thẳng cảnh.

Hình câu cổ uốn cong.

Trắng phao ngồi động cát.

Núi thăm đầy chìm hồng.

Kỳ-nam-hương, long-não.

Chim Không-trước, mây song

Thổ-sản bán ngoại-quốc.

Thương-mãi lợi giao thông.

1) Tức Khương-hy Hoàng-đề.

Đất tốt chẳng phân bón.

Ba mùa lúa trở bông.

Chiến trường lửa tượng đánh.

Thành quách sẵn tre trống.

Cương thường tuy chẳng biết,

Thờ chúa vẫn hết lòng.

Hỏi thăm triều Trung-quốc.

Ai tài tuần anh hùng ?

Rằng : ra trần Đại-Dũ.

Có Đinh-Hoàng-Môn-Công.

Thân-thần gọi tai mắt.

Phê phũ giữ biên-phòng.

Tiến hành bày tiệc ngọc,

Ngự-bào ban áo rồng.

Bản triều trang anh tuấn

Như thề còn nhiều ông.

Thăm thăm nguồn ân-trạch.

Hầu ra khắp biển đông

Nay ra trần ngoại quận.

Tôi sớm về Triều Trung.

Ta về sẽ trần thuật.

Đại-việt muôn cầu phong.

Trong nước dân rất khổ, đất ruộng ít ỏi, lúa chẳng đủ ăn. Dân thổ-trước một dải Thuận-hóa Hội-an đều sống nhờ lúa của các hạt khác. Thổ-âm gọi « Phạn » là « Cơm », kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ ; hoặc dùng cá tôm rau quả ăn trừ cơm, hằng ngày bữa no bữa đói thật thường. Sau núi trước biển chỗ nào có bãi cát thì dân cắt nhà ở ; tùy số dân nhiều ít, tập hợp làm một xã, xã có cai, có xã-trưởng. Ruộng cây lúa, hoa-lợi phải nộp vào công-khố chừng bảy tám phần mười, dân chỉ được hưởng hai ba phần mà thôi. Ngoài ra có người làm nghề đánh cá hái củi, đem về nộp cả cho bọn Cai, Trưởng. Bọn nầy cấp hoàn cho bao nhiêu được nhờ bấy nhiêu. Thề mà còn phải nộp thuế thân mỗi năm 12.000 đồng tiền (hai quan), và các thứ tre gỗ muối gạo tùy theo thổ-sản. Gặp lúc nhà vua có việc công, Cai-xã bắt dân phu ra ứng dịch, mọi người phải lo cơm đùm gạo bó đi làm. Chợ hàng buôn bán đều đàn bà con gái, không phân biệt « nam